



CK.0000040023

DIỆN DIỆN PHỦ

TUỔI TRẺ LẬP CÔNG



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

ĐIỆN BIÊN PHỦ TUỔI TRẺ LẬP CÔNG

NHIỀU TÁC GIẢ

**ĐIỆN BIÊN PHỦ
TUỔI TRẺ LẬP CÔNG**

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Tập thể biên soạn

- VĂN TÙNG (CHỦ BIÊN).
- PHONG THU.
- PHƯƠNG TRANG VÀ CÁC CỘNG TÁC VIÊN KHÁC.

LỜI GIỚI THIỆU

Năm nay, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân và thế hệ trẻ cả nước ta hết sức vui mừng, phấn khởi, tự hào tổ chức kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ vĩ đại. Trải qua nhiều thế kỷ trong cuộc chiến đấu kiên cường, bất khuất vô cùng oanh liệt chống ngoại xâm để giữ gìn độc lập cho đất nước, dân tộc Việt Nam anh hùng đã từng viết nên những trang sử vô cùng hiển hách với Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa... và trong thế kỷ 20 với Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, với Đại thắng mùa xuân năm 1975 đem giang sơn về một mối.

Đã nửa thế kỷ qua, hai tiếng Điện Biên Phủ - Hồ Chí Minh luôn vang lên ở nhiều quốc gia, dân tộc hết lòng cổ vũ nhân dân và các thế hệ trẻ nước ta trong cuộc đấu tranh chính nghĩa nhằm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thân yêu của mình.

Điện Biên Phủ được ghi bằng những chữ vàng trong lịch sử chống ngoại xâm của nhân

dân ta. Và chiến thắng Điện Biên Phủ vĩ đại đã chứng minh một cách hùng hồn chân lý của thời đại là một dân tộc dù nhỏ, khi đã đoàn kết đứng dậy theo một đường lối đúng đắn - đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, theo chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh vĩ đại, kiên quyết chiến đấu cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội hoàn toàn có đầy đủ khả năng để chiến thắng đội quân xâm lược nhà nghề đông về số lượng, mạnh về trang bị lại được Mỹ, đế quốc giàu mạnh hàng đầu thế giới giúp sức. Vì vậy chiến thắng Điện Biên Phủ mãi mãi được coi là chiến công hiển hách, là sự kiện vĩ đại mở đầu cho cuộc đấu tranh thắng lợi của các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

Đối với nhân dân và các thế hệ trẻ nước ta, chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ sống mãi với thời gian, sống mãi với các thế hệ trẻ Việt Nam. Biết bao anh hùng, liệt sĩ, biết bao cán bộ chiến sĩ yêu quý của chúng ta đã trở thành bất tử, nêu lên những tấm gương chiến đấu quên mình lâm liệt mà chiến công lẫy lừng được ghi tạc vào tâm khảm của thế hệ trẻ hôm nay và mai sau. Đó là những Bé Văn Đàn lấy vai làm giá súng, Tô Vĩnh Diện lấy thân chèn pháo, Phan Đình Giót lao người lấp lỗ

châu mai, Trần Can quên mình trong lửa đạn... và còn biết bao anh hùng chiến sĩ trẻ tuổi quả cảm khác kể cả các anh chị Thanh niên xung phong, dân công hoả tuyến trong trận chiến 55 ngày đêm quyết liệt ấy đã hiến dâng tuổi thanh xuân tươi đẹp cho Tổ quốc!

Thế hệ trẻ chúng ta đời đời biết ơn những người đã ngã xuống và những người đã lập công xuất sắc trên chiến trường xưa lịch sử.

*Đáp ứng nguyện vọng tìm hiểu diễn biến cùng chiến công của các anh hùng, chiến sĩ trong chiến dịch Điện Biên Phủ, Nhà xuất bản Thanh Niên trân trọng giới thiệu cuốn sách “**Điện Biên Phủ - tuổi trẻ lập công**”, sách in lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung (và thêm phần phụ lục về sự đóng góp quan trọng của lực lượng TNXP phục vụ chiến dịch) với bạn đọc trong cả nước, nhất là bạn đọc trẻ tuổi.*

*Mong rằng cuốn sách sẽ giúp các bạn về những sử liệu cần thiết phục vụ cho đợt sinh hoạt chính trị về chiến thắng Điện Biên Phủ cũng như cuộc thi mang tên “**Âm vang Điện Biên**” do Trung ương Đoàn, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương Đảng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam tổ chức.*

Mặc dù tập thể tác giả đã có nhiều cố gắng nhưng chắc chắn cuốn sách không thể tránh khỏi những thiếu sót. Nhà xuất bản mong được bạn đọc góp cho những ý kiến xây dựng để chúng tôi sửa chữa, bổ sung trong các lần in sau.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

PHẦN I

MƯỜNG THANH - ĐIỆN BIÊN ĐẾN CHIẾN DỊCH LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ

1. HOA BAN TRẮNG RỪNG

Mường Thanh là tên gọi xưa nhất của Điện Biên; Mường Thanh còn gọi là Mường Theng, Mường Thiên theo phiên âm của người Thái, người Hoa... Năm 1469, khi Lê Thánh Tông đặt 12 thừa tuyên thì Mường Thanh thuộc phủ An Tây, thừa tuyên Hưng Hoá⁽¹⁾. Đến năm Tân Sửu (1841) đời Thiệu Trị nhà Nguyễn, châu Ninh Biên trong đó có Mường Thanh được đổi thành Điện Biên hay Điện Biên Phủ.

Năm 1910, dưới thời thuộc Pháp, tỉnh Lai Châu được thành lập, Điện Biên nằm trong Phủ

⁽¹⁾ Theo *Lịch sử Đảng bộ Điện Biên* - Ban Chấp hành Đảng bộ xuất bản, 1994, trang 8.

Điện Biên. Phủ Điện Biên có châu Điện Biên và tổng Tuần Giáo.

Điện Biên Phủ có địa hình khá phức tạp và hiểm trở. Vùng núi cao chiếm tới 65% diện tích với độ cao từ 1.000 mét trở lên. Đỉnh cao nhất là Pú Huổi Luông (2.178 mét). Vùng đồi thấp có diện tích khoảng 27% và diện tích vùng thung lũng chỉ chiếm khoảng 8% với địa hình ít bị chia cắt, có khả năng sản xuất lương thực, thực phẩm.

Điện Biên Phủ cách Thủ đô Hà Nội 480 ki-lô-mét về phía Tây Bắc. Sông, suối Điện Biên không nhiều song đều nằm trong hệ thống các sông lớn của nước ta. Đất đai của Điện Biên có độ phì khá cao được phân bố thành nhiều nhóm và có không ít khoáng sản như: Than, vàng, cao lanh, nước khoáng... Điện Biên là nơi hội tụ nhiều dân tộc anh em cùng sinh sống như Thái, Kinh, H'mông, Tày, Nùng, Hoa, Khơ mú, Lào... trong đó nhiều hơn cả là dân tộc Thái, Kinh, H'mông. Đất Điện Biên có bề dày truyền thống văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc. Những tác phẩm: Chuyện kể bản Mường, Lạng Chượng, Sống trụ xôn xao, Sống trụ chiết xương... góp phần làm phong phú kho tàng văn hoá các dân tộc Việt Nam.

Vào thế kỷ 17, 18, trong khi triều đình phong kiến tập trung vào việc tranh giành ngôi thứ, ra sức bóc lột, vơ vét của cải để sống xa hoa, lơ là việc

bảo vệ biên giới, các tri châu miền Tây Bắc đã nổi lên gây ra những cuộc tranh chấp, chém giết lẫn nhau làm cho đời sống nhân dân càng trở nên điêu đứng. Lợi dụng tình hình đó, Pha Châu Tin Tông cầm đầu giặc Phẻ đánh chiếm Điện Biên, đóng quân tại Sam Mún, còn gọi là thành Tam Vạn. Thế giặc rất mạnh, các tù trưởng không chống cự nổi, mỗi người chạy một nơi. Giặc Phẻ rất tàn ác, ai nổi lên chống lại bị chúng bắt được đều phải chịu những cực hình như cho voi giày, tắm dầu đốt, lấy đầu cắm cọc...

Dưới sự chỉ huy của hai thủ lĩnh Ngải và Khanh, phong trào chống giặc Phẻ nổ ra ngày càng rộng lớn. Trong thời gian ngắn, nghĩa quân đã đánh thắng nhiều trận, dồn giặc vào lòng chảo Mường Thanh. Hai thủ lĩnh Ngải và Khanh đã liên kết với thủ lĩnh Hoàng Công Chất vùng Sơn Nam (Thái Bình). Khoảng cuối năm 1753, nghĩa quân theo đường sông Mã tiến lên bao vây thành Sam Mún. Tuy nhiên lúc này thế giặc còn mạnh, nghĩa quân phải cho một bộ phận dùng mưu trá hàng, cống nạp rượu thịt... rồi bất thần trong đánh ra, ngoài đánh vào. Quân Phẻ hoang mang nên sau khi tướng giặc Pha Châu Tin Tông bị chém chết tại trận đã tán loạn tháo chạy. Vùng đất Mường Thanh được giải phóng hoàn toàn vào năm 1754. Hoàng Công Chất đóng đại bản doanh tại Sam Mún một thời gian, sau đó ông đề ra chủ trương

xây dựng Mường Thanh thành một trung tâm bảo vệ vùng đất phía Tây. Năm 1758, Hoàng Công Chất cho xây một toà thành kiên cố, đó là thành bản Phủ, còn gọi là thành Chiềng Lề. Suốt 18 năm, nhân dân các dân tộc Điện Biên được sống trong ổn định, đoàn kết với nghĩa quân xây dựng bản mường. Hoàng Công Chất đã đi vào lòng người Hưng Hoá, Điện Biên như một anh hùng thần thoại, một vị cứu tinh. Cuốn sử “Kể chuyện bản, mường” của người Thái ca tụng công lao của chúa Hoàng Công Chất, tinh thần của nghĩa quân, của người dân đi đắp thành bản Phủ vang mãi cho đến tận ngày nay:

*... Đây dưới xuôi có vua
Trên này có chúa
Những miền từ Mường Pôn, Châu Ét
Từ Đà Bắc, chợ Bờ
Lại phía trên từ Xo, La đổ lại
Tất cả đều quy phục chúa Mường Thanh
Đất Mường Thanh rộng một dải Nậm Rốm,
Nậm U, Nậm Núa.
Vây quanh thành bản Phủ
Chúa đặt lòng yêu dân
Chúa xây dựng bản, mường
Mọi người mới được yên ổn làm ăn...⁽¹⁾*

⁽¹⁾ Theo sdd, trang 19.

Năm 1890, thực dân Pháp xâm lược Lai Châu. Đồng bào các dân tộc Điện Biên không ngừng nổi dậy đấu tranh nhưng đều thất bại.

Năm 1914, Lường Sám tức Lương Bảo Định dưới cờ Cần Vương phát động khởi nghĩa. Nghĩa quân gồm phần lớn là thanh niên con em đồng bào các dân tộc trong tỉnh Lai Châu, Điện Biên. Cuối năm đó Lường Sám chỉ huy nghĩa quân mở cuộc tấn công quân Pháp. Giặc Pháp không chống nổi bỏ chạy nhưng Lường Sám cũng không giữ đất mà đưa quân sang Lào, từng lúc trở về đánh địch

Năm 1918, cuộc khởi nghĩa do Pa Chay dân tộc H'mông nổ ra rồi nhanh chóng lan rộng. Thanh niên và đồng bào các dân tộc H'mông, Khơ mú, Lào... tích cực tham gia. Khẩu hiệu của nghĩa quân nêu lên là “Quét sạch giặc tây, chống thuế, giành quyền tự chủ”. Thủ lĩnh Pa Chay (nhân dân còn gọi ông là Giàng Tả Chay, Vàng Tủa Chay, A Chay...) lấy vùng cao Điện Biên và Bắc Lào làm căn cứ rồi tung quân đi đánh địch. Tháng 12 năm 1918, giặc Pháp huy động hơn 200 quân do quan ba Vinê chỉ huy tấn công khu căn cứ Mường Phăng và Pu Nhi (vùng cao Điện Biên). Nghĩa quân đánh trả quyết liệt mấy ngày liền diệt được nhiều địch trong đó có cả Vinê. Tư lệnh quan binh thứ tư ở Lai Châu gửi báo cáo về Hà Nội thú nhận:

“Thời kỳ đầu của cuộc tác chiến chỉ rõ rằng không phải chúng ta chỉ đương đầu với một lũ giặc có từ 80 đến 100 tay súng mà thôi. Thực ra chúng ta đã phải đối phó với cả một dân tộc đã nổi dậy theo Pa Chay⁽¹⁾”.

Đầu năm 1919, nghĩa quân chia thành từng đội dựa vào địa thế hiểm trở liên tục tấn công địch làm cho chúng hoang mang. Tuy nhiên đến tháng 4-1920, địch tập trung một số quân khá lớn tấn công đại bản doanh của Pa Chay lần thứ hai. Thủ lĩnh Pa Chay bị thương phải rời căn cứ. Từ đó, nghĩa quân tiếp tục hoạt động nhưng không đủ sức khôi phục lại phong trào. Đến năm 1922, phong trào khởi nghĩa do Pa Chay lãnh đạo chấm dứt sau 5 năm hoạt động. Chính những nơi trước đây nghĩa quân Pa Chay nổi dậy chống Pháp, sau này trong thời kỳ tạm bị chiếm dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng bào các dân tộc vùng cao Điện Biên đã xây dựng thành những khu căn cứ du kích mà kẻ địch không thể nào phá vỡ được.

Sau ngày 9-3-1945, bọn Pháp bị phát xít Nhật truy đánh ráo riết nên chúng chia thành hai ngả tháo chạy sang Lào và Vân Nam (Trung Quốc). Quân Nhật vào Điện Biên được Đèo Văn Mun giúp

⁽¹⁾ *Sơ thảo Lịch sử Đảng bộ Lai Châu*, Ban Tuyên giáo tỉnh ủy xuất bản, 1986, trang 27.

sức tổ chức bộ máy cai trị ở Lai Châu. Các tiểu đoàn quân Nhật đóng ở thị xã từ đó tổ chức hành quân chiếm hầu hết các huyện trong tỉnh. Tháng 8 năm 1945, Nhật rút khỏi Điện Biên, quân Tưởng với danh nghĩa quân Đồng Minh vào giải giáp quân Nhật đã chiếm đóng Điện Biên. Cho đến thời điểm đó, trong khi cả nước tung bừng với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám thì đến cuối năm 1945 nhân dân các dân tộc và tuổi trẻ Điện Biên mới được nghe kể lại về không khí cướp chính quyền, về Tuyên Ngôn Độc Lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc ở Ba Đình Lịch sử qua các thương nhân từ Sơn La, Hà Nội, Thuận Châu, sông Mã, Quỳnh Nhai... lên. Được nghe truyền lại những tin tức mới mẻ này, nhân dân các dân tộc và tuổi trẻ Điện Biên rất phấn khởi, họ tập hợp nhau lại thành từng nhóm tự động làm công tác tuyên truyền cách mạng. Lúc này ở Điện Biên có ông Lò Văn Hặc đang làm chánh tổng. Ông Hặc sẵn có mối liên hệ với cán bộ Việt Minh ở nhà tù Sơn La lúc ông là một thanh niên đang học tại Sơn La. Cũng vào thời điểm cuối năm 1945, Tổng bộ Việt Minh tại Hà Nội đã cử cán bộ Việt Minh lên giúp Sơn La giành được chính quyền trong toàn tỉnh và sau đó tiến lên Điện Biên. Các cán bộ của Tổng bộ Việt Minh đã gặp được ông Lò Văn Hặc vẫn mang bầu nhiệt huyết của một thanh niên lại được cán bộ

Việt Minh bồi dưỡng về phương pháp vận động cách mạng nên ông đứng lên tuyên truyền, tập hợp số công chức có tinh thần yêu nước, như giáo học Nguyễn Văn Đức, châu đoàn Quàng Văn Khut, trưởng phố Hà Văn Cư. Ông Quàng Văn Lọ và một số người khác dưới sự chỉ đạo của nhóm cán bộ Việt Minh của Tổng bộ cử lên tổ chức hai cuộc mít tinh vào tháng 10 và tháng 11 năm 1945 chào mừng thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám thành công trong cả nước. Cờ đỏ sao vàng được kéo lên trên nóc nhà tên Châu Ún (đôi C2 hiện nay) và sau đó tung bay khắp Mường Thanh.

Tuổi trẻ Điện Biên kéo nhau đi qua các phố tay cầm cờ Tổ quốc, hát vang bài “Tiến quân ca” vừa mới được tập, được dịch ra tiếng Thái. Cả Điện Biên chưa bao giờ được chứng kiến không khí vui mừng, phấn khởi như thế. Các đội tự vệ thanh niên được thành lập làm nhiệm vụ tuần tra canh gác, bảo vệ cán bộ cách mạng. Anh chị em hăng hái luyện tập quân sự mặc dù trang bị còn rất thô sơ.

Phong trào cách mạng ở Điện Biên đang lúc sôi động thì được tin hai tiểu đoàn quân Pháp trước đây chạy trốn quân Nhật ở Vân Nam đã quay lại Lai Châu cùng với các tên phản động là Đèo Văn Long và Nguyễn Xuân Tôn. Trước tình hình ấy, chính phủ ta đã ra lời kêu gọi đồng bào

các dân tộc trong đó vạch trần âm mưu thâm độc của thực dân Pháp và quyết định thành lập mặt trận Tây Bắc. Bộ Quốc phòng ta trực tiếp chỉ đạo đoàn quân Tây Tiến để ngăn chặn hoạt động của quân Pháp đồng thời gửi lên hai tỉnh Sơn La và Lai Châu các đơn vị bộ đội.

Tháng 2-1946, thực dân Pháp cho thêm một cánh quân từ Phong Xa Lỳ (Lào) chiếm Mường Mùn, Tuần Giáo rồi chiếm Điện Biên. Bộ đội Tây Tiến cùng với thanh niên tự vệ do ông Quàng Văn Khút chỉ huy đã phối hợp chặn đánh địch gây nhiều thiệt hại cho chúng. Nhân dân và tuổi trẻ các dân tộc Điện Biên đã hăng hái tham gia phục vụ chiến đấu.

Tháng 4-1946, quân Pháp từ Lai Châu tăng cường lực lượng chiếm đóng Điện Biên. Theo hiệp nghị 6-3-1946, quân Tưởng rút đi, quân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng. Trước tương quan lực lượng không có lợi cho ta, để bảo đảm chiến đấu lâu dài, theo lệnh của cấp trên, ông Lò Văn Hặc cùng các cán bộ Việt Minh toả đi tuyên truyền chủ trương, chính sách của Chính phủ và Hồ Chủ tịch trong các tầng lớp nhân dân; ông Quàng Văn Khút củng cố lực lượng thanh niên tự vệ vũ trang và sau đó cùng với bộ đội Tây Tiến rút khỏi Điện Biên. Nhân dân Điện Biên cất dấu ảnh Hồ Chủ tịch, cờ đỏ sao vàng lưu luyến tiễn bộ đội và tự vệ ra vùng căn cứ. Quân dân Điện Biên cùng nhau hẹn ngày

gặp lại. Nhân dân và tuổi trẻ các dân tộc Điện Biên được sống dưới chế độ mới thời gian chưa nhiều song những dấu ấn khó quên về bộ đội Cụ Hồ, về anh cán bộ Việt Minh luôn ở trong lòng bà con.

Đầu năm 1948, thực hiện Nghị quyết về công tác vùng sau lưng địch Trung ương, Bộ Tổng chỉ huy quân đội Quốc gia Việt Nam ra mệnh lệnh: “Địa vực Tây Bắc là một căn cứ hết sức quan trọng về mặt chiến lược đối với Liên khu 10 và đối với toàn quốc. Xây dựng căn cứ địa Tây Bắc là một nhiệm vụ quân sự cơ bản, công tác xung phong (tức xung phong mở con đường tiến lên Điện Biên Phủ, phá tan âm mưu lập cái gọi là “Xứ Thái tự trị”, đưa Đèo Văn Long trước đây đã theo Pháp sang Vân Nam khi Nhật chiếm Điện Biên lên làm Tỉnh trưởng Lai Châu kiêm Chủ tịch hội đồng “Xứ Thái tự trị”) tiến nhanh hay chậm sẽ quyết định một phần thắng lợi nhanh hay chậm của ta ở Tây Bắc”⁽¹⁾.

Ta thành lập ba Đội xung phong mang các phiên hiệu “Quyết thắng, Quyết tiến, Trung dũng”. Đội xung phong “Trung dũng” tiến vào hoạt động xây dựng cơ sở ở khu C (Các tỉnh trong Liên khu 10 được chia thành các khu A, B, C...) và hướng phát triển là lên Điện Biên Phủ. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ Đội xung phong “Quyết tiến” đã từ Tuần Giáo chuyển

⁽¹⁾ “Lịch sử Đảng bộ Điện Biên” sdd, trang 31

lực lượng sang vùng cao Điện Biên. Tháng 7-1949, Đội đến Sa Dung, nơi trước đây đã xảy ra trận chiến đấu quyết liệt giữa quân ta và thực dân Pháp cuối năm 1945. Sau một thời gian làm công tác tuyên truyền vận động, ta bắt liên lạc được với Sa Thầu Phạ (Sa Thầu là một chức dịch vùng đồng bào Mèo lúc đó), tiếp sau đó lại bắt liên lạc với thống quán xã Sa Dung là Lầu Nỏ Sa. Ông Lầu Nỏ Sa và gia đình rất tận tình giúp đỡ bộ đội, vợ con ông hàng ngày làm nhiệm vụ cơm nước, liên lạc cho bộ đội. Bộ đội và cán bộ ta đã xây dựng, bồi dưỡng được nhiều cốt cán trong đó tiêu biểu là Sùng Giống Lênh, Mùa Sống Lử, sau này trở thành lớp đảng viên đầu tiên của Điện Biên.

Được các cơ sở nhiệt tình giúp đỡ, ta đã vận động được Vàng Chống (quan Mèo địa phương) chấp thuận cho bộ đội "Quyết tiến" được đi lại tự do hoạt động trong vùng và chọn người có uy tín cảm tình với cách mạng đưa lên làm chủ tịch một số xã.

Đến cuối năm 1949, bộ đội xung phong "Quyết tiến" đã hoàn thành việc mở đường đến Điện Biên và sang Bắc Lào.

Tháng 10 năm 1949, Ban cán sự Đảng Lai Châu được thành lập. Sau đó một năm, vào tháng 7-1950, chi bộ Điện Biên ra đời. Đây là sự kiện có ý nghĩa hết sức to lớn đối với nhân dân và tuổi trẻ các dân tộc Điện Biên.

Chi bộ đã tổ chức ra các đoàn thể quần chúng trong đó tổ chức Đoàn Thanh niên Cứu quốc Điện Biên đầu tiên hình thành ở xã Quang Trung. Chỉ một thời gian ngắn sau, chi bộ đã chỉ đạo tổ chức Đoàn tuyển chọn những đoàn viên, thanh niên hăng hái lập ra các đội du kích. Mỗi xã hình thành được một trung đội du kích và tổ chức học tập quân sự. Cuối năm 1950, trung đội bộ đội địa phương của huyện ra đời bao gồm hầu hết là đoàn viên, thanh niên giác ngộ, hăng hái cách mạng. Phong trào diệt địch được đẩy lên khắp nơi.

Thu đông năm 1952, Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch quyết định mở chiến dịch Tây Bắc với mục đích tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng nhân dân, phá tan cái gọi là “Xứ Thái tự trị” của giặc. Đầu tháng 10-1952, các bộ phận quân sự, chính trị đã tiến vào Lai Châu. Bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương phối hợp tiến đánh địch ở nam Lai Châu và bắc Sơn La; ngày 17-11 làm chủ Mường Mùn, ngày 20-11 làm chủ Tuần Giáo và đến 30-11-1952 quân dân ta tiến vào giải phóng Điện Biên.

Sau ngày giải phóng, cuộc sống mới của đồng bào và tuổi trẻ các dân tộc Điện Biên tuy gặp rất nhiều khó khăn về mọi mặt nhưng tràn đầy phấn khởi, tin tưởng. Hồ Chủ tịch và Chính phủ đã gửi gạo, muối, diêm, thuốc chữa bệnh, quần áo... cho nhân dân các dân tộc Điện Biên. Công tác xây dựng

Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể được đặc biệt quan tâm. Tổ chức Đoàn Điện Biên bước vào giai đoạn phát triển mới và tích cực góp phần đẩy mạnh mọi mặt công tác tại địa phương. Tuy nhiên, dưới con mắt của tướng tá thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, Điện Biên là một vị trí chiến lược lợi hại, vừa là vị trí then chốt che chở cho Thượng Lào, vừa là ngã tư quan trọng nối với các con đường đến bốn nước Thái, Miến Điện, Lào, Trung Hoa, đồng thời Điện Biên còn là bàn đạp để chúng có thể chiếm lại Lai Châu và khu Tây Bắc Tổ quốc ta.

Năm giải phóng Điện Biên, các cụ già gọi đó là “Năm mặt trời mọc”. Năm đó trai gái Điện Biên kéo nhau trò chuyện thâu đêm bên dòng Nậm Rốm.

Và năm đó, khi hoa ban nở rộ trắng rừng cũng là dịp vào hội giao duyên trong độc lập, tự do của trai gái Điện Biên sau những đêm dài tăm tối. Họ không còn sợ tình yêu bị giặc phá hoại, không còn sợ người yêu bị bắt vào đội xe của giặc; nhìn lên Pú Hồng mèo, Pú Tà cọ, nhìn xuống Nậm Rốm in hình những cánh hoa ban trắng, họ tin tưởng dặn dò nhau:

Chim kêu phương nào thì nhớ

Không nhớ mặt thì nhớ tên

Không nhớ tên thì nhớ lời em dặn...

Rồi tiếng khèn lại tha thiết trong rừng trắng hoa ban.

Mưu đồ của giặc và cuộc nhảy dù bất ngờ

Cuộc chiến tranh xâm lược do thực dân Pháp tiến hành trên đất nước ta ngày càng lún sâu trong những thất bại to lớn.

Mỗi ngày nào, hồi đầu kháng chiến, quân dân ta chỉ có vũ khí thô sơ nhưng với lòng yêu nước nồng nàn, theo lời kêu gọi của Đảng và Hồ Chủ tịch, chúng ta đã lấy súng giặc để đánh giặc; chẳng bao lâu, cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta ngày càng thu được thắng lợi, chúng ta đã xây dựng được những tiểu đoàn, trung đoàn, đại đoàn lớn mạnh bao gồm tuyệt đại đa số là đoàn viên, thanh niên đầy lòng hăng hái, hy sinh.

Đại tướng của giặc là Xa-lăng, trước khi bị điều về nước đã thừa nhận:

- Việt Minh là cả một quốc gia rõ rệt. Họ có chính quyền, ảnh hưởng của họ len vào cả vùng kiểm soát của quân đội viễn chinh. Tại đó họ tuyển được người, thu được thuế, thực hiện được các chính sách, mua được các thứ cần thiết cho chiến tranh. Từ năm 1945 đến nay họ chỉ có một Chính phủ Hồ Chí Minh, chỉ có một tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong khi nước Pháp đã 19 lần thay chính phủ và 7 lần thay Tổng chỉ huy.

Vào những ngày đầu tháng 5 năm 1953, Đại tướng Na-va đang giữ chức Tổng tham mưu trưởng lục quân Pháp ở khối Bắc Đại Tây Dương bỗng bị gọi hoả tốc về Pháp, y được chính phủ Pháp chỉ định làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương.

Quả vậy, Hăng-ri Na-va là một tướng tài trong hàng tướng lĩnh thực dân. Người Mỹ cho y là một nhà chiến lược “văn võ kiêm toàn”. Người Pháp cho y là một nhà chỉ huy tâm cỡ “đầy lòng tự tin và sung mãn về nghị lực”. Giới quân sự xâm lược đánh giá y là người có “trình độ cao về khoa học quân sự, có khả năng chịu đựng những đòn dữ dội, bất ngờ... rất nhạy bén về chính trị”.

Vậy thì còn gì để nói thêm về viên tướng này nữa! Chẳng thế mà ngài Thủ tướng Pháp Rơ-nê May-e đã nắm chặt tay y với lời từ biệt tràn cả lo âu và hy vọng:

- Nhiệm vụ của tướng quân có khó khăn đấy nhưng không phải hoàn toàn không có lối thoát.

Giữa tháng 5 năm 1953, Tổng chỉ huy mới đáp máy bay sang Đông Dương. Xa xa Sài Gòn xinh đẹp đang phôi mình dưới nắng hè. Trời rất cao, trong suốt không một gợn mây. Đông Dương là một mảnh đất tuyệt đẹp ở vùng nhiệt đới bốn mùa

hoa nở, cây cối xanh tươi, núi rừng hùng vĩ, soi mình xuống biển Thái Bình Dương xanh thẳm. Lần đầu tiên Na-va được ngắm nhìn cảnh quan kỳ diệu này, y khoan khoái, vui vẻ hẳn lên và ngay ngày hôm sau y đáp máy bay ra Hà Nội.

Sau khi nhận được cuộc bàn giao với tướng Xa-lăng, Đại tướng Na-va làm cuộc thăm dò với rất nhiều tướng lĩnh sừng sỏ ở Đông Dương rồi đóng kín cửa phòng vạch ra một kế hoạch “Chiến thắng Việt Minh”.

Na-va, con người văn võ kiêm toàn ấy, gửi một bức thư cho toàn thể sĩ quan và binh sĩ quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương trong đó có đoạn: “Chiến thắng, phải kiên quyết chiến thắng. Nhưng chiến thắng là một người đàn bà chỉ yêu anh khi anh biết chinh phục”.

Và thế là ngày 17-7-1953, Na-va cho quân nhảy dù xuống Lạng Sơn để gây thanh thế. Bị đánh cho tơi tả, y phải ra lệnh rút quân.

Mặc dù mới ra quân đã nếm đòn, ngày 24 tháng 7 năm 1953, Na-va vẫn cấp bản kế hoạch “Chiến thắng Việt Minh trong vòng 18 tháng” bay một mạch về Pháp để trình bày trước Hội đồng Quốc phòng.

Tổng thống, Thủ tướng, tám Bộ trưởng, Thứ trưởng, một Thống chế, ba Tham mưu trưởng các

quân chủng... có mặt đầy đủ lắng nghe từng lời của Na-va.

Kế hoạch Na-va, kế hoạch mang chính tên tác giả gây ra sự bàn luận tại Hội đồng Quốc phòng.

Bộ trưởng tài chính tính toán phải chi mất 100 tỷ Phơ-răng, ông nói sẽ không có một xu nếu không có viện trợ Mỹ; ông Phó Thủ tướng thì hỏi lại liệu tốn kém như vậy nhưng có chiến thắng được Việt Minh không! và, v.v...

Đại tướng Hăng-ri Na-va đã dùng lý luận sắc bén vững chắc của mình để chứng minh rằng không những y có thể làm chuyển biến tình hình mà còn có ý đồ lớn là tiêu diệt lực lượng Việt Minh, hoàn thành cơ bản mục đích cuộc chiến tranh xâm lược. Cuối cùng Hội đồng Quốc phòng hoan nghênh kế hoạch Na-va, coi đó là một kế hoạch táo bạo, vững chắc, kiên quyết. Tướng Na-va quả là một vị tướng đáng tin cậy.

Từ bên kia Đại Tây Dương, Ngoại trưởng Mỹ Đa-lét tỏ rõ sự tán thành:

- Kế hoạch Na-va trong hai năm tới, nếu không phải là một sự thắng lợi hoàn toàn thì ít ra cũng thu được kết quả nhất định về quân sự.

Và Ngoại trưởng Pháp Bi-đôn từ Hoa Thịnh Đốn

trở về mang theo 385 triệu đô-la viện trợ Mỹ. Thủ tướng La-ni-en không kìm nổi sự phẫn khởi.

Vậy linh hồn của kế hoạch Na-va là gì, tại sao nó lại được cả Pháp và Mỹ hoan nghênh như vậy? Có thể tóm tắt như sau: “Trong chiến cục Đông Xuân năm 1953 - 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tránh giao chiến với chủ lực Việt Minh. Thực hành tấn công chiến lược ở miền Nam, càn quét miền Nam và Trung Đông Dương, đặc biệt là tìm cách chiếm đóng Liên khu 5. Bảo vệ an toàn cho quân đội viễn chinh, tăng cường khả năng của nó để chuẩn bị tác chiến năm 1954 - 1955.

Khi đã giành được ưu thế về binh lực cơ động và bình định xong miền Nam, từ mùa thu năm 1954 trở đi, thực hành tấn công chiến lược ở phía bắc Đèo Ngang, giáng cho quân đội Việt Minh những đòn quyết định, hoàn toàn bình định Đông Dương’.

Để thực hiện chủ trương chiến lược này, vấn đề cần giải quyết là quân số. Chỉ có một cách là lấy quân đội “các nước liên kết” tức nguy quân, cũng tức là ra sức bắt thanh niên vào lính. Nói cách khác, cơ sở của kế hoạch Na-va là phát triển đường lối “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt” với quy mô rộng lớn hơn.

Trên cơ sở thu thập những tin tức gián điệp và tình báo khác nhau, Na-va phán đoán chủ trương tác chiến Đông Xuân năm 1953 - 1954 của quân dân ta và khẳng định như sau:

- Hướng thứ nhất là đánh đồng bằng Bắc Bộ, cái đồng bằng có ích, cái chìa khoá của Đông - Nam Á. Nhưng nếu đánh vào đây thì Việt Minh cũng chỉ thu được thắng lợi có giá trị chiến thuật mà thôi.

- Hướng thứ hai là Tây Bắc Việt Nam và Thượng Lào. Nhưng ở đây Việt Minh không có khả năng đảm bảo cung cấp với quy mô lớn, thời gian dài.

- Hướng thứ ba là miền Nam Đông Dương. Nhưng nếu thực hiện kế hoạch này thì Việt Minh sẽ gặp nhiều khó khăn.

Và đến tháng 10 năm 1953, Na-va nhận định chắc chắn rằng trong ba hướng trên, Việt Minh đã chọn đồng bằng Bắc Bộ, thêm nữa, bọn phòng nhì báo cáo cho y biết là “binh lực Việt Minh” này đã tập trung chung quanh đồng bằng Bắc Bộ đến 5 sư đoàn ở cả hai phía bắc và nam.

Để đối phó với tình hình này, cả Na-va và Cô-nhi (chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Bắc Bộ) đã tổ chức liên tục các cuộc quấy phá hậu phương ta và càn quét vùng đồng bằng Bắc Bộ với lực

lượng lớn, có cuộc lên tới 18 tiểu đoàn để “đập tan cuộc tấn công Đông Xuân” của Việt Minh.

Các báo ở Pa-ri, Hà Nội, Sài Gòn đăng lên trang đầu những hàng chữ lớn: “Tướng Na-va đã thắng hiệp đầu trong cuộc độ sức với tướng Giáp”.

Ngày 7 tháng 11 năm 1953, Na-va gửi thư kêu gọi binh sĩ của y ở Bắc Bộ “hãy sửa soạn ván bài thứ hai”.

Nhưng y chưa kịp ra quân cho ván bài thứ hai thì được tin tình báo cho biết: Sư đoàn 315 được tăng cường đang tiến quân lên Tây Bắc!

Na-va ngạc nhiên và từ ngạc nhiên đến băn khoăn: “Việt Minh tiến quân lên Tây Bắc? Họ đánh Lai Châu ư? Họ tiến sang nước Lào ư? Họ bỏ kế hoạch đánh đồng bằng rồi sao?”.

Na-va đặt lên bàn một sự suy tính dữ dội. Y dần dần trấn tĩnh và đi đến phân tích, đó là thói quen làm việc theo khoa học của y: “Việt Minh sẽ đánh quân đồn trú ở Lai Châu nhưng có lẽ nào họ chỉ dừng lại đây mà không đánh sang nước Lào? Có cái gì ngăn cản họ đâu? Quân đội Pa Thét Lào đã lớn mạnh, làm sao tránh khỏi sự phối hợp nhịp nhàng giữa họ với nhau! Nếu để Việt Minh tiến quân sang Lào thì các nhà tư sản Pháp có quyền lợi ở Lào sẽ la ó biết bao.

Hơn nữa các căn cứ địa Việt Bắc, Tây Bắc của Việt Minh sẽ nối liền với căn cứ địa của Pa Thét Lào ở Thượng Lào và như vậy sẽ ảnh hưởng đến Trung Lào, Hạ Lào và cả miền Trung Đông Dương. Không thể được. Phải chặn đứng Việt Minh lại”.

Nhìn vào bản đồ Bắc Đông Dương, nhất là vùng Tây Bắc và Thượng Lào, đâu đâu cũng thấy núi là núi thảnh thẻo mới có một cánh đồng bé tí xíu. Suy đi tính lại, tướng Na-va thấy địa điểm để chặn Việt Minh ấy chỉ có thể là Điện Biên Phủ.

Giá trị chiến lược của Điện Biên Phủ Na-va thừa biết, nhưng vốn là một nhà quân sự đầy đầu óc tính toán, y vẫn tham khảo thêm nhiều ý kiến của các tướng lĩnh và chuyên gia. Người ta cho y biết ngày xưa, muốn tiến về sông Mê-kông, các vua chúa phong kiến đã từng đi qua Điện Biên Phủ.

Hồi cuối thế kỷ thứ 19 (1890) thực dân Pháp đã phái người lên tận Điện Biên Phủ. Đó là Pa-vi (Anguste Pavie) mà sau này tên hán đã được đặt cho một con đường đi từ Lai Châu về Điện Biên Phủ. Trước đây cả tướng Xa-lăng và tướng Cô-nhi đều có ý định thiết lập “một trung tâm phòng ngự Điện Biên Phủ”. Ngày nay, tướng Na-va còn có tầm nhìn sắc sảo và xa xôi hơn: Điện Biên Phủ là một cái “bàn xoay” có thể xoay được tứ phía - Việt

Nam, Lào, Trung Quốc, Miến Điện. Điện Biên Phủ là một “ngã tư chiến lược” cho cả Đông - Nam Á. Điện Biên Phủ so với nhiều vùng rừng núi khác là một nơi nhiều lúa gạo, dân cư đông đúc, ruộng đất phì nhiêu. Và dưới con mắt của Na-va, còn có một vấn đề nữa khiến y càng quyết tâm chiếm đóng Điện Biên Phủ, đó là khó khăn về tiếp tế của quân đội nhân dân Việt Nam. Các cơ quan tham mưu quân đội viễn chinh Pháp cho Na-va biết, Điện Biên Phủ cách xa hậu phương của Việt Minh hàng 300, 400 cây số mà họ chỉ có đôi chân người!

Với tầm nhìn và sự phân tích mà Na-va cho là rất vững chắc, ngày 2-11-1953 y ra mệnh lệnh đặc biệt gấp rút chuẩn bị thực hiện chiến dịch mang tên Cát-xto (Castor) nhảy dù chiếm đóng Điện Biên Phủ.

Mười tám hôm sau, vào lúc 7 giờ sáng ngày 20-11-1953, khi một bộ phận của trung đoàn Sơn La và tiểu đoàn 910 đóng quân ở Điện Biên Phủ đang chuẩn bị hành quân tiêu diệt vị trí Mường Pồn, phối hợp với các đơn vị bạn tiến đánh Lai Châu thì bỗng xuất hiện máy bay trinh sát của địch. Sau đó những chiếc B.26 giội bom xuống Hồng Cúm và đồn cũ (tức A1 sau này) rồi những tiếng ì ầm nặng trĩu rung chuyển cả vòm trời phía nam.

Ngay ngày hôm đó, các báo chí và đài phát thanh ở Hà Nội, Sài Gòn, Pa-ri và nhiều nơi khác đưa tin lớn: “Trận mưa dù xuống Điện Biên Phủ”. Một cuộc nhảy dù bất ngờ trong dư luận các cơ quan thông tấn. Do đó ngày 22 tháng 11 năm 1953, Cô-nhi phải nói với phóng viên hãng AFP Lơ-cun-phơ (Lecunf) rằng: “Đây không phải là cuộc nhảy dù biệt kích như Lạng Sơn. Đây là khởi đầu một cuộc tấn công đại quy mô”.

Trận đánh không cân sức và lễ cầu hồn giữa thung lũng xanh

Những tốp máy bay vận tải đen sì sơn cờ tam tài nổi đuôi nhau hiện ra trên nền trời đỉnh Pú Hồng Mèo. Trời Điện Biên rền vang tiếng động cơ máy bay giặc. Các chiến sĩ ta được lệnh bố trí đánh địch bảo vệ nhân dân. Họ là những người cách đây không lâu đã từng tiêu diệt những tên địch nhảy dù xuống Đồng Văn, Hà Giang. Những chiếc dù của địch rơi xuống sân bay và đồn cũ mỗi lúc một nhiều. Quân ta vận động dọc theo sông Nậm Rốm tiến vào sân bay. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt ngay từ đầu. Lực lượng của ta quá ít bao gồm các đại đội của tiểu đoàn 910, các đơn vị địa phương và các nam nữ du kích Điện Biên Phủ.

Lúc này bốn phía đều có địch, quả là “một trận mưa dù”. Các đại đội, trung đội của ta mất liên lạc với nhau nhưng các chiến sĩ theo từng đơn vị nhỏ cứ lao về nơi có tiếng súng nổ để đánh địch. Anh em động viên nhau: “Thời cơ để lập công, các đồng chí chúng ta tiến lên”.

Tiểu đội trưởng Phù chỉ huy một tiểu đội đánh xốc một mũi vào sân bay nơi tập trung rất nhiều địch. Người chiến sĩ trẻ ấy đã cùng đồng đội tả xung hữu đột, thoát ần thoát hiện đánh gục hết tên địch này đến tên địch khác. Phù phổ biến kinh nghiệm ngay cho anh em: “Đánh bọn vừa chạm đất”. Cả tiểu đội anh như một con dao sắt tung hoành ngang dọc trên sân bay. Các tiểu đội khác noi gương Phù xông ra sân bay đánh địch tới bờ. Sau những tổn thất nặng, địch co cụm lại một số điểm trên sân bay, dùng hoả lực mạnh để đối phó với quân ta.

Vào khoảng hơn 10 giờ, địch lại nhảy dù đợt khác, lần này chúng đông như kiến cỏ và tiến lên chiếm đồn cũ. Ban chỉ huy trung đoàn ra lệnh cho bộ đội vượt sông Nậm Rốm đánh lên đồi không cho chúng dùng điểm cao để khống chế ta. Cuộc chiến đấu ở đồn cũ diễn ra rất ác liệt; địch cố giữ, ta quyết hất chúng xuống. Tuy nhiên lực lượng đôi bên quá chênh lệch địch đã xuống đất hơn 4 tiểu đoàn.

Khoảng 3 giờ chiều, địch nhảy dù một đợt nữa trong lúc quân ta hết đạn. Các chiến sĩ đại đội 221 hô hào anh em: “Lấy súng đạn địch đánh địch”. Thế là những trận giáp lá cà lại diễn ra, nhiều chiến sĩ cướp được 2, 3 cây súng của giặc. Và mặc dù địch xuống nhiều, phía nào cũng có địch nhưng đại đội 221 vẫn giữ được bản Mường Thanh.

Địch cho máy bay khu trục lồng lộn bắn phá chung quanh để máy bay lên thẳng hạ xuống lấy bọn bị thương, nhưng chúng bị hỏa lực của ta kiềm chế.

Tối hôm đó, bộ đội được lệnh hành quân về Mường Phăng. Trước lúc lên đường, quân ta giúp dân tản cư, thu dọn thóc gạo, săn sóc những người bị thương. Trời rét ngọt, đồng bào các dân tộc rời bỏ bản làng ấm con, địu cháu đi trong đêm tối. Được bộ đội hết lòng giúp đỡ, bà con tập trung ở các nẻo rừng phía tây Điện Biên Phủ.

Nhiều cụ già không đi tản cư được đã cầm tay bộ đội khóc và nói: “Bộ đội à, cái bụng của tao luôn ở với mày”.

Những ngày sau, địch tiếp tục thả binh lính, thiết bị công sự, dây thép gai, đạn dược, lương thực, và cả xe ủi đất. Chúng ra sức sửa chữa sân bay và xây dựng công sự, thả bom cháy xuống ven rừng đốt thóc gạo của nhân dân và ngăn cản bộ đội ta hoạt động.

Các chiến sĩ trinh sát của ta phát hiện việc địch tập trung hơn 300 xác chết gồm binh lính và sĩ quan bị ta tiêu diệt ở giữa sân bay Mường Thanh. Máy bay địch thả xuống hai cố đạo mặc áo thụng đen hần hoi. Thế là một lễ cầu hồn cho “các quân nhân siêu thoát” do hai cố đạo nhảy dù tổ chức đã được tiến hành để an ủi những tên còn sống sót. Cả sân bay im lặng, chỉ còn nghe tiếng cầu kinh ồm ồm, buồn bã của hai đức cha đại diện cho chúa giữa thung lũng rừng xanh này.

Ngày 29 tháng 11 năm 1953, sau khi lòng chảo Điện Biên đã hết mùi tử khí, cả Na-va và Cô-nhi cùng đáp máy bay lên đây “mừng chiến thắng”. Hai tướng nhìn cái công trường khổng lồ để “sản xuất chiến thắng và xác chết của quân đội viễn chinh” đang hoạt động trong bụi mù. Na-va và Cô-nhi gấn một loạt “mê đay” cho quan và lính rồi đi quan sát chiến trường.

Qua xem xét tại chỗ, tướng Na-va càng thấy giá trị của Điện Biên Phủ, cả chiến thuật và chiến lược. Hai tướng vui vẻ, cười đắc chí: làm gì có chuyện Việt Minh lên đây! Mà nếu họ có lên càng hay, rất hay chứ sao?

2. VIỆT BẮC - MÙA THU 1953

Ở đâu đau đớn giống nòi Nhìn về Việt Bắc mà nuôi chí bền

Mỗi người dân Việt Nam, bất cứ sống trên miền đất nào của Tổ quốc đều hướng về nơi núi rừng cao cả này - Việt Bắc!

Ở đây có Trung ương Đảng, có Bác Hồ và cũng là có tất cả. Việt Bắc có gương mặt bí mật nhưng lúc nào cũng vui tươi. Cuộc sống sôi nổi, độc đáo của Việt Bắc diễn ra trong rừng sâu. Tại nơi này, dưới những tán lá sum sê của rừng già như tấm lưới nguy trang khổng lồ mà thiên nhiên tạo cho là cả một xã hội đang hoạt động khẩn trương. Xưởng cơ khí, xưởng công binh, trường Đại học... ngày đêm hối hả làm việc. Ẩn sâu trong những an toàn khu (ATK) là các cơ quan của Đảng, Chính phủ, và Bộ Tổng tư lệnh quân đội nhân dân Việt Nam. Những cuộc hội nghị đông tới hàng nghìn người cũng được tiến hành trong những khoảnh rừng an toàn này.

Cuối tháng 9, Việt Bắc sang thu mát lạnh. Như lệ thường, cuộc họp của Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta tiến hành trong căn nhà nhỏ, vách phen, mái nứa, nấu mình dưới một lùm tre xanh. Từ cây tre huyền thoại đến chiếc gậy tre trong Xô-viết Nghệ Tĩnh và chiếc gậy tầm vông của đồng bào Nam Bộ, trở về rừng tre Việt Bắc, cây tre Việt Nam đã góp phần làm nên lịch sử dân tộc.

Hồ Chủ tịch điều khiển cuộc họp Bộ Chính trị, cuộc họp với những vấn đề quan hệ tới vận mệnh dân tộc, tới cuộc kháng chiến ngót ba ngàn ngày sẽ được quyết định ở đây. Bác Hồ hồi ấy hơi gầy nhưng nước da vẫn đỏ và đôi mắt vẫn tinh anh. Vẫn chiếc áo nâu, vẫn đôi dép cao su đen, Bác ngồi chăm chú nghe đồng chí Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp trình bày bản đề án của Tổng Quân ủy. Bên cạnh Bác là đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh, đồng chí Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng, đồng chí Hoàng Quốc Việt, đồng chí Lê Văn Lương... những chiến sĩ cách mạng kiên cường đã trưởng thành trong cuộc đấu tranh quyết liệt chống chủ nghĩa đế quốc.

Hội nghị Bộ Chính trị thảo luận sôi nổi chung quanh vấn đề rất quan trọng của ta là phương hướng chiến lược trong thời gian sắp tới trên cơ sở quán triệt tư tưởng chỉ đạo của hội nghị Ban Chấp

hành Trung ương Đảng lần thứ tư: “Tìm chỗ yếu của địch mà đánh, bắt địch phải phân tán lực lượng”.

Hội nghị Bộ Chính trị đã dành thời gian phân tích mưu đồ của giặc, thực chất kế hoạch Na-va; phân tích so sánh lực lượng giữa ta và địch; phân tích những khả năng của ta, v.v... và đi đến một chủ trương mạnh mẽ quyết tạo ra một hình thái mới trong cuộc chiến tranh Đông Dương bằng cách phản công trên nhiều chiến trường, chủ động đánh địch ở những hướng chúng sơ hở. Trong quá trình diễn biến, tùy theo tình hình ta sẽ chọn một điểm quyết chiến giáng cho địch một đòn quyết định. Vấn đề bảo vệ vùng tự do, bảo vệ công cuộc phát động quần chúng trong lúc triển khai chiến dịch cũng đã được Bộ Chính trị rất quan tâm. Hội nghị Bộ Chính trị đề ra phương châm tác chiến chung là: “Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt” và cho rằng muốn bảo vệ vùng tự do thì ở Bắc Bộ phải tiến quân lên Tây Bắc, ở Liên khu 5 phải tiến quân lên Tây Nguyên, coi đó là “nhiệm vụ quan trọng thứ nhất, nhiệm vụ củng cố vùng tự do là quan trọng thứ hai”. Ở Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ thì “đẩy mạnh du kích chiến tranh, lợi dụng điều kiện thuận lợi mới do quân địch phải tập trung nhiều lực lượng đi hướng khác mà tăng cường hoạt động, đánh nhỏ, ăn chắc, tiêu hao và tiêu diệt từng bộ phận

sinh lực địch, đẩy mạnh nguy vận, mở rộng căn cứ du kích và khu du kích”.

Ý kiến tập thể của Bộ Chính trị đã soi sáng các vấn đề chỉ đạo tác chiến cho Bộ Tổng tư lệnh. Cả hội nghị hân hoan lắng nghe Hồ Chủ tịch kết luận: “...Phải có kế hoạch lâu dài về mọi mặt để đối phó với kẻ địch trên chiến trường toàn quốc. Sau đó phải có kế hoạch đẩy mạnh những hoạt động du kích tại đồng bằng Bắc Bộ. Cần đề phòng địch đánh ra vùng tự do ở những nơi đang tiến hành cải cách ruộng đất. Về hướng hoạt động, lấy Tây Bắc làm chính, các hướng khác là phối hợp. Hướng chính hiện nay không thay đổi nhưng trong hoạt động có thể thay đổi. Phép dùng binh là phải thiên biến vạn hoá”.

Đã đến giữa mùa thu. Năm ngoai vào độ này tin chiến thắng Nghĩa Lộ vang lừng. Năm nay ta mở chiến dịch chậm nhưng rồi đây tin chiến thắng không chỉ ở Tây Bắc vọng về mà sẽ vang lên từ khắp nơi trên Tổ quốc.

Phà ngược nước

Nghị quyết của Bộ Chính trị được khẩn trương phổ biến cho các cơ quan của Đảng và Chính phủ. Hướng chiến dịch đã được xác định nhưng khó khăn chủ yếu vẫn là vấn đề tiếp tế, vận tải.

Mặt khác ở Tây Bắc, một lực lượng thổ phỉ lớn đang hoạt động với sự giúp sức của quân Pháp. Bộ Tổng tư lệnh chỉ thị cho Trung đoàn Sơn La từ phía Lai Châu quét xuống, Trung đoàn Lạng Sơn từ Sơn La quét lên cùng phối hợp với công tác địch vận kêu gọi giặc ra hàng. Sau hai mươi ngày tiến đánh, trên hai nghìn tên phỉ ở đường 41, ở tả ngạn sông Mã, hữu ngạn sông Đà đã bị tiêu diệt và bắt sống hoàn toàn, mở đường cho đại quân ta hướng lên Lai Châu, hướng chính của chiến dịch Đông Xuân 1953-1954.

Song song với việc tiêu phỉ, công tác làm đường cũng được đặc biệt đẩy mạnh. Con đường 41 được khẩn trương sửa chữa, nhất là con đường 13 nối liền đường số 2 với đường 41 qua Yên Bái, Ba Khe, Tạ Khoa, Cò Nòi lại càng được chú trọng.

Trên công trường cầu đường quan trọng này, các đơn vị thanh niên đã phát động phong trào “thi đua mở đường nhanh nhất”. Anh chị em lập thành từng nhóm từ ba đến năm người cùng phối hợp các động tác phá đá để có năng suất cao. Sau khi có hướng chiến dịch, cấp trên đã tăng cường thêm cho công trường tiểu đoàn công binh 555. Thế là giữa các đơn vị thanh niên quân đội và thanh niên dân công lại có phong trào thi đua nước rút hết sức sôi nổi. Để xúc tiến việc thông đường được sớm, cấp

trên lại điều cho công trường cầu đường Tạ Khoa một máy nổ nhỏ. Trong đêm tối, giữa núi rừng trùng điệp những ngọn đèn điện đầu tiên toả sáng trong tiếng hò dô phá đá và tiếng máy khoan điện chạy sè sè trước niềm vui của tuổi trẻ. Cũng là lần đầu tiên trên đất nước ta có một công trường làm việc với không khí khẩn trương, hối hả như thế này.

Một công trường thật là trẻ, sức trẻ ấy bật lên trong lời ca từ chiến dịch Biên giới năm xưa:

*Không có việc gì khó,
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển,
Quyết chí ắt làm nên.*

Chính sức trẻ ấy, đã dám quyết định những công việc táo bạo: Mở một lúc hai bến, một bến cho bộ binh sang sông bằng cầu phao, một bến phà cho ô-tô qua lại. Cầu phao do công binh làm. Phà ô-tô do thanh niên công chính đảm nhiệm. Công trường làm việc không kể ngày đêm và không có giờ nghỉ.

Bộ đội thi đua với thanh niên, thanh niên thi đua với bộ đội, mà bộ đội cũng là thanh niên cho nên đó là cuộc đua tài của sức trẻ.

Sông Đà hung dữ, nước đỏ ngầu cuộn cuộn chảy nhưng các chiến sĩ công binh đã nhanh chóng

vào rừng chặt cây, dẫn gỗ, đóng mảng và dùng mảng để dòng dây cáp qua sông. Nước chảy quá mạnh cuốn phăng cả mảng và làm đứt dây cáp, thế là mấy chục chiến sĩ trẻ buộc dây lao xuống nước lạnh buốt để vớt mảng, nối dây. Cuộc vật lộn xảy ra suốt một ngày, hết lớp chiến sĩ này đến lớp chiến sĩ khác động viên nhau lao xuống dòng nước với tất cả tinh thần dũng cảm và sự mưu trí. Cuối cùng cầu phao đã được bắc xong.

Thanh niên công trường làm phà lại nêu khẩu hiệu “Noi gương bộ đội công binh, chinh phục dòng sông hung dữ”, anh chị em làm việc thâu đêm suốt sáng trong tiếng gầm rú của máy bay địch đánh hơi thấy có những hoạt động của quân ta ở các bến sông.

Kết quả đáng vui mừng, phần khởi là sau một tháng lao động hết sức khẩn trương, căng thẳng, ngày 10-11-1953, ba chiếc phà 12 tấn đã đóng xong. Một cuộc liên hoan mừng thắng lợi diễn ra, nhưng cũng ngay lúc đó, nỗi lo lắng hiện ra trên nét mặt mọi người. Số là để tránh sự theo dõi của địch và để tạo điều kiện cho việc đóng phà, anh chị em đã di chuyển công trường xuống phía hạ lưu. Lúc ấy chưa nghĩ chuyện sau này kéo phà ngược nước, những chiếc phà nặng nề, công kênh hàng tấn ấy. Có đồng chí đề ra sáng kiến dỡ phà ra, vác đi bộ rồi lắp lại, nhưng tính ra mất ngót 100 công

lắp và 600 công vận chuyển. Hơn nữa điều quan trọng là không đảm bảo thời gian.

Được trưng cầu ý kiến, anh em kể lại cho nhau nghe câu chuyện các chiến sĩ cầu đường Bắc Giang có cách kéo phà ngược sông Sỏi. Họ dùng sức người, cọc và cốt chấn ngang dòng sông tạo thành một cái đập cho nước dâng lên để kéo phà. Nhưng chuyện đó xảy ra trên sông Sỏi, còn đây là sông Đà, dòng sông nổi tiếng về sức mạnh của nó.

Mỗi câu hỏi được nêu lên: “Làm sao đưa phà đến địa điểm đúng thời hạn? Lẽ nào tuổi trẻ chịu bó tay?”. Giữa lúc khó khăn, mỗi người đều đang cố suy nghĩ tìm ra một kế hay thì bỗng xuất hiện hình ảnh Nguyễn Văn Hoà. Anh là một thanh niên của ngành giao thông vận tải đã từng nêu gương dũng cảm trong mọi công tác được giao.

Dáng người đậm, chắc, Hoà nói ít mà làm nhiều. Anh nhìn dòng sông, nhìn những chiếc phà còn thơm mùi gỗ mới đang nằm chờ, nghĩ đến chiến dịch sắp mở mà nóng cả ruột gan. Hoà đề nghị với ban chỉ huy:

- Cho tôi đi dò luồng nước.

Mọi người nhìn anh ái ngại. Mùa rét rồi, nước buốt như dao cắt thịt. Dòng sông biết bao bí ẩn, làm sao mà dò cho ra luồng?

Hoà lại khẩn khoản:

- Sức tôi chịu được, tôi quen con sông này.

Nhiều thanh niên khác xin theo anh. Hoà suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Để mình tôi, có gì... các đồng chí còn có nhiệm vụ nặng nề, chiến dịch sắp sửa rồi...

Cuối cùng, một tập thể nhỏ của những người dũng cảm đã được hình thành do Hoà dẫn đầu. Hoà nói với các đồng chí của anh:

- Nước có chảy mạnh nhưng mạnh sao bằng quyết tâm của chúng ta.

Các anh đã lao vào dòng nước mạnh để tìm luồng nước thuận. Sau một thời gian dò dẫm, tìm kiếm, Nguyễn Văn Hoà và các bạn chiến đấu của anh phát hiện ra một số thác nước trên đường đi, tìm được một luồng chảy thuận lợi. Các anh đồng thanh kiến nghị:

- Phá thác kéo phà ngược nước.

Chính là dòng sông Đà đã bị con người bước đầu chinh phục vào những ngày này. Ba chiếc phà qua tay hàng trăm thanh niên bộ đội và công nhân đã được đặt vào vị trí qui định. Chiều hôm đó, một chiếc máy bay trinh sát của giặc lượn mấy vòng rồi cút thẳng; không hiểu nó có thấy được điều gì mới

mẻ ở bến sông này chẳng; còn ở đây con người đã chiến thắng.

Tin phà đến bến lan đi khá nhanh, các chiến sĩ làm đường động viên nhau:

Cầu phà chinh phục dòng sông

Đường ta cố gắng khơi thông kém gì!

Với khí thế đó, tốc độ phá đá tăng lên gấp rưỡi rồi gấp hai lần. Con đường 13 tươi rói và thấm đượm mồ hôi bò dân ra bến Tạ Khoa. Cùng lúc ấy phía bên kia sông Đà, thanh niên dân công và bộ đội, người người lớp lớp cùng làm việc với khí thế chưa từng có. Con đường mới cứ vươn dài mãi, nhả nài, cần cù với tất cả sức mạnh tiềm tàng để đến một ngày nào đó vượt qua đèo Lũng Lô, vượt qua đèo Chén, tiến thẳng ra đường 41. Thật là một kỳ công.

Và khi chiếc cầu phao đầu tiên nối liền được hai bờ con sông Đà thì cũng chính là lúc con đường 13 ngạo nghễ phơi mình giữa núi rừng Sơn La, nối liền hai mạch đường quan trọng nhất trên đường bộ đội tiến quân lên Tây Bắc...

Trên con đường đó, một dòng người không bao giờ dứt, những chiến sĩ nặng vai súng đạn, những chị dân công, những chiếc xe đạp thồ, những đoàn ô tô, những đoàn ngựa vận tải, v.v... và, v.v... kể cả

hàng đoàn thợ đóng cối xay cũng ngược Tây Bắc, giúp đồng bào Tây Bắc đóng cối để làm gạo cho nhanh kịp phục vụ chiến dịch.

Chiếc gậy Bác cho

Từ khắp nơi, cán bộ đổ về Việt Bắc. Có đồng chí phải vượt qua dãy Trường Sơn hàng tháng liền, có đồng chí từ vùng tạm chiến ra, có đồng chí từ Tây Bắc xuống...

Nhìn lại khu rừng quen thuộc với những lán nửa đơn sơ, đồng chí nào cũng có cảm giác như mình vừa mới đi xa về.

Vẫn những nẻo đường rừng, những thác nước và vẫn cái hội trường giản dị cây già phủ kín ấy nhưng sao hôm nay bỗng trở nên náo nức lạ thường. Nhìn các đồng chí cán bộ giản dị trong bộ quân phục đã bạc màu, cười nói trẻ trung, vui vẻ, ít ai có thể biết rằng đó là những tướng lĩnh đang phụ trách các binh đoàn, đại đoàn lớn sắp giáng cho quân thù những đòn sấm sét.

Đồng chí Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp thay mặt Tổng Quân ủy phổ biến Nghị quyết của Bộ Chính trị và kế hoạch tác chiến của Tổng Quân ủy trong chiến cục Đông Xuân. Hàng trăm bộ não làm

việc khẩn trương, dồn hết tâm trí vào các tấm bản đồ quân sự, nghe hàng chục bản báo cáo đã được chuẩn bị của Cục Quân báo, Cục Tác chiến...

Nhưng rồi càng thảo luận, càng trao đổi, có lúc rất căng thẳng thì những tư tưởng chỉ đạo của Trung ương và Tổng Quân ủy “phân tán địch mà đánh”, “đánh vào chỗ yếu của địch”, “tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt” v.v... dần dần sáng tỏ.

Bộ Tổng tham mưu thông báo một tình hình mới: Ngày 20-11-1953 địch đã nhảy dù 6 tiểu đoàn chiếm đóng Điện Biên Phủ. Tiểu đoàn 910 (trung đoàn Sơn La) đã anh dũng chiến đấu tiêu diệt gần 300 tên địch.

Hội nghị phấn chấn hẳn lên, cán bộ bàn tán sôi nổi về sự chỉ đạo tài tình của Bộ Chính trị, của Trung ương đã điều địch lên Điện Biên Phủ, mặc cho tướng giặc đang hò hét tập trung quân giành chủ động mà vẫn phải phân tán lực lượng cơ động.

Tổng Quân ủy họp để nhận định về âm mưu địch: “... Địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, mặc dù ta không phán đoán được cụ thể về địa điểm và thời gian nhưng cũng nằm trong phạm vi phán đoán trước của ta là nếu Tây Bắc bị uy hiếp thì địch sẽ tăng viện lên hướng đó...”.

Thế là trước sự uy hiếp của ta, địch phải bị động đối phó, phải phân tán một bộ phận lực lượng

cơ động lên Điện Biên Phủ để yểm hộ cho Tây Bắc, để che chở cho Thượng Lào hòng phá kế hoạch tấn công của ta.

Ngày 23 tháng 11 năm 1953, trong báo cáo tổng kết hội nghị, đồng chí Đại tướng Tổng tư lệnh đã nêu rõ: "...Vô luận rồi đây địch thay đổi thế nào, địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ căn bản là có lợi cho ta. Nó bộc lộ mâu thuẫn của địch giữa phân tán chiếm đóng đất đai và tập trung lực lượng, giữa chiếm đóng chiến trường rừng núi với củng cố chiến trường đồng bằng"...

Hội nghị phổ biến kế hoạch Đông Xuân vẫn tiếp tục những giờ phút sôi nổi. Trong khi cán bộ tiếp tục nghiên cứu, thảo luận, ghi chép thì Bộ Tổng tư lệnh quyết định đưa một đơn vị lớn quân ta lên Lai Châu. Chính ủy đại đoàn Biên Hoà (bí danh của đại đoàn...), đồng chí Chu Huy Mân rời cuộc họp để trực tiếp đôn đốc đại đoàn khẩn trương tiến quân. Chính ủy thăm nghĩ: Có thể Bộ Tổng tư lệnh đã có ý định sơ bộ, địch đã dấn thân lên đây, còn có cơ hội nào bằng!

Tạm biệt đồng chí Tổng tư lệnh, Chính ủy Chu Huy Mân hối hả ra về cố đuổi theo cho kịp đơn vị. Nhưng phương tiện đi nhanh cũng chỉ có xe đạp. Chính ủy đã phải đi suốt ngày đêm, lên đèo, leo dốc vèo vèo, má phanh siết vào bánh xe khét lẹt.

Tuy vậy, mãi đến ngày 25-11-1953, đồng chí mới đuổi kịp đơn vị sau khi đã dùng hết bốn đôi má phanh!

Hội nghị họp gần xong thì có tin vui đột ngột: Bác đến. Các đồng chí vừa kịp đứng dậy thì cũng như các lần trước, Bác đã vào hội trường. Bác hồng hào, khoẻ mạnh, đưa tay vẫy hai ba lần ra hiệu cho mọi người ngồi xuống nhưng cả hội trường vẫn đứng, tiếng vỗ tay tưởng như không bao giờ ngớt.

Bác bước lên bục nói chuyện. Ai nấy vội vàng giở sổ nhưng chẳng ai ghi chép được gì. Mọi người xúc động nhìn Bác, theo dõi từng cử chỉ của Bác.

Hình ảnh Bác từ chiến dịch Biên giới, cái túi xách bên vai, chiếc mũ cối bộ đội, đôi dép cao su và chiếc gậy hành quân vẫn còn in trong tâm trí mọi người. Giờ đây Bác lại đến với chúng ta, chuẩn bị cho chúng ta ra trận.

Cả hội trường im phăng phắc, chỉ còn nghe tiếng nói ấm áp, mệnh mệnh mà cương quyết của Bác: "...Đối với bộ đội, đối với kháng chiến, các chú trực tiếp phụ trách, các chú phải tích cực vượt mọi khó khăn tranh lấy thắng lợi. Quyết tâm không?"

Tất cả đồng thanh trả lời "Có". Tiếng "có" giản dị ấy nhưng chứa đựng biết bao nội dung - mọi người sẽ làm theo lệnh của Bác, của Trung ương Đảng, của Bộ Tổng tư lệnh.

Rừng chiều Việt Bắc vào đông vẫn cao ngất, trong xanh. Cán bộ toả về mọi miền, mọi nơi, toả về các đơn vị. Việt Bắc vẫn là một vùng trời bao la đầy sự bí ẩn đối với quân thù.

Một đoàn cán bộ trên đường về Yên Thông bỗng thấy từ xa một dáng người rất quen thuộc đang cưỡi ngựa đi tới. Các đồng chí bám nhau: “Bác, Bác đấy!” Mọi người xuống xe dừng lại bên vệ đường chờ Bác đến để được nhìn thấy Bác một lần nữa trước khi đi vào cuộc chiến đấu quyết liệt với quân thù.

Bác thật rồi đấy, Bác ghìm cương dừng lại.

- Các chú đi chiến dịch đấy à?

- Thưa Bác, vâng ạ!

Trán Bác cao vời vời, đôi mắt Bác sáng ngời. Bác trlau mến nhìn từng đồng chí. Sẵn trong tay cái gậy bằng sống lá cọ để chống những lúc đường trơn, Bác trao cho đồng chí cán bộ:

- Cho chú cái gậy này mà hành quân. - Rồi Bác ân cần dặn dò các đồng chí phải giữ gìn sức khoẻ để đánh giặc. Bóng Bác khuất dần nhưng các đồng chí vẫn cứ tần ngần nhìn theo.

3. NA-VA ƯỚC VỌNG!

**Cái bấy thép
Chiếc máy nghiền,
Con nhím khổng lồ hay là
Một pháo đài bất khả xâm phạm...**

Các nhân vật chớp bu trong chính phủ Pháp, kể cả ngài Thủ tướng La-ni-en, các tướng lĩnh sừng sỏ, kể cả ngài Tổng trưởng quốc phòng, rồi Cô-nhi, Na-va, v.v... đều cố tìm những từ ngữ hay nhất, hình ảnh nhất để miêu tả cái tập đoàn cứ điểm “có một không hai trong lịch sử này”. Kể ra thì họ cũng chẳng mấy khoác lác. Từ sau đại chiến thế giới lần thứ hai đến nay, mà ngay cả trong đại chiến thì Điện Biên Phủ có kém gì Véc-đoong nếu không nói là có mặt còn hơn xa, thí dụ máy bay, xe tăng, pháo khổng lồ 155, súng phun lửa hủy diệt, v.v...

Các tướng tá Pháp từ Pa-ri cho đến Hà Nội, Sài Gòn đều đặc ý và luôn có lời thách thức: “Chủ lực Việt Minh cứ vào đấy, bao nhiêu đại đoàn, sư đoàn cũng được, Điện Biên Phủ sẽ nghiền tất, nghiền tất”.

Ngày 4 tháng 12 năm 1953, Na-va ra chỉ thị “Tiếp nhận chiến đấu ở Tây Bắc” y giao cho Cô-nhi chọn một viên sĩ quan vừa ý nhất đảm nhận trách nhiệm Tổng chỉ huy Điện Biên Phủ. Và cả Na-va và Cô-nhi đều đi đến khẳng định, người ấy không thể là ai khác ngoài Đờ Cát-tơ-ri, một trong những “người hùng” của nước Pháp trong thế chiến hai.

Ngày 7 tháng 12 năm 1953, một cuộc đón rước long trọng diễn ra trên sân bay Mường Thanh. Đờ-cát từ trên máy bay bước xuống, đầu đội ca-lô đỏ lệch về bên phải, cổ quàng khăn đỏ, dấu hiệu của trung đoàn Spa-hi, đơn vị cũ của Đờ-cát, tay cầm ba-toong cán bịt bạc. Tức thì một cố đạo già tiến đến trình trọng làm phép cho y ngay trên sân bay. Đờ-cát tiến tới khối binh sĩ, duyệt đội danh dự và gắn “mề-đay” cho quan quân. Từ đây, mật danh Cát-xto để chỉ Điện Biên Phủ được thay bằng tên mới là “binh đoàn tác chiến Tây Bắc”, gọi tắt là G.O.N.O⁽¹⁾.

Con nhím khổng lồ Điện Biên Phủ ngày càng tua tủa những chiếc lông nhọn hoắt sẵn sàng phóng vào tim đối phương. Điện Biên Phủ giờ đây

⁽¹⁾ G.O.N.O. viết tắt của Groupement Opérationnel du nordouest.

là một “công trường to hơn tất cả mọi công trường ngày đêm mịt mù khói bụi”.

Đờ-cát điều lên đây một đơn vị công binh chuyên lắp ráp loại xe tăng M.24 mà riêng cái vỏ thép đã nặng tới 4 tấn. Tất nhiên xe tăng được tháo rời và thả dù xuống. Mỗi ngày trung bình có 60 chuyến Đa-cô-ta chở chừng 150 tấn hàng lên Điện Biên Phủ, ngày cao nhất có đến 200 chuyến bay như vậy. Cả bầu trời Điện Biên âm âm náo động. Máy bay còn thả dù nhiều thứ máy móc như máy điện, máy lọc nước, máy xúc, máy ủi, v.v...

Ngày 22 tháng 12, Na-va lại ra một chỉ thị thứ ba về việc phân phối binh lực và xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Thời gian qua y nhận được tin tình báo cho hay là các sư đoàn của Việt Minh tiếp tục lên Điện Biên Phủ, ngoài 316, 308, nghe đâu cả 312 rồi cả sư đoàn trọng pháo 351 và cả cao xạ pháo 37 mi-li-mét. Y bèn nảy ra một kế mới vì y vốn là một tên tướng có “tầm chiến lược và dám đương đầu, lại rất năng động, sẵn sàng vượt khó”. Tinh thần cơ bản trong chỉ thị thứ ba của y về Điện Biên Phủ là: “Tăng cường cái bẫy cho nhanh hơn nữa, biến nó thành cái máy nghiền”. Quyết tâm tiếp nhận chiến đấu ở Tây Bắc của y ngày càng tăng lên mạnh mẽ. Lực lượng địch ở Điện Biên Phủ từ 6 tiểu đoàn đã tăng lên 10 tiểu đoàn rồi 12 tiểu

đoàn chứ không phải 9 tiểu đoàn như Cô-nhi dự tính. Với lực lượng mạnh như thế, địch bố trí dày đặc tới 49 cứ điểm khoanh thành 8 cụm cứ điểm. Mỗi cụm cứ điểm mang tên một thiếu nữ: Ga-bri-en (Gabrielle), Bê-a-tơ-ri-xơ (Béatrice), An-nơ Ma-ri (Anne Marie), Huy-ghét (Huguette), Clô-din (Claudin), E-li-an (Eliane), Đô-mi-ních (Dominique), I-da-ben (Isabelle). Tám cụm cứ điểm này lại được bố trí thành ba trận địa (hoặc bộ phận) lớn.

Mặt đất chung quanh mỗi cứ điểm không còn có một thứ cây cỏ gì ngoài một loại “cây leo bằng kim khí”. Đó là dây thép gai ở những hướng quan trọng, địch đổ dây thép gai ra để rào, rộng từ 100 đến 200 mét. Máy bay đã ném xuống Điện Biên Phủ 3.000 tấn dây thép gai. Và sân bay Điện Biên Phủ luôn có 12 chiếc máy bay thường trực.

Ngoài hàng rào dây thép gai, Điện Biên Phủ còn có loại hàng rào điện thấp sát đất cũng ở đây, lần đầu tiên trong chiến cuộc Đông Dương, địch dùng hàng chục loại mìn có tính năng khác nhau: Mìn na-pan, mìn sáng, mìn nhựa, mìn nhảy, mìn chiêm. Để đảm bảo chiến đấu liên tục, địch dự trữ sẵn ở Điện Biên Phủ 9 ngày lương ăn, 8 cơ số ét xăng, 6 cơ số đạn cho mỗi tiểu đoàn bộ binh, 7 cơ số đạn cho pháo 105, 7 cơ số đạn cho pháo 155, 8 cơ số đạn cho cối 120, 9 cơ số đạn cho pháo 75 của xe tăng M.24 và, v.v... (Na-va

cho biết mỗi cơ sở đạn tương đương với mức tiêu thụ đạn của một ngày chiến đấu ở mức trung bình).

Điện Biên Phủ còn được tăng cường một binh chủng đặc biệt, đó là binh chủng mặc áo chùng thâm, tay cầm kinh thánh, vẽ mặt hiền từ, đạo mạo... Bọn gián điệp đội lốt thầy tu này hoạt động khá táo tợn, chúng đến những bản làng chung quanh châu ly Điện Biên Phủ và dựng cả nhà thờ để “chăm sóc linh hồn cho các con chiên”.

Cha Đông tuy là người Pháp chính cống nhưng lại lấy tên Việt Nam và nói được tiếng Kinh, tiếng Thái, tiếng Lào, cả tiếng Mèo nữa! Các con chiên rất băn khoăn, thắc mắc về cái bàn tay cụt mất mấy ngón của cha?

Thế đấy, cả về quân sự và chính trị, Điện Biên Phủ xứng đáng với tên gọi của nó - Pháo đài bất khả xâm phạm chưa? Một nhà báo phương Tây nhận xét: “Được rồi, có thể khẳng định là “có một không hai”, ngay trong thế chiến vừa rồi, quân đội Pháp có hề dựng lên được hệ thống phòng ngự dã chiến nào mạnh như ở Điện Biên Phủ này đâu, nhưng tôi xin nêu câu hỏi: Nhỡ Việt Minh từ trên cao bắn xuống thì sao?”.

Đờ-cát nhún vai:

- Tốt lắm, lúc đó tôi sẽ đội cái mũ ca-lô đỏ của tôi lên để cho họ trông rõ tôi hơn mà bắn!

Nơi núi rừng có nhiều khách đến

Lễ giáng sinh năm đó, Đại tướng Tổng chỉ huy Na-va lên thăm Điện Biên Phủ lần thứ ba và dự lễ Nô-en cùng với quan quân đồn trú tại lòng chảo Điện Biên Phủ. Tin đó mới nghe chẳng ai tin vì ở xứ Đông Dương giàu đẹp này, thiếu gì nơi gần gũi, vui vẻ, ấm cúng mà ông Tổng chỉ huy lại chịu khó lên tận chốn núi rừng heo hút này?

Thế mà thật, chiều 24 tháng 12 năm 1953, chiếc máy bay của tướng Na-va hạ cánh xuống Điện Biên đúng vào lúc Đờ-cát vừa lắp xong mấy chiếc xe tăng đầu tiên kiểu Sáp-phi (Shaffee). Thật là trùng ý ngài đại tướng.

Na-va cho triệu tập ngay một cuộc họp các sĩ quan chỉ huy các đơn vị để nói chuyện. Y ca ngợi cuộc nhảy dù Cát-to đại thắng lợi xuống Điện Biên Phủ. Na-va nói rằng lòng chảo Điện Biên Phủ này phòng ngự rất thuận lợi. Điện Biên Phủ có một sân bay tốt nhất Đông - Nam Á, một cầu hàng không hảo hạng, v.v... Y nhận định: “Việt Minh đã phải sửa đổi lại hoàn toàn kế hoạch và đã buộc phải phân tán lực lượng. Họ đưa quân lên đây

nhưng phải lo việc cung cấp quá lớn, trên một chặng đường khá dài, qua những vùng hiểm trở nghèo xác xơ và đường giao thông hầu như không có. Vận tải của Việt Minh đều toàn đi bộ, do “phu” gánh, nếu có bằng ô-tô chẳng nữa thì cũng phải đi trên những đoạn đường rất xấu, luôn luôn bị không quân Pháp cắt đứt...”.

Na-va kết luận: “...Những điều kiện chiến thắng đã đầy đủ rồi. Chỉ còn tùy ở ý chí tất cả các sĩ quan và binh lính để làm cho năm 1954 sẽ là năm thắng lợi rõ rệt của quân đội chúng ta...”.

Mọi người phấn chấn hẳn lên, họ mơ màng nghĩ đến một cuộc sống mới trên xứ Đông Dương trong khi bầu trời Điện Biên Phủ như thấp hẳn xuống, ảm đạm.

Đêm đến, Tổng chỉ huy Na-va trở về hầm Đờ-cát, căn phòng đã sửa soạn đúng với nghi thức đón lễ Giáng sinh như bất cứ nơi nào trên trái đất. Bà quý tộc Đờ-cát phu nhân đã gửi theo chuyến bay Na-va cả ngỗng quay và mứt hoa quả dùng để tráng miệng do chính bà ta làm. Ông Đại tướng chủ tọa bữa tiệc “Rê-vây-ông” có đủ mặt các sĩ quan cao cấp ở Điện Biên Phủ. Đờ-cát thông báo cho biết giờ này, tất cả các “chiến hữu” của y trong lòng chảo Điện Biên Phủ cũng bắt đầu uống rượu sâm-banh.

Giữa lúc đó, bọn Lăng-gơ-le (Langlais) một phó quan của Đờ-cát đang phải lặn lội giữa rừng Lào giá buốt để tìm đường liên lạc giữa Xốp-nao và Điện Biên Phủ theo kế hoạch mà Na-va, Cô-nhi, Đờ-cát đã vạch ra gọi là kế hoạch Xê-nô-phôn, kế hoạch rút chạy sang Lào trong trường hợp không giữ được Điện Biên Phủ. Vì nó tuyệt mật nên không ai rõ giờ này Lăng-gơ-le và đồng bọn của hắn đang ở đâu.

Sau hôm Na-va lên dự lễ Giáng sinh ở Điện Biên Phủ thì cái thung lũng xanh này trở nên nổi tiếng bởi lẽ nó là biểu tượng cho một sức mạnh, một lực lượng, một niềm tin không gì có thể phá vỡ. Báo chí ở Hà Nội, Sài Gòn, Pa-ri, Hoa Thịnh Đốn, v.v... giới thiệu Điện Biên Phủ như là mở đầu cho một giai đoạn mới của chiến cục Đông Dương.

Thế rồi, theo góc độ của mình, các vị khách quý đã đến Điện Biên, nhìn lòng chảo Điện Biên với 49 cứ điểm cứng rắn vào bậc nhất trong chiến tranh phòng ngự mà tấm tắc ngợi khen.

Nhà báo Ghi-lanh miêu tả Điện Biên Phủ qua đĩa rau xà lách tươi với dầu o-liu trong bữa ăn của ông tổng chỉ huy luôn đội ca-lô đỏ và cầm ba-toong bịt bạc. Nhà báo khâm phục cách tổ chức phòng ngự và tổ chức cuộc sống. Ký giả X.M.N. của tạp chí Ca-ra-ven thì tỏ ra hết sức ngạc nhiên thấy trên bàn ăn của Đờ-cát có món cua bể do chuyến bay chiều mang lên. Ông ta ghi nhận rằng Điện

Biên Phủ được nối liền với Hà Nội, Hải Phòng hoặc bất cứ nơi nào trên bán đảo Đông Dương nhanh chóng và bình thường như ta ở nhà ra phố. Chẳng thế mà tối nào, ông Tổng chỉ huy cũng nhận được lời chúc ngủ ngon của đại tá phu nhân.

Niềm tin tưởng về Điện Biên Phủ phút chốc tràn ngập Pa-ri. Cao ủy Pháp ở Đông Dương là Đờ-giăng sau khi lên thăm Điện Biên Phủ về đã điện ngay cho Mác-giắc-kê Bộ trưởng Bộ quốc gia liên kết là: “Từ trước đến giờ Đại tướng Võ Nguyên Giáp chưa bao giờ phải đứng trước một nhiệm vụ đáng sợ như nhiệm vụ tấn công vào Điện Biên Phủ”.

Một người như Đơ Sơ-vi-nhê, Tổng trưởng chiến tranh của chính phủ Pháp đã chứng kiến và quan sát biết bao công cuộc phòng ngự trong các cuộc chiến tranh trên khắp thế giới này, sau khi đến Điện Biên Phủ kiểm tra tại chỗ một cách toàn diện về việc tổ chức phòng ngự ở đây suốt 36 giờ đồng hồ liền đã thốt lên hai tiếng: “Ghê thật”. Ngài Đơ Sơ-vi-nhê nắm chặt tay ông Đại tướng Na-va không nói hơn được nữa vì sự cảm phục cao độ sau khi đã mắt thấy tai nghe tại chỗ.

Và đến lượt Plê-ven, Bộ trưởng Quốc phòng chính phủ Pháp dẫn đầu một phái đoàn chính phủ gồm những tướng lĩnh và nhân vật cao cấp đáp chuyến máy bay đặc biệt lên thẳng Điện Biên để

chuẩn bị cho cuộc tường trình trước Quốc hội mang sức thuyết phục cao. Phái đoàn gồm: Đơ Sơ-vi-nhê, Tổng trưởng chiến tranh như trên đã nói, tướng E-ly, Tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp, cố vấn của Bộ trưởng Quốc phòng, ba tham mưu trưởng các lực lượng hải, lục, không quân là Nô-my, Bơ-lăng, Play và Bô-đê phó tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương.

Trở về Pháp, trưởng phái đoàn Plê-ven báo cáo trước Quốc hội: "...Khi tôi đi thăm căn cứ cố thủ Điện Biên Phủ, tôi được biết các chiến sĩ bảo vệ "thành phố" ấy đều rất tin tưởng vào cách bố trí và phương tiện vũ khí của mình. Không một người nào nghĩ đến chuyện rút quân đi...".

Vẫn chưa hết khách, ngày 2-2-1954, một vị "thượng khách" nữa lại đến Điện Biên Phủ, đây là vị thượng khách của chính phủ Pháp quốc chứ không phải là của Tổng chỉ huy Na-va. Đó là Ô-đa-ni-en, tướng Mỹ. Ô-đa-ni-en được chính Đờ-cát làm tài xế, lái chiếc xe jip nhãn hiệu Uy-lích của Hoa Kỳ đưa đi thăm cảnh quan bố phòng trên toàn bộ chiến trường Điện Biên Phủ.

Trước khi bắt tay tạm biệt Ô-đa-ni-en, Tổng chỉ huy G.O.N.O, Đờ-cát thận trọng hỏi:

- Thưa ngài trung tướng, ngài cảm nhận thế nào sau những giờ phút lưu lại trong lòng chảo này.

- Tôi không còn gì phải suy nghĩ nữa về sự vững chắc. Xin cảm ơn.

Tạm thống kê lại thì thấy chỉ trong vòng 3 tháng. Điện Biên Phủ đón “khách” như sau: Cô-nhi 11 lần, Na-va 9 lần, Đờ-giăng 2 lần, Đơ Sơ-vi-nhê 2 lần, các bộ trưởng, tổng trưởng, tổng tham mưu trưởng hải, lục, không quân ít ra 1 lần, trung tướng Mỹ Ô-đa-ni-en 1 lần... đây là chỉ tính riêng bọn tai to mặt lớn.

Thủ tướng Pháp La-ni-en tuy không trực tiếp đến Điện Biên Phủ nhưng thông qua các báo cáo tường tận của những quan chức cao cấp nhất đi về và qua phim ảnh đã cất lên lời tán dương Điện Biên Phủ từ Pa-ri như sau: “...Trong suốt thời gian tổ chức căn cứ cố thủ, một sự lạc quan to lớn đã không ngừng diễn ra. Nhìn thấy những công sự được xây dựng, những giao thông hào và những hầm ngầm được đào đắp, những mạng lưới dây thép gai được giăng ra dày đặc, người ta cảm thấy còn có một sự an toàn và một nguồn sức mạnh”...

Na-va lắng nghe bản hợp xướng thú vị ấy. Và ngày 20-1-1954, mặc dầu đã biết quân ta sắp sửa tấn công vào Điện Biên Phủ, y vẫn cho quân đổ bộ lên Tuy Hoà, thực hiện bước đầu chiến dịch Át-lăng, đánh chiếm vùng tự do thuộc Liên khu 5 trong kế hoạch giải quyết chiến cục Đông Dương trong vòng 18 tháng!

4. TRƯỚC GIỜ NỔ SÚNG

Chuyện ở một phân đội quân báo

Các đại đoàn chủ lực hùng mạnh của chúng ta như những dòng sông cuộn cuộn chảy dưới sự điều khiển của Bộ chỉ huy Mặt trận đã từ các ngã kéo về bao quanh thung lũng Điện Biên Phủ. Trên các mỏm núi cao xung quanh lòng chảo, dưới những cánh rừng già mênh mông và im lặng, tưởng như giữ nguyên vẻ hoang sơ, bí mật, bỗng xuất hiện những đoàn người áo xanh, mũ lá nhọn nhịp từng búng chặt cây, dựng lán, đào hầm, lau súng... Họ nhìn xuống thung lũng Mường Thanh lúc nhúc những tiểu đoàn hảo hạng của địch, náo nức chờ ngày giết giặc lập công. Mọi việc được tiến hành trong điều kiện hết sức bí mật không để lộ lực lượng.

Chính trong thời gian chuẩn bị này đã nổi lên hình ảnh mưu trí, gan dạ của các chiến sĩ quân

báo và trinh sát của chúng ta. Mỗi lần xuất kích, ngoài súng đạn còn có nắm cơm và gói muối to phòng khi lạc đường. Dù đêm sương lạnh hay ngày nắng cháy các chiến sĩ quân báo cũng không một phút rời địch. Họ đến sát bên đồn thù, ngồi thu mình một nơi bí mật để theo dõi từng hành vi, động tác của giặc. Có lúc vừa chọn được một chỗ ngồi quan sát tốt thì địch kéo đến tập bắn bia ngay nơi đó, đạn cứ vun vút trên đầu. Nhiều phen các chiến sĩ trinh sát của ta trông thấy giặc đốt phá bản làng, hãm hiếp phụ nữ, cầm gươm đến sôi máu, dao đã rút ra khỏi vỏ, đạn đã lên nòng nhưng phải nén lòng, cố giữ bí mật để làm tròn nhiệm vụ.

Ngày đó, tám gương mưu trí và dũng cảm của chiến sĩ trinh sát trẻ tuổi Dương Quảng Châu được phổ biến rộng rãi ở chiến trường Điện Biên Phủ. Anh là trinh sát viên của đại đoàn Việt Bắc.

Đơn vị của Châu đã lên đường mấy ngày rồi, Châu bị sốt nặng nên phải ở lại với Nguyên tại địa điểm cũ. Toàn đơn vị gửi lại ba lô, tài liệu cho Châu và Nguyên trông hộ. Hôm ấy Châu đang ngồi một mình giữa rừng chợt nghe có tiếng động lạ. Nhìn ra, hai chục tên địch đang lội suối tiến về phía Châu. Trong đầu Châu dồn dập những câu hỏi: “Xử trí thế nào đây, lia một băng đạn rồi téch nhẹ vào rừng, cũng được! Nhưng còn ba lô và tài

liệu thì sao? Giao chiến ư? Nhưng nếu cả hai đều hy sinh để tài liệu lọt vào tay địch thì nguy hiểm quá! Khuân đi, hủy đi, sao kịp... Làm thế nào để bắt sống vài thằng để khai thác thì thật là tuyệt”.

Bọn địch chẳng hay biết gì cứ thản nhiên tiến lên. Châu hội ý chớp nhoáng với Nguyên kế hoạch đối phó mà anh vừa nghĩ ra. Nguyên gạt đầu ghì súng sẵn sàng yểm trợ cho bạn. Với tư thế dũng mãnh, Châu vọt ra, chĩa súng vào bọn địch hô lớn:

- Đứng lại! Giơ tay lên!

Rồi anh dong dạc ra lệnh:

- Toàn đại đội vây chặt không được để cho tên giặc nào chạy thoát.

Bị tấn công bất ngờ và trước mũi súng tiểu liên rất gần của Châu sẵn sàng nhả đạn, cả hai mươi tên địch hốt hoảng giơ tay hàng.

Châu lại ra lệnh tiếp:

- Trung đội 1 cử một đồng chí ra tước vũ khí địch.

Nguyên cầm chắc khẩu súng trong tay, rẽ lá nhanh nhẹn bước ra lột hết vũ khí của hai mươi tên xếp thành đồng.

Sự việc xảy ra nhanh quá đến nỗi địch kinh hoàng đã đành nhưng chính cả Châu và Nguyên cũng chưa nghĩ ra cách đối phó thế nào sau khi

bắt được chúng. Ngay cả dây trói, Châu và Nguyên cũng chưa chuẩn bị kịp.

Trong khi bọn chúng đang hết sức bàng hoàng, Châu liếc nhìn sang Nguyên rồi nói lớn:

- Đồng chí thay tôi trông coi những người này.

Nguyên lăm lăm khẩu tiểu liên trả lời “Có”. Thế là Châu khoác súng nhanh nhẹn leo lên một ngọn cây gần đó. Anh rút khăn tay đánh tín hiệu đi bốn phía rừng cố ý cho bọn địch trông thấy và tưởng là lực lượng của anh rất đông đang ở chung quanh đây.

Xong anh tụt xuống ra lệnh cho bọn địch tập hợp thành hai hàng, bắt chúng ngồi bó gối. Châu đứng trước bọn giặc còn Nguyên vẫn chĩa họng súng chếch về phía chúng, mắt không rời một giây.

Châu bắt đầu giải thích cho chúng nghe về chính sách khoan hồng của Hồ Chủ tịch và Chính phủ ta đối với tù hàng binh.

Anh cố ý kéo dài việc giải thích để chờ các đồng chí trong đơn vị trở về. Nhưng rồi đêm sắp tới mà toàn đội vẫn chưa thấy bóng một ai. Châu lại nghĩ ra một kế mới.

Châu nói với bọn tù binh:

- Bây giờ tôi cho phép các người nằm nghỉ. Ai gây lộn xộn chúng tôi sẽ trừng trị tại chỗ.

Rồi Châu quay sang Nguyên:

- Đồng chí cho họ mượn một số chăn.

Nguyên hiểu ý, mang ra một đồng chăn của anh em trong đơn vị và gọi hai tên tù binh đến nhận. Châu làm như vậy để gián tiếp báo cho bọn giặc biết lực lượng của bên ta.

Vừa được nghe giải thích về chính sách tù hàng binh, lại được cho mượn chăn đắp, bọn địch yên trí sẽ được sống nên lăn ra ngủ, có đứa ngáy như kéo gỗ.

Còn Châu và Nguyên thì vẫn hai người hai đầu, canh giữ chặt chẽ lũ giặc mới bị bắt. Gần sáng đội trinh sát mới về. Thế là toàn bộ hai chục tên giặc bị giải về đơn vị để khai thác tài liệu. Trận đánh mưu trí không tốn một viên đạn mà lại giữ được bí mật hoàn toàn.

Dương Quảng Châu sau này đã trở thành một trong số những anh hùng trẻ tuổi của quân đội nhân dân Việt Nam.

Những chuyện như “thần thoại”

Chính trong lúc quân ta đang bao vây địch ở Điện Biên Phủ thì Na-va cũng nhận được tin những ba bốn sư đoàn của ta đang có mặt tại Điện Biên Phủ. Ta mở thêm đường ô-tô, thiết lập một

căn cứ tiếp tế mới ở Tuần Giáo, v.v... Na-va đã gửi một báo cáo mật về Pa-ri cho Thủ tướng Pháp La-ni-en, sau đó y lại cùng cao ủy Đờ-giăng lên thăm Điện Biên Phủ một lần nữa. Cô-nhi khẩn khoản yêu cầu Na-va không nên tiếp tục chiến dịch Át-lăng nữa, nghĩa là bỏ giấc mộng vàng đối với vùng tự do Liên khu 5, nhưng Na-va đã nổi khùng trả lời: “Không có Át-lăng thì cũng không có tôi nốt”. Na-va ra lệnh tập trung không quân để phá các tuyến giao thông của Việt Minh, y giao cho tướng Lô-danh thực hiện kế hoạch đánh phá này với ba lần lách đi lách lại: “Đánh kịch liệt, đánh càng lớn, càng sớm, càng tốt, đánh đi, đánh lại nhiều lần”.

Tình báo của Na-va cũng báo cho y biết “đang có hàng vạn dân công mang gạo, mang đạn lên Điện Biên, họ là những thanh niên trai tráng khỏe mạnh và rất hăng hái theo Việt Minh”.

Thế là luôn trong ba ngày 8, 9, 10 tháng 1-1954, theo lệnh của Na-va, hàng đàn máy bay địch gồm 39 chiếc B.26, 5 chiếc Pơ-ri-vơ-tơ, 21 chiếc khu trục thay nhau âm âm kéo lên Tây Bắc trút xuống hàng trăm tấn bom.

Vào thời điểm quyết liệt này, Bộ chỉ huy chiến dịch chủ trương bí mật mở một con đường từ Tuần Giáo đến Điện Biên Phủ dài gần 100 cây số vắt qua những ngọn núi cheo leo trước đây chỉ là một

lối mòn ngựa đi lờ mờ, đứt quãng thành một con đường lớn rộng 5 mét. Thời gian cho phép chỉ được vùn vùn có 11 ngày không thể hơn. Quả là một công việc ngoài sức tưởng tượng của mọi người. Anh em gọi công việc này bằng một cái tên đầy ý nghĩa: “mở đường quyết thắng”.

Lực lượng làm đường là các chiến sĩ trẻ bộ binh và công binh, và cũng chỉ có họ mới đảm đương nổi công việc “đào núi, lấp biển” to lớn và hết sức khẩn trương này. Nhưng những vách đá đầu dễ cúi đầu. Ngày thứ nhất, hai chiến sĩ vào loại khỏe mạnh đục suốt 10 giờ đồng hồ liên (từ 6 giờ tối đến 5 giờ sáng) mà chỉ được có 3 lỗ sâu 80 - 90 xăng-ti-mét để nổ mìn. Khó khăn quá, anh em mở hội ngay trên công trường tìm cách khắc phục. Hàng vạn con người chỉ có một quyết tâm: “phải chạy đua với thời gian, phải chiến thắng thời gian”. Những sáng kiến kê choòng và quai búa được phổ biến, thế là hôm sau thời gian đục một lỗ sâu 75 xăng-ti-mét đã rút xuống từ 35 đến 40 phút. Quai búa là công việc nặng nề, mệt nhọc. Búa nặng chừng 4 ki-lô-gam, lúc đầu mỗi chiến sĩ chỉ quai được từ 50 đến 60 búa là phải nghỉ. Chiến sĩ trẻ Nguyễn Phú Lý được tặng danh hiệu “vua búa” vì anh đã kịp thời rút kinh nghiệm và có sáng kiến trong việc giữ sức nên đã quai một hơi 40 phút được 972 búa.

Nhiều đồng chí cầm choòng bàn tay bị tím bầm lại, rách tóe máu và tê bại cả hai cánh tay nhưng dứt khoát không chịu nghỉ. Tiểu đội phó Sơn cầm choòng suốt mấy đêm liền, mệt quá ngủ gật. Chiến sĩ Quảng quai búa liên tục mệt quá, búa văng chệch va phải đầu Sơn chảy máu, Sơn giấu không nói, mãi lúc nghỉ anh em mới biết. Sơn thanh minh:

- Mình cố nhịn để đục cho xong cái lỗ, chậm phút nào là nhớ kế hoạch đánh địch phút ấy.

Thi đua với các chiến sĩ công binh, các đồng chí bộ binh với cuộc xẻng và hai bàn tay chai sần, nứt nẻ đã thay nhau bạt sườn, san mặt, nện nện... không một phút nghỉ ngơi.

Đường mỗi ngày một tiến sâu vào Điện Biên Phủ, đó là một con đường kỳ lạ mà sau này đội quân bại trận của Na-va không sao hiểu nổi làm sao bàn tay con người có thể tạo ra nhanh đến thế. Bọn phi công giặc tặng cho con đường này cái tên thơ mộng và cũng để nói lên sự bất lực của chúng: “đường trong mây”.

Đường trong mây nghĩa là một con đường trên đỉnh cao chót vót của các ngọn núi, đường trong mây cũng có nghĩa là một con đường khi ẩn khi hiện và đường trong mây cũng có nghĩa là một con đường thần thoại từ trên trời cao đâm bổ xuống đầu chúng ở lòng chảo Điện Biên.

Con đường đó được hoàn thành đúng thời hạn như kế hoạch của Bộ chỉ huy chiến dịch giao cho. Đó là con đường của sức trẻ và ý chí quyết thắng, hơn 7 vạn 5.000 ngày công đã tạo ra và giữ gìn nó.

Nhưng câu chuyện thần thoại về việc làm đường đến đây vẫn chưa hết. Bọn phi công giặc suốt ngày thay nhau lồng lộn ném bom hết đợt này đến đợt khác rung chuyển cả núi rừng Tây Bắc nhưng những con đường như những mũi dao nhọn vẫn ngày một thêm nhiều cứ hướng thẳng vào tim giặc mà thọc tới.

Sau hội nghị cán bộ khai mạc vào ngày 14-1-1954 ở hang Thẩm Púa để phổ biến kế hoạch tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định tiếp tục làm gấp một con đường kéo pháo bí mật. Vì con đường mới này, đồng chí Đại tướng Tổng tư lệnh nói: “Chúng ta chủ trương mở đường kéo pháo không phải vì chúng ta không làm được đường cho xe chạy mà chính là để giữ bí mật, để giành lấy yếu tố bất ngờ”.

Thật vậy, ý định của chúng ta là dùng ô-tô kéo pháo từ Tuần Giáo đến quãng ki-lô-mét 69 đường 41 ở đoạn bản Na-nham rồi dừng lại cất pháo, dùng sức người đưa bồng cả mấy chục khẩu pháo, mỗi khẩu nặng hai tấn rưỡi, qua đỉnh Pú Pha-sông cao 1.200 mét, vượt cả một hệ thống núi kéo

dài liên tiếp 15 ki-lô-mét từ bên này đường 41 ở phía Đông sang bên đường Lai Châu - Điện Biên Phủ ở phía tây, vào đoạn bản Tố, rồi lại từ đó tiếp tục kéo pháo trên núi cao một chặng nữa đến tận bản Nghịu để lập trận địa, kê pháo ngay bên sọt địch mà bắn. Con đường kéo pháo táo bạo và hết sức bí mật này vắt qua đỉnh núi cheo leo chưa có dấu chân người. Con đường này lại chỉ cách các vị trí của giặc chừng bốn, năm ki-lô-mét đường chim bay, nghĩa là giữa ngay tầm pháo của chúng.

Nếu con đường Tuần Giáo - Điện Biên trước đây được Bộ chỉ huy chiến dịch cho thời gian là 11 ngày thì nay, đoạn đường vắt chéo Đông - Tây Lai Châu - Điện Biên này chỉ được giới hạn trong một ngày một đêm phải xong. Đại đoàn Việt Bắc (thiếu 1 trung đoàn), 1 tiểu đoàn công binh và 5 đại đội sơn pháo được giao nhiệm vụ này. Từ mờ sáng, khi vừa nhận được lệnh các chiến sĩ đã tranh thủ từng phút, từng giờ mở cuộc tấn công vào rừng rậm. Cán bộ đi vạch đường không có dụng cụ đo ngắm phải leo lên cây cao, đánh đu từ cành nọ sang cành kia, dùng con mắt để soi đường, định hướng. Trong công cuộc lao động đặc biệt khẩn trương và tuyệt đối không được ồn ào này vì gần địch đã nảy ra nhiều sáng kiến tài tình đã tăng năng suất, thí dụ chém vầu chỉ cần một nhát dao ngọt xốt, hạ cây to không cần rìu chỉ moi gốc, chặt rễ phụ rồi đánh

bật cả cây xuống, nổ mìn phá đá cùng với tiếng đại bác của địch, xấn đất thành từng khối vuông lớn rồi bầy cả tảng lăn xuống suối v.v... Có thể gọi đây là con đường của sức mạnh và tuổi trẻ sáng tạo. Chưa hết một ngày, hơn 5.000 chiến sĩ trẻ đầy sức thanh xuân của các đơn vị kể trên đã hoàn thành công việc của một ngày đêm được giao. Con đường mới mở đúng tiêu chuẩn trườn dài từ phía đông sang phía tây, từ cửa rừng Na-nham vắt qua đỉnh Pha-sông bốn mùa mây phủ, luôn xuống vực sâu Nậm Kho-hu, chạy qua bản Tố bên đường Lai Châu - Điện Biên phủ đã được “khánh thành” vượt mức kế hoạch trước bốn giờ đồng hồ.

Một bản đồng ca cất lên giữa rừng già giá lạnh:

Sức ta là sức thanh niên

Thế ta là thế đứng trên đầu thù.

Kéo pháo vào... kéo pháo ra

Đêm thứ nhất, trên những con đường mới mở, quân ta bắt đầu kéo pháo. Đây là công việc hoàn toàn mới mẻ và chưa thể lường hết gian khổ, khó khăn. Hàng chục tấn sắt thép chỉ qua bàn tay con người mà vượt đèo cao, cao nhất là đỉnh Pha-sông, thấp nhất là ở Nậm Kho-hu nhưng nơi thấp ấy cũng tới trên 700 mét, độ dốc có chỗ tới 60 độ nghĩa là phải

ngửa mặt lên mới nhận ra người ở trước. Hai bên đường đi một bên là thành vai, một bên là vực sâu.

Và đêm đầu tiên ấy, hàng nghìn chiến sĩ quân quật từ lúc chập tối cho đến sáng trắng mà chỉ đưa được có 7 khẩu 105 vào cửa rừng Na-nham trong khi kế hoạch định ra là phải kéo cho được 24 khẩu.

Sang ngày thứ hai, lợi dụng rừng cây kín đáo, đoàn quân kéo pháo hì hục suốt ngày nhưng cũng chỉ đưa được 8 khẩu 105 vào thêm 1 ki-lô-mét nữa.

Thế là mất hai hôm rồi trong lúc dự kiến là kéo ba đêm phải xong để sẵn sàng nổ súng tấn công.

Ban chỉ huy chiến dịch thấy được khó khăn này bèn quyết định cho bộ đội nghỉ một ngày để lấy sức và mở hội nghị rút kinh nghiệm từ trên xuống dưới. Và đêm thứ tư, quân ta lại bắt tay vào nhiệm vụ.

Hai... ba... nào!

Tiếng hô mạnh mẽ của các đồng chí chỉ huy kéo pháo đã điều khiển sức kéo nhịp nhàng hơn hai hôm trước. Mỗi chiến sĩ lại bện thêm một đoạn dây cóc, một loại dây rừng rất bền móc vào chảo chính buộc pháo rồi chòng qua vai như người kéo thuyền trên sông. Các sáng kiến này đã đưa pháo đi nhanh gấp ba lần. Muốn kéo một khẩu pháo lên tới đỉnh Pha-sông, pháo phải leo qua 7 đợt dốc liên

tục có đặt 7 cái tời ở mỗi đầu dốc. Vì vậy chiến sĩ ta đặt tên cho đoạn đường kéo pháo cực kỳ hắc búa này là “dốc bảy tời”.

Đêm ấy, khi một khẩu 105 vừa đến giữa dốc thì bỗng quay ngang, chỉ còn một bánh bám trên đường. Tình hình quá nguy hiểm, khẩu pháo có thể lao xuống vực sâu. Giữa lúc ấy từ phía ngoài, một đoàn thanh niên xung phong và dân công vác đạn ào ào đi tới. Nguy quá, nếu để cho người vác đạn đi qua thì pháo có thể bị hất xuống vực. Chính ủy Phạm Ngọc Mậu vội ra ngăn lại và được biết rằng anh chị em được lệnh mang ngay đạn vào tận nơi cho pháo.

Chính ủy vui vẻ nói:

- Các đồng chí thấy không, con voi sắt này còn nằm ăn vạ ở kia, nó chưa đến “nhà” thì đạn vào làm gì?

- Nhưng báo cáo anh, pháo vào mà không có đạn ngay thì chúng em chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Nhìn những chàng trai cô gái trẻ măng từ khu ba, khu bốn, từ Phú Thọ, Tuyên Quang, từ trong các vùng tạm bị giặc chiếm, v.v... nét mặt rạng rỡ, kiên quyết, trên vai những hòm đạn đến mấy chục cân đang đè nặng, Chính ủy Phạm Ngọc Mậu tươi cười điều hòa:

- Thôi thế này nhé, pháo vào đến đâu các đồng chí đưa đạn vào đến đấy. Như vậy được việc của chúng mình mà các đồng chí cũng hoàn thành nhiệm vụ.

Các chàng trai, cô gái đồng loạt hoan nghênh cách giải quyết của Chính ủy. Chính ủy trù mển chia tay họ.

Đêm đêm lại vang lên tiếng hai... i... ba gióng giả, đều đặn, kiên quyết. Pháo nhích dần từng bước, từng bước. Có đồng chí mệt quá, cổ khản đặc không còn nói thành tiếng phải dùng mõ tre gõ “cốc, cốc” để điều khiển kéo pháo.

Một đêm, pháo đang đổ dốc Suối Reo, chiến sĩ Mậu đã ghé vai ghìm bánh pháo nhưng khẩu pháo nặng quá vẫn cứ lao nhanh dè lên dùi Mậu. Tuy quá đau đớn nhưng đồng chí Mậu cố nghiến răng nói với đồng đội:

- Chân tôi đang nào cũng hổng, cứ cho pháo lăn qua để vào trận địa cho kịp.

Trước tinh thần dũng cảm ngoan cường của Mậu, các pháo thủ như được tiếp thêm sức mạnh. Anh em cùng nhau đẩy pháo nhích lùi lại vừa cứu được đồng đội vừa đưa pháo vào đúng lòng đường để xuôi dốc an toàn.

Đêm sau pháo đang đổ dốc gần chỗ đường Lai Châu đi Điện Biên Phủ thì bỗng đứt dây tời, kéo

luôn cả hàng chục chiến sĩ trên mặt đường. Tình hình quá nguy hiểm nhưng bỗng xuất hiện ba đồng chí pháo thủ anh dũng, đó là Chúc, Cứ và Ngói. Ba đồng chí không chịu rời pháo mà lao theo chèn hết bánh này đến bánh khác. Một lúc sau Cứ và Ngói bị hất đi chỉ còn lại mình Chúc. Chúc thoáng thấy phía dưới gần đấy lơ mờ một gốc cây. Chúc nảy ra ý kiến hướng khẩu pháo đâm vào gốc cây đó. Chúc lồng theo pháo chèn bánh và đã chèn được mấy lần nhưng pháo vẫn cứ lăn nhanh theo hướng của nó và có nguy cơ đâm tụt xuống vực. Không trừ trừ được nữa. Chúc cầm chèn lao cả người vào bánh pháo. Khẩu pháo chồm lên, nghiêng một bánh quật về phía gốc cây, dừng lại. Liệt sĩ trẻ tuổi Nguyễn Văn Chúc, người pháo thủ anh hùng của trung đoàn Tất Thắng đã hy sinh vẻ vang để cứu pháo ở tuổi 20 đầy khí phách.

Tám gương Nguyễn Văn Chúc được truyền đi khắp trận địa kéo pháo. Các chiến sĩ nêu khẩu hiệu: “Học tập Nguyễn Văn Chúc, kéo pháo nhanh vào trận địa”.

Đến bây giờ, đã chín ngày đêm ròng rã, quân ta vẫn bí mật, lặng lẽ, kiên trì khắc phục mọi gian khổ, khó khăn kéo pháo vượt núi, qua đèo...

Và cũng đến lúc này thì Na-va, Cô-nhi bắt đầu thấy quân ta đang gấp rút chuẩn bị đánh Điện Biên Phủ.

Y lại đáp máy bay lên Điện Biên Phủ để nhìn tường tận một lần nữa (không biết mấy chục lần rồi) công cuộc bố phòng ở Điện Biên Phủ. Y yên tâm, không lẽ một đại tướng lừng danh như y mà không đánh giá được sự vững chắc của cái pháo đài bất khả xâm phạm này sao? Nghĩ vậy Na-va vẫn đôn đốc thực hiện chiến dịch đánh chiếm vùng tự do liên khu 5 (chiến dịch Át-lăng) và cho báo chí la ầm lên rằng đây là cuộc hành binh lớn nhất Đông Dương từ trước đến đó nhằm chiếm lại một vùng chiến lược hết sức quan trọng. Chưa hết, Na-va còn quyết định tung 26 tiểu đoàn vào Trung Lào, Hạ Lào để tiêu diệt Liên quân Lào - Việt đang hoạt động mạnh ở lưu vực sông Cửu Long.

Nhận lệnh của Na-va, Đờ-cát hết sức khẩn trương để hoàn thành những công việc củng cố cuối cùng.

Ngày nào từ sáng sớm đến tối mịt y cũng cho máy bay trinh sát có mặt liên tục trên bầu trời Điện Biên. Và chính bản thân Đờ-cát đã cùng với Pi-rốt; chỉ huy pháo binh ở Mường Thanh cưỡi máy bay đi tìm trận địa pháo binh của ta. Nhưng chúng chỉ thấy núi rừng xanh um, trùng điệp, yên lặng đáng sợ!

Về phía quân ta, giờ này khẩu pháo cuối cùng đã chiếm lĩnh xong trận địa. Các đài quan sát đã ngự trị trên các đỉnh núi cao và bắt đầu hoạt động. Trên cánh đồng Na-hi, bản Tố, các đội pháo cao xạ

và liên thanh cao xạ đã nằm chờ sẵn, mình phủ đầy rơm mới gặt trông hiên lành như những đồng rơm lớn của dân bản vẫn để rải rác ngoài đồng.

Khắp các đơn vị, không khí động viên chiến đấu sôi nổi. Bánh chưng, cơm nắm đã phát cho chiến sĩ xong xuôi. Tất cả hiên ngang, sẵn sàng. Càng gần về chiều không khí càng náo nức.

Bống chuông điện thoại reo vang tại hầm chỉ huy đại đoàn pháo binh. Chính ủy Phạm Ngọc Mậu nhắc ống nghe lên. Từ đầu dây phía kia, tiếng nói quen thuộc của đồng chí Đại tướng Tổng tư lệnh rành rọt, ấm áp:

- Có phải đồng chí Mậu đó không?

... Đồng chí lấy giấy ghi mệnh lệnh: “Để tăng cường công tác chuẩn bị bảo đảm chắc thắng cho chiến dịch, ngay từ tối hôm nay, bắt đầu chuyển pháo ra khỏi trận địa lâm thời đến những vị trí an toàn. Mệnh lệnh này cần được chấp hành triệt để. Nhiệm vụ chuyển pháo coi như mệnh lệnh chiến đấu”.

Và sau đó, từ các căn hầm chỉ huy khác, các đồng chí Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ, Lê Trọng Tấn... lại được nghe vang lên giọng nói thông thả, rõ ràng, bình thản của đồng chí Đại tướng Tổng tư lệnh:

- Hoãn tấn công, rút quân ra! Lệnh này chỉ được chấp hành không được hỏi.

Lúc ấy là 17 giờ 20 đúng.

Mặt trời chậm chạp chìm xuống sau dãy Pú Tà Cọ cao ngất. Cả thung lũng tối dần rồi đi vào trong đêm sâu. Quan quân của Đờ-cát được tin tình báo cho hay là Việt Minh sẽ mở cuộc đại tấn công vào đêm nay, nhưng... sao thế nhỉ? Sao cuộc tấn công của Việt Minh lại không nổ ra! Chúng đã phải qua một đêm hồi hộp, căng thẳng đợi chờ? Tin này bay ngay về Bộ tham mưu quân Pháp ở Hà Nội, Sài Gòn. Các tướng tá xâm lược ngơ ngác hỏi nhau:

- Việt Minh họ bỏ Điện Biên Phủ sao? Không tấn công Điện Biên Phủ thì họ sẽ tấn công ở đâu?

*

* *

Bộ đội ta lại bắt tay vào cuộc vật lộn với đèo cao, vực thẳm. Cán bộ xuống từng đại đội, trung đội để giải thích chủ trương mới. Kéo pháo vào đã khó khăn, gian khổ, kéo pháo ra lại càng khó khăn, gian khổ gấp mấy. Bản chất cách mạng của quân đội tạo nên ở mỗi cán bộ, chiến sĩ một tâm hồn kỳ diệu. Khi chưa biết rõ tình hình ra sao thì có anh em thắc mắc nhưng khi đã hiểu rằng “Quyết tâm tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Trần

Đình trước sau vẫn không lay chuyển, nhưng vì tình hình địch có thay đổi nên ta cũng phải chủ động kịp thời thay đổi kế hoạch của ta, đó chính là để chuẩn bị điều kiện tiêu diệt quân địch chắc chắn hơn thì mọi người lại hăm hở bước vào nhiệm vụ mới một cách hăng say".

Sở dĩ có chủ trương kéo pháo ra là do ta thấy địch tăng cường củng cố, mặt khác công tác chuẩn bị của ta chưa đầy đủ, đánh chưa chắc thắng, vì vậy sau một tuần lễ phân tích tình hình và thảo luận kỹ, Đảng ủy mặt trận đã ra lệnh hoãn cuộc tấn công và tiếp tục chuẩn bị để thực hiện phương châm "*đánh chắc, tiến chắc*". Trước đây ta tích cực chuẩn bị để tranh thủ khả năng "*đánh nhanh giải quyết nhanh*" lúc địch chưa thực hiện được việc tăng cường củng cố hệ thống phòng ngự của chúng một cách đầy đủ.

Tuy nhiên ta cũng đã chuẩn bị khả năng có thể chuyển sang chuẩn bị "*đánh chắc tiến chắc*".

Giờ đây việc chuẩn bị "*đánh chắc, tiến chắc*" đã thành hiện thực là một chủ trương hết sức đúng đắn và sáng suốt của trên trước sự biến chuyển của tình hình.

Đúng như trên đã dự kiến, địch phát hiện được ta qua những vết lá ngụy trang để úa trên đường kéo pháo vào nên ban ngày chúng cho máy bay sục sạo giới bom, ban đêm câu pháo dồn dập trên những đoạn đường hiểm trở đó. Đoàn voi thép lại phải

vượt qua những dốc, những đèo mang nhiều tên nghe lạ tai như Bãi Chuối, Suối Ngựa, dốc cây Cụt, dốc Bảy tời, cầu Bám, v.v... giờ đây nham nhở hố bom, xơ xác những vạt cây cháy sém gãy gục như sau một trận bão lớn. Pháo vào đã khó, pháo ra còn khó hơn, mỗi đêm đi được chừng 2 ki-lô-mét. Khẩu pháo của đại đội bộ binh 243 vừa bắt đầu leo dốc “Cây cụt” thì bỗng một làn chớp lóe lên, tiếp theo những tiếng nổ âm âm, mảnh đạn văng tung tóe vào vách núi nhưng các chiến sĩ ta vẫn gan dạ bám chặt dây pháo, chân như đóng cọc xuống đất, không một người nào rời vị trí và tiếng hô đồng dục vẫn vang lên “Hai... ba... nào!”.

Ở đại đội 827, khi khẩu pháo cao xạ đang ở giữa dốc Bãi Chuối cao gần như dựng đứng thì bỗng một loạt đạn pháo địch âm âm bắn tới tận đứt dây tời. Cả khối thép đổ từ trên dốc xuống kéo cả đoàn người lê theo. Chỉ nháy mắt nữa là khẩu pháo sẽ lao thẳng xuống vực... Mọi việc xảy ra quá nhanh chóng tưởng như không thể trở tay kịp, nhưng chỉ trong nháy mắt đồng chí Tô Vĩnh Diện, người pháo thủ đảng viên trẻ nhất đơn vị ấy liền vọt lên phía trước, anh cầm chèn và lao thẳng vào bánh pháo. Khẩu pháo bị chặn lại, xoay ngang húc càng vào vách núi và dè lên người đảng viên ưu tú dũng cảm tuyệt vời ấy. Tấm gương chói lọi của Tô Vĩnh Diện cũng như Nguyễn Văn Chức trước đây lúc kéo pháo vào được truyền

đi nhanh chóng khắp các đơn vị, tiếp thêm sức mạnh cho đoàn quân kéo pháo anh hùng.

Đêm sau trên đường kéo pháo, cả các đồng chí vừa ốm dậy, các đồng chí bị thương vì pháo địch đều có mặt đi kéo pháo để trả thù cho Tô Vĩnh Diện.

Trong khi quân ta kiên trì và chịu đựng mọi gian khổ kiên quyết kéo pháo ra để chuẩn bị kỹ hơn, chắc hơn cho cuộc chiến đấu sắp tới thì bọn tướng tá thực dân đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Có tên cho rằng ta đã “sợ” Điện Biên Phủ vì tinh thần quân ta đã “sa sút”.

Na-va đưa ra những đòn chiến tranh tâm lý hy vọng mò được phản ứng của ta. Bộ chỉ huy Pháp cho máy bay thả truyền đơn khiêu khích:

“Gửi Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Nghe tin ngài mang nhiều sư đoàn lên đây để giao chiến và định đem quân vào ăn tết trong Điện Biên Phủ. Chúng tôi sẵn sàng đón tiếp ngài. Ký tên: Đờ Cát-tơ-ri, chỉ huy G. O. N. O”.

Mặc cho quân thù đoán già đoán non và ra sức bắn phá trên các ngã đường kéo pháo; mặc cho quân thù giở trò chiến tranh tâm lý và khiêu khích, đàn voi thép của chúng ta vẫn cứ nhích dần từng chặng đến nơi an toàn, mọi công việc chuẩn bị nhằm tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ

điểm địch ở Điện Biên Phủ của chúng ta từ hạt gạo, cuộn băng, viên đạn... đang được ráo riết chuẩn bị. Bước chân của hàng chục vạn nam nữ thanh niên xung phong, dân công vẫn ngày đêm rầm rập hướng về Điện Biên.

*

* *

Giữa lúc pháo ta lần lượt ra khỏi trận địa một cách an toàn thì ngày 31-1-1954, ở phía đông Điện Biên Phủ diễn ra một trận chiến đấu rất oanh liệt của dũng sĩ Hoàng Văn Nô thuộc đại đoàn Biên Hòa. Lúc ấy là 13 giờ, một đại đội địch hùng hổ tiến ra phía đông Mường Thanh có máy bay và trọng pháo yểm hộ để thăm dò lực lượng của ta và nấn gân binh lính. Khi đại đội địch đến Tà Lèng thì gặp đơn vị đầu tiên của đại đoàn Biên Hòa. Các chiến sĩ ta chặn đánh địch quyết liệt ngay tại chỗ một trung đội. Địch hoảng sợ phải quay về.

Thừa thắng, quân ta tung một lực lượng đuổi theo. Tiểu đội đồng chí Niết vượt lên đầu. Vừa giáp địch thì các chiến sĩ ta thấy một trung đội địch đã chiếm ngọn đồi cao yểm hộ cho bọn còn lại rút lui. Lập tức quân ta chia ra làm ba mũi, hai tổ được lệnh xông lên chiếm ngọn đồi và tổ xung kích của Niết lao thẳng ra đường đuổi địch. Vừa tới

đường, Niết lia luôn một băng tiểu liên diệt ngay hai tên giặc nhưng đồng chí đã bị trúng đạn địch hy sinh. Noi gương dũng cảm của người đồng đội cùng lứa tuổi, đồng chí Hoàng Văn Nô tuốt lưỡi lê cắm vào đầu súng vọt lên dẫn đầu tổ phóng theo địch. Một tên lê dương thấy có ít người đuổi theo bèn liều mạng quay lại giơ tiểu liên định bắn. Nhanh như cắt, Hoàng Văn Nô xốc tới, thét lên một tiếng dữ dội, cắm phập lưỡi lê vào ngực kẻ thù. Tên lê dương ấy to cao gấp rưỡi Nô ngã vật xuống chết tươi. Bọn còn lại rú lên, xô nhau chạy.

Nô chợt nghĩ đến Niết đã hy sinh, anh quyết không tha bọn giặc, phóng hết tốc độ đuổi theo. Kịp tên thứ hai, Nô ra lệnh cho nó hàng nhưng nó ngoan cố chống lại, Nô lại đâm chết rồi lại vượt lên... Khi Nô sắp sửa kết liễu tên giặc thứ năm thì anh hy sinh, tay Nô vẫn nắm chặt súng, lưỡi lê còn ròng ròng máu giặc.

Bọn địch còn lại khiếp đảm tháo chạy về đồn. Toàn tiểu đội đồng chí Niết được Bộ Tổng tư lệnh tặng thưởng Huân chương. Tất cả các đồng chí đoàn viên, thanh niên trong tiểu đội đều được khen thưởng. Riêng Hoàng Văn Nô, người thanh niên Tày, tấm gương quyết chiến kiên cường được tặng thưởng Huân chương và tặng danh hiệu “Dũng sĩ đâm lê”.

Cùng đi chiến dịch

Đi tới Điện Biên Phủ còn có những đoàn người không mang súng. Đó là các “binh chủng” dân công, những bác sĩ, chiến sĩ tải thương, những chị văn công, những anh nhạc sĩ. Họ không khoác súng thép, nhưng mang chất thép trong lòng và trong trái tim yêu nước, căm thù giặc.

Nhìn đoàn dân công có hàng ngàn đôi vai tròn lẳn, áo gụ miệng cười tươi, môi cắn chỉ gánh rất đòn càn kia, không ai biết được cô nào là vợ, là người yêu của anh chiến sĩ trẻ hiện cũng đang vào Điện Biên. Không phải chỉ có một cặp vợ chồng trẻ cùng đi chiến dịch và không gặp nhau như thế. Hoặc là, giáp mặt nhau trên đường, trong đêm tối mà không biết. Hoặc có gặp nhau nhưng chỉ vội vàng gửi lại một phút cầm tay chúc nhau chiến thắng.

Dân công mang vác, gánh gồng. Dân công xe thô. Dân công lênh đênh trên sông và lao vùn vụt qua thác, qua ghềnh. Mà, phần lớn là nữ thanh niên.

Đoàn thuyền thúng của Thanh Hóa đã gửi lên chiến trường hàng trăm cô gái như thế. Có cô chỉ biết bơi khi đã xuống thuyền. Chỉ có dòng sông và mặt nước mới biết hết nổi vất vả của các cô chỉ mặc có một manh quần đùi mới vượt qua được thác ghềnh. Cũng chỉ có rừng đêm và ánh sao khuya mới nhìn thấy sự chịu đựng lặng lẽ âm thầm của

những tốp nữ dân công giúp nhau sạch cái “tội” mà đàn ông không ai gặp phải và không hình dung nổi. Cái vui hớn hở, tươi tắn tràn trề của cuộc đời được giải phóng thật sự sau cuộc đấu tranh giai cấp giảm tô giảm tức của các cô gái “cầm cung”, bị ràng buộc bởi trăm nghìn lễ nghi, hủ tục phong kiến “Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” đã dưng cảm, hiên ngang trở thành người chiến sĩ. Chiến công của các chị 25 các cô 17 tuổi trong chuyển tải đạn dược gạo, thuốc... không thể bắc lên mà cân được. Và dù trong chiến đấu, hy sinh đến đâu, vẫn ngồi lên vẻ duyên dáng, khỏe khoắn, yêu đời của các cô gái Việt Nam, y thể đã và đang từ câu ca dao, truyện cổ tích bước ra tựa cô Tấm, nàng công chúa phúc hậu của hôm nay.

Đấy là đoàn dân công từ đồi cọ rừng chè Phú Thọ lên Tây Bắc. Cũng như bộ đội, họ phải nếm trải đủ nổi vất vả băng rừng, vượt suối, vai nặng chân chồn. Đội hình của họ cũng bị giặc chặn xé bằng đạn lửa, bom napan, thương vong, người đi lành về tàn tật, đã có người yên nghỉ mãi nơi đỉnh núi rừng sâu.

Mặt trận cần không phải một hay mười nghìn mà hàng trăm nghìn tấn gạo, đạn dược. Hạt gạo tới Điện Biên Phủ không phải chỉ có thấm mồ hôi mà còn cả máu của người đã chuyển lên. Đường dài, gạo gánh đi có hạn, sức thanh niên lại đang tuổi lớn, vậy mà nhiều ngày họ không dám ăn no. Ăn nhiều sợ không còn đủ gạo nuôi bộ đội. Trời

nặng nại máy bay. Trời mưa e ướt gạo. Giấc ngủ chập chờn, đầu gối rọ, sọt, tay ôm đòn gánh. Cái đòn gánh lắm lúc trở thành cánh phản để ngả lưng chốc lát trên đoạn đường lầy lội. Có từng cặp bạn gái cùng quê như cô Tâm thân hình nhẹ nhõm và thanh thanh, giọng nói dịu dàng cùng chị bạn năng nổ, xông xáo đáng là chị cả về tuổi tác và cơ thể đã cùng nhau đi từ quê lúa đến tận Điện Biên Phủ. Có lần máy bay địch ném bom đúng địa điểm dừng chân, các cô lấy thân mình che cho đạn.

Máy bay giặc bay đi, các cô chùi nước mắt tiễn biệt bạn đồng hành đã hy sinh phải nằm lại rồi đi tiếp. Thế mà tới chặng nghỉ sau, họ đã khúc khích, ới ới trêu nhau:

Chị bạn người đậm bờ bờ:

- Con Tám nhé! “Ông” cho mày trưa nay phúc không chết cháy thì cũng chột vài lúa đẻ.

Cô Tám dấm bạn bình bịch:

- Con ranh. Mày có chồng rồi mới sợ chết đi ông ấy mồ côi vợ. Chứ tao một mình, tao không sợ.

- Thôi đi, chẳng sợ mà tái xanh như tàu lá, nằm ôm lấy hòm đạn.

- O, đấy là tao sợ nó bắn trúng hòm đạn. Chứ mặt mày lúc bấy giờ cứ bệch ra như mặt chánh hội Tòng bị đấu ấy!

Xong họ lăn ra mà cười... Cười rồi lại đứng lên đi. Gặp bộ đội, các cô đùa:

- Các anh ơi! Nấu cơm có sống, chúng em sang chữa hộ.

Ở đoàn xe thô, không ít chàng trai đang là học sinh trường trung học. Học hết lớp 9, xung phong đi bộ đội. Không gặp đợt tuyển quân, họ liền xin đi dân công. Không biết gánh, họ thô bằng xe đạp. Với cái tài kể chuyện và sự lém lỉnh của mình, họ góp thêm cho đoàn người mệt mỏi sau chặng đường dài những “thang thuốc giải mệt” bằng mọi thứ chuyện cười vừa bịa ra hoặc mới nghe lại được ở người khác. Rừng sâu vang tiếng câu hò:

“Ơ... hò...”

Ai sinh ra chiếc xe thô

Trập trùng đèo dốc lần mò đêm này... ơ...

Tình tình tang (là) tang tình tình, hò

Lên cho đời chúng ta tươi,... hò... ò... lên!”

Chiếc xe thô chở nặng nhất chiến dịch là xe của Nguyễn Văn Ngọc ở thị xã Thanh Hóa tới 320 ki-lô-gam.

Tiếng hò dân công, còn là tiếng hát ân tình của những người vợ trẻ:

“Em đi chín núi mười sông

Gánh gạo nuôi chồng đánh giặc nơi xa...”

Là tâm tình cao đẹp của các cô gái tái thương đối với chiến sĩ, thương binh khi tấm áo rét của mình thấm máu của các anh:

“Thương anh em ủ áo bông

Áo em nhuộm thấm máu hồng thương binh...”

Có cô dân công, lúc ở nhà không dám cắt tiết con gà, vậy mà lúc vào tới mặt trận đã trở thành người nữ y tá được thương binh vô cùng yêu quý. Như trường hợp cô Hảo. Hảo đen người, đẹp nét, có đôi bàn tay tiên xoa dịu nỗi đau đớn trên vết thương của người chiến sĩ. Trong thời gian săn sóc thương binh, Hảo thầm yêu một chiến sĩ bị thương. Họ đều trẻ và bằng tuổi nhau, ai thấy cũng khen là đẹp đôi. Lần thứ hai bị thương, lúc gặp nhau, người chiến sĩ nhận ra Hảo yêu mình, anh liền nói cho Hảo rõ anh đã có người yêu. Cô ấy cũng đi dân công lên Điện Biên. Hảo nảy ra có ý đi tìm, hỏi thăm người bạn gái có hạnh phúc hơn mình, nhưng chưa biết mặt. Hảo đã gặp được người bạn gái ấy và còn chuyển giúp cô bức thư cho anh chiến sĩ vào một ngày cuối chiến dịch.

Tuổi trẻ chiến đấu và tình yêu. Ở bất cứ phương diện nào, lớp thanh niên mới cũng luôn luôn có một tâm hồn đẹp đẽ và những hành động đáng yêu.

*

* *

Cùng lên Điện Biên Phủ, trong đội ngũ “cao như núi, dài như sông” ngoài nhịp bước anh chiến sĩ bồn tập đường xa, và các chị dân công ngày đêm không nghỉ, còn có các đoàn văn công, anh quay phim, chụp ảnh; các họa sĩ, nhạc sĩ. Những người này đã có mặt ngay cả trong những lúc “khói lửa” tới bời!

Ca khúc hào hùng “Hành quân xa” của nhạc sĩ Đỗ Nhuận đã ra đời trên đường hành quân như thế. Một lần dự buổi sinh hoạt chính trị của bộ đội, nhạc sĩ bắt gặp lời kết thúc của đồng chí chính trị viên đại đội: “Đời chúng ta, đâu có giấc là ta cứ đi” để động viên chiến sĩ khắc phục mọi khó khăn gian khổ, quyết hành quân tới đích.

Lòng xúc động, nhạc sĩ trăn trở mãi câu nói đầy dũng khí, và chứa chan ý nhạc, ý thơ... Đỗ Nhuận đã sáng tác thành công một bài ca rạo rức lòng người, náo nức bước hành quân. Bài hát ấy lập tức như có cánh, bay đi trên khắp mọi nẻo đường chiến dịch.

Họa sĩ Mai Văn Hiến cũng vai nặng trĩu ba lô theo chiến sĩ từ chiến khu lên mặt trận. Các nhà văn, nhà báo bám sát các mũi tiến công, những bài viết còn nóng bỏng lửa đạn, ám khói súng, khói bom trong trận đánh đã ra đời. Nhờ vậy, khi chiến dịch vừa kết thúc, chỉ sau một thời gian ngắn, mọi người được đọc những bài ký sự còn tươi sắc cờ chiến thắng, như: “Đánh lán, Hàng rào cuối cùng...”, v.v...

Những nhà giáo trẻ măng, phần đông mới 18, 19 tuổi, chưa học xong chương trình, nghe tin chiến dịch mở đã từ nơi đào tạo cấp tốc khoác ba lô lên đường. Chuẩn bị sẵn sàng, bộ đội giải phóng nơi nào lập tức tới mở trường dạy học, cho các em bé được hưởng trọn niềm vui độc lập tự do.

Đi chiến dịch, mấy tiếng ấy đã trở thành một vinh dự cho tuổi thanh xuân. Nhưng đường đi chiến dịch tuổi thanh xuân cũng đã trải qua những thử thách khốc liệt.

“Con nhím” của Na-va thật sự không phải con nhím bày trong vườn bách thú. Cái lông nó bắn ra vẫn cứ chết người. Muốn nhổ đi, không phải dễ. Muốn tiếp cận, đã phải có những trận đánh từ xa, từ những đồn bốt, căn cứ xung quanh, cách Điện Biên Phủ hàng trăm ki-lô-mét. Để có thể nổ tiếng súng đầu tiên mở màn chiến dịch, từng đàn voi thép đã đi trên vai đoàn chiến sĩ pháo binh. Hàng vạn nam nữ thanh niên đã phải vượt suối băng rừng, mò đêm vận tải. Đó là những thử thách khốc liệt đối với tuổi trẻ Việt Nam ở Điện Biên Phủ. Nhưng đường vào Điện Biên, đường đi tới bản anh hùng ca bất diệt Điện Biên Phủ đã ngời sáng những chiến công và những gương mặt tuổi trẻ trong chiến đấu đã hiện lên tuyệt vời từ những ngày trên đường vào chiến dịch.

PHẦN II

CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ BẮT ĐẦU

1. “BÁC BẢO THẮNG LÀ THẮNG”

Tướng Na-va mở khúc “Lạc... quan”

Mấy ông tướng Tây định ninh rằng: Việt Minh không thể nào vượt được những khó khăn mà họ đang gặp phải nếu muốn “đọ sức” ở Điện Biên Phủ. Mặc dù, theo nguồn tin tình báo tướng Na-va biết được, thì 33 tiểu đoàn quân đội Việt Nam đã bị hút lên chốn rừng xanh núi đỏ này rồi. Do đó, những triệu chứng mệt mỏi đã xuất hiện ở phía đối phương. Cho nên, để cho chắc ăn, Na-va ra chỉ thị: Ở Hà Nội sẽ tập trung một đội dự bị 3 tiểu đoàn, với 5 tiểu đoàn dù. Nếu các sư đoàn của Việt Minh rút khỏi Điện Biên Phủ thì sẽ đuổi đánh.

(Ghê thật! Chưa đánh mà đã quy định cho đối phương sẽ thua!). Mặt khác, nếu Việt Minh đánh ở đồng bằng, thì sẽ điều quân ở Điện Biên Phủ về!

Như thế có nghĩa là: Máy ông tướng Tây chưa biết chắc chắn Việt Minh sẽ đánh, đánh thật ở đâu.

Chưa hết, Na-va còn hoạch định:

Ở Thượng Lào và Trung Lào, sẽ cho chiếm lại tất cả các vùng đất đai đã rút hoặc bị chiếm. Riêng ở Thượng Lào cho tiến đến Mường Khoa.

Ở Trung Việt, tiến hành giai đoạn 2 của chiến dịch Ất-lăng, nhằm chiếm Quy Nhơn, còn vùng cao nguyên, tiếp tục chiến dịch để giải vây cho Plây-cu và chiếm lại Kông-tum.

Để yên tâm hơn, ngày 4 tháng 3 năm 1954 tướng Na-va và tướng Cô-nhi cùng lên Điện Biên Phủ kiểm tra lại “con nhím thép”.

Ngắm “con nhím thép” của mình, Na-va muốn đặt thêm một trung tâm phòng ngự nữa giữa Hồng Cúm và Mường Thanh. Y ngại pháo ở Hồng Cúm chỉ viện cho đối Độc Lập hơi yếu và từ Hồng Cúm tổ chức các cuộc phản kích cứu ứng lẫn nhau cũng khó khăn. Lập tức tướng Cô-nhi chốt dạ. Ông ta sợ bị rút ruột, chia quân cho Đờ-cát, nên đã gạt khéo đi với lý do là lực lượng ở “con nhím” này đã khá đông, vấn đề là phản kích lại cho mạnh. Không

hiếu Đờ-cát có sĩ diện, sợ Cô-nhi cho mình là chưa giỏi không, hay vị đại tá đang thềm lên tướng này nghĩ thế thật, nên đồng ý với Cô-nhi. Na-va lại ngỏ ý: Ngộ lỗ Việt Minh họ trùng trình, thấy quân Pháp lập thêm trung tâm đề kháng nữa, nên chưa tấn công, nay lui mai hoãn thì sau? Đại tá Đờ-cát hăm hờ:

- Cần phải khích cho Việt Minh tấn công ngay mới được!

Na-va hỏi cho chắc:

- Liệu có giữ được không?

Đờ-cát thận trọng:

- Thưa đại tướng, sẽ gay go đấy, nhưng tôi chắc là giữ vững được nếu đại tướng tiếp viện cho hai hay ba tiểu đoàn.

Cô-nhi hùn thêm:

- Ta không nên để Việt Minh bỏ ý định tấn công. Đây là triển vọng của một trận thắng lớn về phòng ngự. Thật là một tai họa đối với tinh thần binh sĩ, nếu bọn “Việt” không tấn công nữa. Tất cả mọi người từ sĩ quan đến binh lính đều sẵn sàng chờ Việt Minh đánh vào, không e ngại gì hết.

Na-va yên tâm quay về Sài Gòn.

Ngày 6-3-1954, tức là chỉ sau đó hai ngày ông

ta gửi một bức thư cho toàn thể lính Pháp ở Đông Dương, lời lẽ thật hào hứng:

“...Chúng ta phải lạc quan. Tuy còn vài tuần gay go nữa phải vượt qua, nhưng ngay từ giờ chúng ta tin chắc trong mùa chiến đấu này, đối phương không thể đạt được mục tiêu nào. Và từ nay đến lượt chúng ta tấn công”.

Cái tinh thần “lạc quan” ấy, đã ngấm xuống tận quân quan Pháp ở Điện Biên Phủ.

Giờ ra trận đã đến

Ngày 6 tháng 3 năm 1954:

Đàn voi thép của quân ta trên các triền núi cao đã chuẩn bị vào “ô”.

Những trận địa giả đã xây dựng xong.

Xung quanh Điện Biên Phủ, quân ta đã áp sát.

Cuộc chiếm lĩnh trận địa bắt đầu.

Đường chiến hào của bộ binh bao quanh Điện Biên Phủ lúc này đã dài tới gần trăm cây số, tỏa xuống cánh đồng.

*

* *

Ở đồng bằng Bắc Bộ, có hai trận đánh chào mừng trận mở màn sắp tới của chiến dịch Điện Biên Phủ:

- Quân ta đột nhập sân bay Gia Lâm đêm 4-3-1954 đốt cháy 18 máy bay, 2 máy phát điện, một kho xăng.

- Đêm 7-3-1954, bộ đội địa phương Kiến An (Hải Phòng) đột nhập sân bay Cát Bi phá hủy hơn 50 máy bay địch.

Trên khắp chiến trường toàn quốc, quân ta đang căng địch ra mà đánh, buộc chúng phải phân tán lực lượng. Chiến tranh du kích được đẩy lên tới mức độ cao, góp gió thành bão khiến địch phải quay như chong chóng để đối phó. Hàng mấy trăm đồn bốt ở Nam Bộ bị bức hàng, bức rút. Các đường giao thông bị chặt tơi bời. Ô-tô trên các đường 9, 13; tàu hỏa trên đường 1, đường 5; đường thủy trên sông Hồng, sông Luộc, sông Thái Bình, sông Đào, sông Đáy... bị đánh đổ, đánh chìm ngổn ngang. Mọi biện pháp đối phó của địch đều không có hiệu lực. Ở hậu phương địch luôn luôn bất an vì những sân bay bị đốt, bị đánh, những làng tề bị phá rã rời...

Tại Điện Biên Phủ, quân ta cứ ngày một dũi gần đường hào vào vây quanh căn cứ địch. Tại Him Lam, cứ ta đào, địch lấp. Ngày địch ra lấp, đêm ta đào thêm. Địch bắn, ta cũng bắn. Phải nói là quân địch vẫn yên tâm lắm. Để nắm thêm tình hình địch, chiến sĩ trinh sát đã đi tóm một “cái

lưỡi” về. Đó là thiếu úy tù binh Giắc-cơ. Trung đội trưởng Lư tóm được hắn ngay ngoài chiến hào tranh chấp. Giắc-cơ vội vàng khai đủ mọi tình hình ta cần biết về Him Lam để khỏi bị chết. Hắn thành khẩn, nói thêm, có ý “khuyên” ta:

- Các ngài chớ nên đụng tới Him Lam. Đó là một pháo đài bất khả xâm phạm.

*

* *

Ngày mồng 10 tháng 3 năm 1954, Hồ Chủ tịch gửi thư động viên tới toàn thể cán bộ, chiến sĩ và dân công Điện Biên Phủ sắp bước vào chiến đấu.

Chiều ngày 11 tháng 3 năm 1954, các chiến sĩ xung kích đang chuẩn bị tròng chiến hào thì tờ báo Quân đội nhân dân mang tới cho mọi người lời ân cần thiết tha của Bác:

“Các chú sắp ra trận. Nhiệm vụ các chú lần này rất to lớn, khó khăn nhưng rất vinh quang... Bác tin chắc rằng các chú sẽ phát huy thắng lợi vừa qua, quyết tâm vượt mọi khó khăn gian khổ để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang sắp tới.

Bác chờ các chú báo cáo thành tích để thưởng những đơn vị và cá nhân xuất sắc nhất.

Chúc các chú thắng to.

Bác hôn các chú”.

Đồng thời, lệnh động viên mở cuộc đại tấn công “kiên quyết tiêu diệt toàn bộ quân địch tại Điện Biên Phủ” của Đại tướng Tổng tư lệnh cũng được công bố.

“... Giờ ra trận đã đến!

Tất cả các cán bộ và chiến sĩ, tất cả các đơn vị, tất cả các binh chủng hãy dũng cảm, tiến lên, thi đua lập công, giật lá cờ “QUYẾT CHIẾN QUYẾT THẮNG” của Hồ Chủ tịch...”.

Đáp lời Bác gọi, Bộ chỉ huy Mặt trận đã ra lệnh: “Phải quyết tâm đánh thắng trận đầu”.

Hoa ban đang nở trắng trên các sườn núi. Điện Biên Phủ đang bước sang ngày 13 tháng 3 năm 1954 – ngày nổ phát súng đầu tiên mở màn chiến dịch: Đợt tấn công thứ nhất.

2. ĐỢT TẤN CÔNG THỨ NHẤT

Bộ chỉ huy Mặt trận quyết định lần lượt nhổ những trung tâm đề kháng: Him Lam, Độc Lập, Bản Kéo ở phía bắc và đông bắc tập đoàn cứ điểm, án ngữ trên hai con đường từ Sơn La và Lai Châu tiến vào Điện Biên Phủ.

Giờ lập công đã đến!

Bước sang ngày 13-3-1954.

Giữa trưa, bất ngờ bọn địch cho xe tăng đánh vào trận địa xuất phát xung phong của ta ở Him Lam.

Bộ chỉ huy cho lệnh bắn hai mươi phát lựu pháo vào Him Lam để bảo vệ trận địa, đồng thời bắn vào sân bay và Mường Thanh để kiểm tra độ chính xác.

Đại đội lựu pháo 806 được nhận vinh dự đó.

- Bắn!

Bọn địch đóng trên hai bờ sông Nậm Rốm, nghe thấy những tiếng sấm rền từ rặng núi phía

đông bắc vọng lại. Chúng chưa kịp hiểu ra chuyện gì thì cụm cứ điểm Him Lam đã phụt lên những đám khói màu tro.

- Trúng rồi!

Tiếng reo của các chiến sĩ ta vang lên!

Chỉ có hai quả đầu tiên bắn thăm dò rơi hơi sâu vào phía trong, còn lại 18 quả đều trúng đích! Tên quan tư chỉ huy vị trí Him Lam và tên quan năm chỉ huy khu trung tâm bị pháo binh ta khai tử ngay từ phút đầu.

Tốp xe tăng của địch dừng lại trước trận địa xuất phát của ta, ngần ngừ, rồi chạy giạt lùi về Mường Thanh, bảo vệ cho bọn bộ binh tháo chạy trước làn đạn bắn đuổi của quân ta...

Tiếng súng làm nức lòng các chiến sĩ trẻ.

Nhưng, giờ tấn công chưa đến.

Lúc này, bầu trời Điện Biên Phủ bắt đầu buông làn sương mỏng. Tại các hào, hầm, các chiến sĩ xem lại súng, sửa lại áo quần và trang bị không biết đã tới lần thứ bao nhiêu. Cái phút thiêng liêng chờ đợi lâu nay, giờ sắp tới. Sắp tới giờ lập công, giờ phút trả thù cho các đồng chí đã hy sinh trên đường vào Điện Biên. Từ các chị dân công đến các anh công binh, bác sĩ, y tá... những

người đi chặng đường trước thời gian trước để có phút này đây!

Trước mặt các anh, “con nhím” của Na-va đã xù lông, hiện ra mọi vẻ kiêu căng và lão xược, mọi hành vi đê tiện và bỉ ổi của quân lính tầy. Chúng nó kiêu ngạo và ngang nhiên đến mức vẫn cứ mở tiệc tùng, mở sòng bạc, mở tiệm nháy nơi chúng chiếm đóng và giở hết trò thú vật với các cô gái bán thân khốn khổ, giở tội ác với những người dân, những cô gái Thái hiền lành chúng bắt được.

Giờ đền tội của lũ quỷ ấy sắp tới.

Tiểu đội trưởng Trần Can đưa mắt nhìn đồng đội. Lòng anh dâng lên một tình cảm triu mến lạ thường. Ở đây, không còn ai là người cùng tiểu đội với anh hồi đánh Bản Hoa trong chiến dịch Tây Bắc năm 1952 nữa. Lòng anh đau nhói. Lần ấy, cả tiểu đội thương vong, chỉ còn mình Can. Can là tân binh, tân binh cũng phải đánh thắng. Quay lại, thấy Thi và một cậu nữa ở tiểu đội bạn cũng đang lâm vào tình thế bối rối như mình. Can rủ hai cậu ấy gộp lại thành một tổ chiến đấu và anh tự động dẫn đầu cả tổ. Nhớ lại cách diệt một ổ súng của địch vừa diễn ra, anh dẫn toàn tổ dập luôn 3 ổ súng tiếp theo. Thừa thắng, Can, Thi... đánh thẳng vào sở chỉ huy, diệt bọn đầu não, tóm sống 22 tên, thu 17 súng...

Bây giờ, Thi đang là tiểu đội trưởng như anh. Thi đang ở kia. Còn anh, với các đồng chí cùng đi cùng đến trận địa này, có biết bao thương mến, có bao nhiêu nỗi khổ thời ấu thơ. Kỳ lạ, gần hết tiểu đội gần như có một tiểu sử ban đầu giống nhau. Nhà nghèo, bị địa chủ bóc lột; không là con nhà cố nông thì cũng bán nông, dù quê ở tận Nghệ An như Can, hay ở Thanh Hóa, Hải Dương, Thái Bình... cảnh ngộ cũng như nhau. Thì ra, bọn đế quốc, bọn phong kiến ở đâu cũng thế. Can có đứa em... anh khế thờ dài. Rồi bỗng phấn chấn hẳn lên khi nghe tiếng gầm của lựu pháo ta. Anh thầm reo: “Các đồng chí ơi! Giờ lập công sắp đến rồi! Phải trả thù cho nước, cho nhà, cho đồng đội, cho bỏ những ngày hành quân vất vả, những giấc ngủ đứng, ngủ ngồi, ngủ đi... Những ngày cơm vắt ngủ hầm, những bữa ăn dã chiến... chiếc hộp “Guy-gô” vạn năng, khi là hộp đựng đường, đựng cá; khi là ca đựng nước; khi là “xoong” nấu cơm, nấu canh; có khi còn là ấm pha chè, là “chảo” tráng trứng... và người bạn đồng hành, trong gian khổ vẫn vui.

Tiểu đoàn của anh nhận lệnh nhổ cái Him Lam này, thật vinh dự nhưng cũng quyết liệt. Phải đánh thắng chứ không được thua! Anh cùng tiểu đội hoàn thành nhiệm vụ sẽ là người cầm lá cờ “Quyết chiến quyết thắng” của Bác cắm ngay giữa sở chỉ huy địch.

Ở mũi xuất phát khác của trung đoàn, Tiểu đội trưởng Phan Đình Giót cũng đang phấn chấn

chờ lệnh phát hỏa để vọt lên đánh chiếm cứ điểm hai. Toàn trung đoàn đều biết, đại đoàn mình được giao nhiệm vụ nhổ cái trung tâm đề kháng Him Lam, làm nhiệm vụ đánh trận mở màn chiến dịch. Chỉ có đánh thắng. Đây là quyết tâm cao nhất của đơn vị, từ đồng chí chỉ huy đến từng chiến sĩ, từng cán bộ tiểu đội như anh, vẫn là tự vệ chiến đấu, xuất thân từ nông thôn Phan Đình Giót biết thế nào là nỗi khổ của người nghèo, tội ác của bọn chúa đất và niềm vui được đổi đời sau Cách mạng Tháng Tám. Từ là một chú bé đi ở, làm thuê lúc mới 13 tuổi, Giót trở thành anh bộ đội Cụ Hồ - là một đổi thay kỳ diệu, chỉ có Đảng ta mới làm được như thế. Bước sang tuổi quân thứ 4, anh đã tham gia 4 chiến dịch lớn: Trung du, Hòa Bình, Tây Bắc và giờ là Điện Biên Phủ...

Chiều hôm ấy, sương buông mỗi lúc một dày. Chiếc khăn tang sắp sửa phủ kín khu hầm chỉ huy của Đại tá Đờ Cát-tơ-ri để cầu hồn cho số phận của Him Lam.

Để đảm bảo đánh trúng mục tiêu, Bộ tư lệnh pháo binh đề nghị nổ súng sớm, tránh sương mù. Bộ chỉ huy Mặt trận điện hỏi Đại đoàn chủ công đánh Him Lam. Bộ binh đã sẵn sàng, chỉ chờ pháo bắn là tiến ra trận địa xuất phát. Bộ tư lệnh pháo binh lập tức nhận được lệnh của đồng chí Tổng tư lệnh:

- Cho nổ súng!

Lúc ấy là 17 giờ ngày 13 tháng 3 năm 1954.

Nhổ cùm Him Lam

Đứng chạng thế chân kiềng, Him Lam được bố trí thành 3 cứ điểm nằm trên năm quả đồi ở phía bắc đường 41, mỏm nọ cách mỏm kia từ 200 đến 300 mét, hình thành một thế tam giác, dựa vào nhau để chống đỡ khi bị tấn công. Cùng với hai trung tâm đề kháng nữa là cứ điểm đồi Độc Lập và Bản Kéo, Him Lam giữ nhiệm vụ chủ yếu ngăn chặn chủ lực ta từ Tuần Giáo theo đường 41 tiến vào đồng thời là một đài quan sát từ xa cho pháo ở Mường Thanh kết hợp với máy bay đánh trả đối phương một khi Him Lam hoặc vùng lân cận bị tấn công. Nằm trong tuyến cứ điểm vòng ngoài che chở cho phía bắc, tây bắc và đông bắc tập đoàn cứ điểm, Him Lam được trang bị hỏa lực khá mạnh. Binh lực chiếm đóng ở đây là tiểu đoàn dù lê dương thứ nhất thuộc bán lữ đoàn lê dương thứ 13, gồm 4 đại đội tinh nhuệ nhất, rất thạo về phòng ngự của địch. Trong cứ điểm có nhiều tầng chiến hào nối liền các lô cốt, ụ súng, hình thành những điểm tựa vòng tròn. Ngoài rất nhiều trung liên, đại liên địch còn có trọng liên, súng phun lửa, pháo không giật, ba-dô-ca, súng cối và những súng có kính ngắm ban đêm. Hai tiểu đoàn pháo 105,

155, một tiểu đoàn cối 120 sẵn sàng bảo vệ cho cứ điểm khi bị công kích.

Từ sớm, bầu trời Điện Biên Phủ đã âm âm tiếng máy bay. Chúng lao xuống trút bom vào những nơi nghi là quân ta đóng. Song, núi rừng vẫn im lặng như mọi ngày. Sau loạt pháo ta bắn bảo vệ trận địa, Điện Biên Phủ trở lại yên tĩnh. Tại Him Lam, mấy tên sĩ quan thập thò ở các cửa hầm, rồi đi lại xem xét những hố đạn còn lại trên cứ điểm. Chúng băn khoăn: Có thật đây là dấu vết những khẩu pháo hạng nặng của Việt Minh không?

Thì đây,

- Bắn!

Khói đen lập tức trùm lên cụm cứ điểm Him Lam. Lá cờ ba sắc của khu trung tâm đề kháng rơi xuống như chiếc lá rụng. Kho xăng địch bốc cháy. Năm chiếc máy bay chưa kịp cất cánh đã ăn đạn. Pháo binh và nhiều địa điểm khác trong khu trung tâm cũng bị bắn phá.

Đờ-cát mặt tái ngắt, ngồi chết đững trong căn hầm chỉ huy năm gian ở Mường Thanh.

Tên Đại tá Pi-rốt chỉ huy pháo binh lồng lên, bắt lực bên chiếc máy điện thoại trước những tiếng nổ dữ dội mà từ ngày sang Đông Dương đến nay chúng mới được nếm mùi.

Trong tiếng pháo nổ âm âm và tiếng rú của máy bay địch, các chiến sĩ xung kích mặc quần phục mới, súng bật lưỡi lê, rầm rập chạy dưới chiến hào, lao về phía địch.

“Bao chiến sĩ anh hùng...”

Tiếng hát đưa tiền đoàn quân của tổ văn công hỏa tuyến vang lên giục giã, hùng tráng hòa theo tiếng hô của các chiến sĩ:

- Quyết căm cờ của Bác lên sở chỉ huy địch ở Him Lam!

Tiểu đội trưởng Trần Can mang cờ “Quyết chiến quyết thắng” nhảy phắt lên mặt giao thông hào, hô lớn:

- Thi đua với tiểu đội bộc phá, mau căm cờ của Bác lên cứ điểm giặc!

Một chiến sĩ trẻ măng vừa chạy vừa ngoái đầu lại nói với các đồng chí văn công:

- Sớm mai tôi sẽ đem về cho các đồng chí một cái đàn.

Trên dòng sông Nậm Rốm phía tây nam cứ điểm xuất hiện một cái cầu. Các chiến sĩ chạy băng băng trên mặt nước, tóe tung bọt trắng. Bọn giặc kinh ngạc không hiểu bộ đội Việt Nam bằng cách nào đã làm cùng lúc cả cầu chìm cầu nổi. Làm sao mà những ông tướng Tây hiểu được!

Ngay từ đêm trước, các chiến sĩ công binh trẻ đã làm xong hai cái cầu đó, chiếc cầu nổi được tháo rời từng bộ phận, giấu kín trong đám lau lách dọc bờ sông. Khi lựu pháo ta bắt đầu bắn, các chiến sĩ công binh hiện ra lắp cầu. Quân giặc từ chỗ yên tâm về cái trung tâm đề kháng “bọc thép” đến sự thách thức đối phương đùng đùng một cách ngạo mạn, giờ thì hết từ kinh ngạc này đến ngạc nhiên khác.

Ba mũi quân ta tiến lên ba cứ điểm của Him Lam. Trung đội bộc phá của đơn vị phá một mạch hai trăm mét rào tại cứ điểm ba, mở một con đường như kẻ chỉ giữa bãi dây thép gai bát ngát, đón các chiến sĩ xung kích xông lên!

Lá cờ “Quyết chiến quyết thắng” trong tay Trần Can đã phấp phới tung bay trên cứ điểm Him Lam. Tiểu đội anh xuyên thẳng vào sở chỉ huy địch. Lô cốt địch đây rồi. Trần Can nhảy phắt lên nóc tung cờ ra. Lá cờ vẫy lên trong lửa đạn như làn sóng đỏ thổi giúi quân thù xuống đất. Sở chỉ huy giặc chúi dưới hầm cố thủ xi măng cốt sắt. Trần Can tung thủ pháo, áp đảo quân địch.

Từ trận địa pháo binh có tiếng reo lên:

- Cờ đỏ kia rồi!

- Điểm và diện gặp nhau rồi!

Điện thoại báo về Bộ chỉ huy:

- Đã bắt được tù binh!

Như vậy, chỉ sau mười phút, xung kích đã tràn vào cứ điểm 3. Sau hai mươi phút, cứ điểm 2 đã bị bộc phá làm cho rung chuyển.

Cờ “Quyết chiến quyết thắng” bay phấp phới trên cứ điểm 3. Tiểu đội Trần Can đã thực hiện được quyết tâm, diệt bọn địch trong hầm ngầm, bắt sống 25 tên, thu nhiều súng đạn.

Tại cứ điểm 2, trận địa hỏa lực của tiểu đoàn bất ngờ bị trúng đạn pháo địch, tê liệt hẳn. Tình huống trở nên khẩn cấp. Bộ binh phải tiến vào chỉ bằng hỏa lực của mình. Các chiến sĩ vẫn kiên quyết xông lên. Sau phút hoảng loạn, bọn địch lui về phía sau, bám vào công sự, chống cự điên cuồng.

Tiểu đội bộc phá đánh liên sáu quả. Các chiến sĩ đại đội 58 vẫn phải chờ. Quả thứ bảy chưa kịp nổ thì đồng chí mang bộc phá bị thương. Hàng rào cuối cùng của địch nằm chắn ngang trước mặt. Lập tức, Tiểu đội trưởng Phan Đình Giót đỡ lấy quả bộc phá của đồng chí bị thương, luồn qua làn đạn tìm cách đặt phá tiếp quãng thứ sáu này mở đường cho xung kích tràn vào. Đợi cho đạn địch chuyển làn, anh lừa bộc phá vào giật. Hàng rào thứ 6 của cứ điểm 2 trên Him Lam bị quét quang.

Đúng lúc đó, anh thấy một bên đùi bị tê dại đi. Thoáng nhìn xung kích ta ào lên đã vấp ngay phải đường đạn ác liệt của địch. Giót tiếp tục bò lên. Nhìn đồng đội bị thương vong, lòng anh sôi lên, nhìn thẳng hướng quân thù đánh tiếp hai quả bộc phá nữa, phá nốt hàng rào cuối cùng, dọn quang đường cho xung kích. Lô cốt đầu cầu lập tức bị đánh sập. Phan Đình Giót quên chân đau, vọt tới bám lô cốt số hai, bắn kiểm chế cho xung kích tiến vào. Chợt, một bên vai Giót đau nhói. Anh biết mình lại bị thương lần nữa. Có ai đó kêu lên:

- Anh Giót bị thương rồi!

Phan Đình Giót định trả lời anh vẫn chiến đấu được thì thấy mũi xung kích của ta bị chùn lại. Ở lô cốt số 3, đạn từ đó tuôn ra đỏ lừ kiểm soát suốt dọc cửa mở. Hai chiến sĩ ta trườn lên đặt khẩu trung liên, định dập tắt hỏa điểm đó thì một quả đạn pháo địch rơi xuống, cả hai đều bị thương. Máy chiến sĩ khác nhào tới thay thế, nhưng súng đã bị đất cát làm tắc. Xung kích không thể nào tiến lên được trước đường đạn nguy hiểm của địch. Một chiến sĩ vừa nhô lên, đã bị trúng đạn.

Lập tức, Phan Đình Giót rời lô cốt số hai. Anh nhích dần từng bước, từng tấc đất về hướng lô cốt số ba. Các chiến sĩ xung kích nhìn lên thấy có một bóng người đang bò tới phía họng súng địch đang

khạc lửa. Thế rồi, cánh tay anh vung lên, một tiếng nổ tiếp theo. Quả lựu đạn không đủ sức làm cho ổ súng câm họng. Mọi người lại thấy bóng người đó nhúc nhích. Màn đêm nhập nhoạng, bập bùng và rách vụn ra theo ánh lửa đạn. Xung kích không nhìn rõ mặt anh. Chỉ những ai ở tiểu đội của anh mới biết anh là ai. Anh bò rất chậm, vất vả. Mọi người đoán là anh đã bị thương. Anh bỗng nằm im. Có ai đó đau đớn kêu khe khẽ:

- Hồng rồi!

Không. Bóng người lại trườn tới và đã tới gần phía bên trái lỗ châu mai. Mọi người đoán rằng anh sẽ thả lựu đạn vào đó, diệt hỏa điểm địch. Ai nấy đều nín thở, đợi chờ. Anh vẫn bò tới, tới rất sát lỗ châu mai. Không thấy anh thả lựu đạn. Không thấy anh vung tay. Chưa ai đoán được ý định của anh. Chỉ có mình anh biết. Anh chỉ còn hai tay không? Không phải. Anh đã từ từ đưa khẩu súng, lựa thế, kê khẩu tiểu liên vào tận lỗ châu mai lia một băng. Hỏa lực địch thốt nghẹn lại. Xung kích vừa động dậy, chưa kịp nhồm chân thì nó lại khạc lửa.

Bên lỗ châu mai, anh chiến sĩ mà mọi người chưa nhìn rõ mặt vẫn động dậy. Anh nhồm lên, rồi khụy xuống một cách vất vả. Không thấy súng của anh nổ nữa, cũng không thấy anh làm

động tác thả lựu đạn. Mọi người đau đớn hiểu ra là anh chỉ còn hai bàn tay trắng với khẩu súng đã hết đạn. Hết cách rồi. Đạn địch vẫn phọt ra như dòng lửa.

Bỗng, mọi người thấy anh nhướn mình lên, vươn tay bám vào những thanh ngang phía trên lỗ châu mai, lật úp người lại, áp lồng ngực và cả toàn thân mình trước họng súng địch.

Hỏa điểm địch tắt phụt.

Không ai bảo ai, tất cả các chiến sĩ xung kích cùng bật dậy, ào lên, đập gí quân thù xuống gót, tiến vào cứ điểm ba.

Một chiến sĩ ở tiểu đội anh Giót lao tới chỗ anh chiến sĩ vừa lấy thân mình lấp lỗ châu mai, mở đường cho đồng đội chiến thắng quân thù. Vừa ngồi thụp xuống, anh chiến sĩ ấy đã kêu như thét lên:

- Anh Giót! Anh Giót ơi... ời!

Trước họng súng còn bốc khói của xung kích ta, những tên giặc còn sống sót ở cứ điểm hai chui ở dưới lỗ hầm lên, giơ thẳng hai tay. Chúng nó xin hàng!

Lúc đó là 22 giờ 15 phút.

Tiểu đoàn 428 đã hoàn thành nhiệm vụ.

Từ phía cứ điểm 2, xung kích và hỏa lực ta đang chi viện cho cứ điểm 1 còn gặp khó khăn.

Song, cả tiểu đoàn dự bị vừa vào cứ điểm ba và tiểu đoàn 428 đã làm chủ cứ điểm 2 đều không thể vượt qua địa hình phức tạp, nguy hiểm dày đặc bãi mìn, rất phức tạp để tiến sang cứ điểm 1.

Tại cứ điểm 1, quân ta gặp trở ngại lớn ngay từ phút đầu tiên. Đây là cứ điểm phòng ngự chủ yếu của trung tâm đề kháng Him Lam. Khi thấy chiếc cầu nổi xuất hiện, lập tức bọn địch đã tập trung hỏa lực pháo vào đây để chặn đường quân ta, với ý định cố kéo dài đến sáng để chờ viện binh từ Mường Thanh tới. Trung đội bộc phá đầu tiên lên, không mở được cửa. Thêm hai tiểu đội bộc phá nữa, vẫn chưa hết hàng rào. Mặt khác, thấy cứ điểm 2 và 3 bị uy hiếp, bọn địch cố giữ cứ điểm một. Thêm vào đó, khi chuẩn bị, đơn vị đánh cứ điểm một đã không nghiêm túc chấp hành mệnh lệnh đào chiến hào vào tận hàng rào, nên khi vấp phải hệ thống giao thông hào ngầm của địch, mới biết thì đã chậm. Sau đó, ban chỉ huy trung đoàn có biện pháp kịp thời sửa chữa thiếu sót, các cán bộ xuống tận nơi, ban chỉ huy đại đội ra tận chỗ nơi có hỏa điểm địch để diệt, nên đã thay đổi được tình thế.

Từ bên cứ điểm 2, có một hỏa lực từ hầm ngoài bí mật bắn chi viện cho cứ điểm một ta chưa biết. Đại đội trưởng Nọa liền điều một số pháo bắn thẳng, bí mật tiến gần hỏa điểm đó. Khi nó vừa

xuất hiện chặn đường xung kích ta thì pháo ta lên tiếng. Lập tức, họng súng địch câm bặt. Các chiến sĩ bộc phá nhanh chóng phá nốt số hàng rào còn lại. Đột nhiên, một hỏa điểm nữa hiện ra, các chiến sĩ bộc phá lại bị thương vong. Hàng rào cuối cùng còn lại như dăng ra, thách thức. Theo cách của Đại đội trưởng Nọa, Đại đội phó Hiệu bò lên sườn đồi, nấp kín một chỗ, bình tĩnh quan sát. Trong chốc lát, anh nhận ra dưới lớp hàng rào cuối cùng này có đoạn giao thông hào, dưới đáy một ổ trung liên của địch đang di động khi ẩn khi hiện. Đại đội phó Hiệu liền đợi cho chúng nhô ra, rồi đứng thẳng dậy, chĩa nòng súng quát thẳng xuống hào, diệt nghiêng cái ổ lửa này.

Lập tức tổ trưởng bộc phá Thuyết ôm bộc phá xông lên. Một viên đạn nóng cháy sượt qua bụng anh như xé ruột. Thuyết cúi gập người xuống, tiếp tục chạy, lao ống bộc phá xuống hàng rào dây thép, hoàn thành nhiệm vụ mở cửa...

- Xung phong!

Xung kích tràn lên. Trận đánh diễn ra rất nhanh.

Chỉ 15 phút sau, tiểu đoàn Phủ Thông báo cáo về Bộ tư lệnh Đại đoàn: Đã chiếm xong cứ điểm một.

Đồng chí Đại đoàn trưởng và đồng chí Chính ủy cùng nhìn đồng hồ: 23 giờ 30 phút. Thế là sau

390 phút tấn công, cụm hỏa lực trung tâm đề kháng của địch ở Him Lam bị nhổ trụi.

Đại đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ trước thời hạn quy định của Bộ Tổng tư lệnh nửa giờ.

Đờ-cát tính nhảm!

Con số 13 quả là xúi quẩy cho Đờ-cát thật.

Ngày 13-3-1954 với Đờ-cát đã chẳng lành ngay từ sáng sớm. Chiếc máy bay do thám bay trên bầu trời Điện Biên Phủ đã bị cao xạ Việt Minh bắn rơi. Tiếp theo là tin hai tên chỉ huy cùng các sĩ quan ở Him Lam toi mạng ngay trong loạt pháo đầu tiên của đối phương...

Và bây giờ...

Trận mưa pháo đổ xuống Him Lam của Việt Minh đã làm rối ruột viên đại tá. Y cố lắng nghe tiếng pháo trả lời của quân Pháp, của đại tá Pi-rốt chỉ huy pháo binh mà vẫn không thấy gì.

Đờ-cát nghe rõ tiếng tên trung tá chỉ huy Him Lam gào lên:

- Ở đâu bắn tới thế?
- Chúng ở... trên những đỉnh núi xung quanh!
- Làm cách nào cho chúng nó im đi chứ!

Đờ-cát ngao ngán đặt thích ống nghe. Bọn sĩ quan ở trong hầm chỉ huy vội đội vội mũ sắt lên đầu. Đại tá Đờ-cát hy vọng lắm ở Pi-rốt. Đây là một viên chỉ huy tâm cỡ. Ý cảm thấy lạnh lạnh ở lưng.

Thế là mất bóng nó Him Lam rồi!

Tờ mờ sáng ngày 14-3-1954, Mường Thanh nhận được bức thư của đối phương gửi đến:

“Gửi Đờ Cát-tơ-ri, chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp tạm thời chiếm đóng Điện Biên Phủ.

Được lệnh của cấp trên, tôi báo cho các người biết: Đúng 8 giờ sáng ngày mai, các người được phép đưa một trung đội không vũ khí, có ô-tô hồng thập tự, người đi đầu phải mang cờ trắng, đến Him Lam nhận những người bị thương về.

24 giờ ngày 13 tháng 3 năm 1954”

Đã thế, điện của Cô-nhi từ Hà Nội đánh lên lại giục Đờ-cát phải phản kích lấy lại Him Lam ngay. Đờ-cát khẩn thiết xin tiếp tế đạn pháo, vì đã bắn hết 6.000 viên trong số 25 ngàn viên hiện có rồi, đồng thời cho thêm quân.

Mãi đến trưa ngày 14-3-1954, máy bay mới thả đoàn dù ngụy của tiểu đoàn số 5 xuống.

Sắp hết ngày 14. Màn đêm buông xuống cùng nỗi lo pháp phủng của viên đại tá chỉ huy tập đoàn

cứ điểm. Đối phương vẫn im lặng. Kim giờ đã rời con số 1. Ngày 15-3-1954 đã sang. Hai giờ đúng. Bỗng y nghe tiếng pháo nổ dồn dập. Từ trung tâm đề kháng phía bắc, viên tiểu đoàn trưởng báo cáo về:

- Chúng đang bắn dữ dội xuống đầu chúng tôi!

- Hãy cố chịu đựng, pháo binh sẽ hành động ngay. Đoạn, Đờ-cát “a-lô” cho Pi-rốt:

- Chúng bắt đầu ở đồi Độc Lập rồi. Ông hãy sẵn sàng nhưng đừng bắn vội. Chờ chúng im tiếng pháo, ông sẽ bắn thật dữ dội vào các chiến hào mà ông đã biết.

Đờ-cát tính rằng: Như chiều hôm qua, y đã thấy đối phương xung phong lên ngay sau đợt pháo chuẩn bị.

Nhưng, đến hôm nay...

Ta vừa ngừng đợt bắn pháo, lập tức Pi-rốt cho giới đạn súng lớn vào những đầu hào của ta dồn dập, không tiếc đạn.

Hết loạt pháo, Đờ-cát hỏi Mác-cơ-nen ở bên đồi Độc Lập:

- Chúng còn phá hàng rào nữa không?

- Chưa thấy bọn chúng phá hàng rào.

Viên đại tá yên trí Việt Minh đã bị nghiền nát ở dưới hào. Đối phương đã bị chặn lại đúng lúc và thiệt hại đáng kể lắm!

Một giờ sau, Mác-cơ-nen báo cáo về:

- Đối phương đang giội pháo xuống đầu chúng tôi!

Đờ-cát bảo Pi-rốt:

- Ông hãy làm như ban nãy.

Pháo bắn xong, Đờ-cát hỏi Mác-cơ-nen:

- Bọn chúng phá hàng rào đến đâu rồi?

- Chưa thấy một bóng người nào ở hàng rào.

Khi Đờ-cát hiểu ra là hấn đã tiêu phí đạn một cách vô ích thì đã hơn một giờ trôi qua. Y hạ lệnh thôi, không bắn nữa, không mắc mưu đối phương nữa.

Sau này, khi bị bắt, Đờ-cát thú nhận: “Tôi luôn luôn bị bất ngờ vì sự thay đổi chiến thuật của các ngài”.

Cũng trong lúc đó, tên Đại úy Mác-cơ-nen chỉ huy cứ điểm rất rối ruột vì tên đại úy Các đến thay hấn cứ lằng nhằng chưa chịu nhận bàn giao. Vì, Mác-cơ-nen đã đến hạn được trở về Pháp. Hấn muốn chuồn khỏi đây cho nhanh, ra cho nhanh khỏi cái nơi nguy hiểm này. Song, Các lại mới đến, đang còn bỡ ngỡ với công việc thì...

Cả hai đành phải báo động, ra lệnh báo động để đối phó với cuộc tấn công của ta.

Mở cửa vào Mường Thanh:

- Hạ Đồi Độc Lập.

- Quét Quang Bản Kéo.

Đến lượt đồi Độc Lập.

Giờ khai tử cho cái cứ điểm này vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 14 tháng 3 năm 1954, ngay sau đêm bộ đội ta tiêu diệt Him Lam. Hai cánh quân của 2 trung đoàn Tam Đảo và Đông Hiếu tiến vào vị trí xuất phát.

Tin vui bắn rơi chiếc máy bay đầu tiên của địch trên bầu trời Điện Biên Phủ từ hồi sáng, vẫn còn nức lòng mọi người.

Tiểu đội trưởng bộc phá Nguyễn Văn Ty lật lật quả bộc phá trên tay, xem lại kíp nổ rồi nhìn về hướng đồn địch. Tiểu đội của anh sẽ lên tiếp sau khi tiểu đội bạn đánh đợt thứ hai. Anh nhớ lại thứ tự: Tiểu đội Tục, tiểu đội Cấp rồi đến lượt anh.

Ánh vàng rực rỡ của hàng chữ “quyết chiến quyết thắng” trên nền lụa đỏ tươi vẫn còn đang hiện ra trước mắt anh. Lời cổ vũ ra quân của đại đội trưởng đại đội chủ công Đào Đình Xung đã thôi thúc vô cùng:

- Các đồng chí thân mến! Giờ xuất kích sắp tới rồi! Hôm qua, đơn vị bạn đã anh dũng cầm lá cờ

quyết chiến quyết thắng trên đồi Him Lam! Hôm nay đến lượt chúng ta!

Hôm nay, đến lượt các anh lại đưa lá cờ đã từng thấm máu của bao cán bộ chiến sĩ thân yêu lên sở chỉ huy đồi Độc Lập.

Tổ bộc phá “bốn anh em họ Nguyễn” do Tiểu đội phó Tuệ dẫn đầu đã đứng lên đầu hàng quân. Những khuôn mặt trẻ măng ửng lên vì xúc động. Họ đứng sát bên nhau, đưa mắt động viên nhau. Trước giờ chiến đấu, trong lòng mỗi người đều trào lên tình đồng đội thấm thiết.

Thời gian chờ lệnh điểm hỏa hình như có kéo dài. Lòng họ bồn chồn và nôn nao. Trời đã tối từ lâu... Các chiến sĩ đoán ra là pháo của ta chưa về đầy đủ. Nhưng họ chưa được biết đây còn là ý định của Bộ chỉ huy đại đoàn. Quân ta thay đổi cách đánh. Từ trong khó khăn đã nảy sáng kiến làm đau đầu địch. Hàng nghìn phát đạn đại bác theo lệnh Đờ-cát đã bắn vào chỗ không người. Khói đạn địch từ cửa rừng lùa vào nồng nặc, say say. Lòng kiên trì đã giúp cho người chiến sĩ thực hiện tốt chủ trương “đánh chắc, tiến chắc” của chiến dịch.

Lựu pháo 105 của ta cứ từng đợt “cù” cho pháo địch và mấy ông quan chỉ huy Tây rối trí. Đến khi Đờ-cát và Pi-rốt ngờ ngợ một điều gì đấy, nghi

rằng đối phương không bị sút mẻ gì về những trận mưa đạn của quân Pháp giội chặn quanh đồi Độc Lập thì...

Tất cả các loại pháo lớn, pháo vừa của Việt Minh đã thét lên dữ dội. Dàn “nhạc” cầm thù quát tới tấp xuống đồi Độc Lập. Quân địch nằm tê liệt. Đại bác địch cũng im. Thời cơ đột phá thật tốt.

- Bộc phá!

Nguyễn Bá Tuệ bật dậy. Loáng một cái anh đã quay lại. Một khối lửa lớn bùng lên ngay sau lưng anh.

Nguyễn Đàm lên tiếp. “Ầm!”

Tuệ hướng dẫn Nhị lên theo. Anh hướng dẫn cho Nhị giật cháy nự xòe rồi cùng lao về.

- Viên đâu? Lên đi!

Pháo địch đã bắn trả và người tổ viên cuối cùng đã bị thương. Tuệ bảo Nhị xem cho Viên rồi ôm quả bộc phá lên, mở toang chặng rào thứ nhất của địch. Đấy cũng là lựu pháo cối địch liều thu ngắn cứ li để cản bước quân ta dưới chân đồi.

Tiểu đội trưởng Tục bị thương. Tuệ lên thay. Anh như cơn thoi lên lên xuống xuống chỉ huy cho nổ tất cả các quả bộc phá còn lại của tiểu đội.

- Tiến lên! Các đồng chí!

Tiếng Tuệ hô vang. Tiểu đội hai lên thay. Tuệ nghe có ai đó nói khê: “Báo cáo! Anh Cấp hy sinh”. Anh lặng người. Tiểu đội trưởng của các cậu ấy hy sinh rồi. Anh chạy ngay xuống, kéo tiểu đội của Cấp lên:

- Theo tôi! Tôi thay anh Cấp!

Bộc phá tiếp tục nổ.

Chiến sĩ Đàm không đợi Tiểu đội phó Tuệ bảo, đã bám sát Tuệ như hình với bóng. Anh đón hiểu mệnh lệnh của Tuệ bằng các động tác của tiểu đội phó lúc này đã là người chỉ huy cao nhất ở đây. Đàm phụ giúp đưa chiến sĩ bộc phá lên, quay về lượm bộc phá của chiến sĩ bị thương, đi tìm người bị lạc, đưa lên... Pháo địch vẫn giội xuống như mưa. Bộc phá vẫn nổ.

Đến lượt tiểu đội Ty, Ty vấp phải một người đang nằm phục ở sườn dốc, dùng xẻng dũi đất thành những bậc nhỏ, anh hỏi:

- Cậu làm cái gì thế? Ở tiểu đội nào?

Người đó ngửa khuôn mặt đen sì thuốc súng lên:

- Tuệ đây. Đào bậc cho anh em khỏi trơn!

Giọng Tuệ khản đặc. Ty xúc động:

- Cậu mệt rồi đấy. Năm anh em dón lên rồi quay lại. Để tớ thay ở trên này cho!

Nói xong, Ty dẫn tiểu đội vọt lên.

Đàm vừa quay lại thì đụng phải chính trị viên đại đội.

- Thế nào, tình hình trên ấy...

Đàm nhoẻn cười:

- Báo cáo! Vẫn đang đánh mạnh. Tổ tôi đã làm tròn lời hứa trước chi bộ... tôi đang đi vét bọc phá cho anh Tuệ, anh Ty...

Bỗng, đồng chí chính trị viên thấy Đàm lạng người đi. Anh đỡ lấy Đàm. Lúc bấy giờ, chính trị viên mới biết Đàm bị thương vào bụng từ trước, nhưng đã tự nhét ruột vào, buộc băng ra ngoài, tiếp tục chiến đấu.

Chính trị viên dùng tay áo lau khuôn mặt đầm nước mưa của Đàm, gọi tải thương tới và hô to:

- Trả thù cho đồng chí Đàm! Noi gương đồng chí Đàm!

Trên kia, Ty nhanh chóng chỉnh lại đường của mở. Anh tung hoành dẫn 11 chiến sĩ của mình hoàn thành nhiệm vụ một cách giòn giã.

Lô cốt địch đã hiện ra. Nhưng bọc phá đã hết. Ty quay lại. Tuệ vẫn ở cạnh anh. Cả hai lo lắng nhìn nhau. Trận địa lặng hắt đi một lúc lâu.

Ba mươi phút nặng nề trôi qua...

Ty dặn Tuệ cố bám đường mở, để anh quay lại lấy thêm bộc phá. Vừa lúc đó, trung đội trưởng Sắc đem ba quả bộc phá của anh em bị thương lên. Ty ôm cả ba quả chạy ngược trở lại cửa mở.

Một tiếng nổ như sét xé toang một quãng rào nữa! Anh em reo lên:

- Hoan hô anh Ty!

Ty đánh tiếp quả thứ hai thì nhận ra quả này đã mất kíp. Quay trở ra đổi ư? Không kịp nữa rồi. Mỗi giây trôi qua là một lần có thể bị thương vong, các đồng chí của anh đang nằm dưới đợt pháo điên cuồng của giặc. Chỉ còn cách giật nổ bằng lựu đạn. Nhưng rất nguy hiểm. Thoáng suy nghĩ, Ty quyết định: “Cho nó nổ ngay, dù mình tan xác cũng được. Miễn là mở xong hàng rào”. Đầu nghĩ, tay ấn quả lựu đạn vào ống thuốc nổ, Ty vùng dậy.

Nổ rồi! Ty cầm quả thứ ba, đánh tiếp theo cách ấy. Lại nổ! Nhìn lên, thấy vẫn còn tới 20m rào nữa. Ty nói với đại đội trưởng:

- Anh cho tôi về đón bộc phá của tiểu đoàn. Không chờ được nữa!

Lúc này trung đoàn có lệnh của chính trung đoàn trưởng đưa thêm bộc phá lên.

Đường hào chật chội, Ty nhảy băng lên miệng

hào chạy cho nhanh. Anh gặp đơn vị bộc phá mới, trong đó có Nhị ở tổ Tuệ cùng lên theo.

Ty dẫn chiến sĩ lên, đánh liên 6 quả thật danh. Giữa lúc đó, một hỏa lực của địch bật ra quét sát sườn đồi. Súng máy của quân ta bị bùn làm tắc hết, không còn gì để yểm hộ cho các chiến sĩ nữa. Ty nảy ra sáng kiến dùng lựu đạn yểm hộ. Anh đề nghị trung đội trưởng cho chuyển lựu đạn lên. Tuệ, Nhị mang lên một chùm. Ty nhặt một quả ném nổ tung ngay mép ụ súng. Ty với tay nhặt liên 5 quả nữa ném liên tiếp. Ổ đại liên của địch bị tắt ngay.

Hai phát bộc phá nữa nổ liên, hàng rào thép gai chỉ còn có 2m. Ty gọi to:

- Quả cuối cùng! Mau lên anh em ơi!

Bỗng một quả lựu đạn địch nổ tung ngay trước mặt Ty. Mặt anh rất bỏng. Đất cát nhét đầy mồm. Anh vẫn cố ngẩng lên, dùng tay vạch mắt quan sát và chỉ huy người thứ chín đặt nốt quả cuối cùng và giật...

Mở hàng rào sát chân lô cốt địch tung lên cùng lúc với thân hình Ty từ từ ngã xuống. Anh mơ màng nghe thấy những bước chân rầm rập chạy ngay bên cạnh mình và những tiếng xung phong rung lồng ngực lẫn trong tiếng nổ của pháo ta đấu nhau với pháo địch mở đường xông lên đồn...

Hướng bên kia đồi, lá cờ đỏ vương vết đạn đã tiến sâu vào cứ điểm. Lá cờ đã chuyển tay tới chiến sĩ thứ ba là Lập. Cán cờ còn ấm nóng bàn tay của các đồng chí Thiêm, Viên vừa mới bị thương. Tiểu đội trưởng Doãn vẫn nghe tiếng hô của Tiểu đội phó Các. Các đã bị thương đến lần thứ hai, nhưng anh vẫn giấu đồng đội. Làn pháo địch đã cắt đường liên hệ với đơn vị ở phía sau lưng. Doãn vẫy Lập đưa cờ tới thẳng sở chỉ huy địch. Họ vẫn còn lại có 7 người nhưng đã diệt thêm một ổ súng cối 120 nữa của địch. Sở chỉ huy của địch đây rồi! Doãn hỏi to:

- Nhiệm vụ của tiểu đội ta là thọc sâu tiêu diệt sở chỉ huy địch, bắt liên lạc với đơn vị bạn. Các đồng chí làm được không.

Các chiến sĩ trả lời:

- Làm được!

Lá cờ trong tay Lập quấy lên và chuyển sang tay người thứ 4. Họ chỉ còn có 6 người! Nhưng đã tóm được 30 tù binh. Để giấu lực lượng, Doãn cho bọn tù binh lui lại phía sau và tới tập giáng thủ pháo vào hầm chỉ huy của giặc. Thêm mấy đồng chí nữa bị thương đến lần thứ hai, thứ ba... Bọn địch thấy đối phương chỉ có ít người, chúng hè nhau xông ra, tiểu đội bị đẩy lùi ra ngoài, chúng hè nhau xông ra, tiểu đội bị đẩy lùi ra ngoài. Trước

tình thế đó, tiểu đội phó Các nhặt một ống bọc phá, đứng thẳng lên, lao tuột vào căn hầm địch. Tiếng nổ vừa dứt, Doãn hô “xung phong”, tất cả tràn vào, bắt sống tên chỉ huy và cả bọn.

Các đã bị thương đến lần thứ tư. Anh vẫn nhoài, lết quanh hầm nhặt vũ khí cho đồng đội, giữ căn hầm đợi cánh quân bạn và hậu quân tràn lên!

Tại nơi đây, hai cánh quân của Tam Đảo và Đông Triều đã gặp nhau sau đó 10 phút.

Các chiến sĩ trẻ ôm choàng lấy nhau. Mặt mũi họ lúc này nom già đi đến hàng chục tuổi vì râu ria, thuốc súng!

Đội Độc Lập bị thất thủ, có nghĩa là bên Bản Kéo chỉ còn chờ khoảnh khắc kéo cờ trắng.

Viên đại úy Clác-săm chỉ huy Bản Kéo lạnh toát người khi nhận được bức thư của đối phương “mời khéo” sang đội Độc Lập để nhận thương binh về và thêm lá thư khuyên hấn ra hàng. Hấn chỉ huy tiểu đoàn ngự lính Thái ở đây.

Tiếng loa địch vận của quân ta làm rã rời cả ý chí đánh nhau của bọn lính ngự.

Clác-săm lại tận mắt nhìn thấy cảnh tượng phản kích đối phương của một tiểu đoàn ở Mường Thanh kéo ra cùng 8 xe tăng đã phải... “quay mũi, tan tác tiến về...” Mường Thanh dưới chân đội Độc

Lập ra sao. Ông quan này liền xin Đờ-cát cho được mở cửa Bản Kéo để... rút lui! Tinh thần rút lui ấy càng lên cao khi Clác-săm nhìn rõ những chiếc xe hơi của Việt Minh lừng lững kéo những khẩu pháo đi giữa ban ngày ban mặt ngay trước mũi hấn. Hấn xin bắn chặn. Pháo của ta vừa bắn trả lại từ các hướng, hỗ trợ cho những xe pháo “ngự” những khẩu pháo ngay giữa cánh đồng!

Sáng 16 tháng 3 năm 1954, quân quan, lính tráng Thái ở Bản Kéo bỏ đồn... tháo lui!

Quân ta đã đón sẵn để tiếp nhận những toán quân đông đảo ra hàng. Trung tâm đề kháng Bản Kéo bị xóa tên.

Thế là cánh cửa phía bắc tập đoàn Điện Biên Phủ đã mở toang.

Đợt tấn công thứ nhất của chiến dịch lịch sử đã kết thúc giòn giã sau bốn ngày chiến đấu.

Trong trận này, đại đoàn Quân tiên phong có thêm một anh hùng quân đội trẻ tuổi nữa. Đó là Nguyễn Văn Ty. Năm đó, vừa mới 23 tuổi.

3. VÂY LẠI, CẮT CHÚNG NÓ RA MÀ ĐÁNH

Giữa đợt tấn công thứ nhất kết thúc giòn giã và đợt tấn công thứ hai của chiến dịch Điện Biên Phủ là 13 ngày thử thách căng thẳng đối với đôi bên ta và địch. Lần đầu tiên, kể từ ngày 19-12-1946, quân đội hai bên đối mặt với nhau với một lực lượng hùng hậu nhất, đông đảo nhất, mật độ vũ khí cao nhất và trong một thời gian dài, liên tục nhất. Cuộc đụng độ đã vượt lên cao hơn cả nghệ thuật chiến đấu bằng các loại vũ khí, các kiểu dàn trận. Ấy là sự đối chọi nhau căng thẳng về tinh thần và ý chí chiến đấu. Bên nào ý chí chiến đấu giảm và sa sút, nhất định bên ấy thua. Về phương diện này, quân đội nhân dân Việt Nam đã chứng minh tiếp tục sau đợt một hạ: Him Lam - Độc Lập - Bản Kéo bằng những gương chiến đấu, hy sinh của các chiến sĩ trẻ.

Đứng về mặt tâm lý học thuần túy, người ta có nhiều dẫn đề cho rằng: Tuổi trẻ là xốc nổi và thiếu kiên trì. Nhưng, người ta cũng lại phải công nhận bằng lý luận rằng: Tuổi trẻ có những lúc bùng nổ

làm nghiêng trời lệch đất. Tách rời ra làm đôi, thì cả hai luận cứ đều đúng. Song, nhập vào làm một và thêm: Tính lý tưởng của tuổi trẻ, thì mặt thứ nhất sẽ bị hạn chế tới mức tối đa và mặt thứ hai sẽ trở thành những điều kỳ diệu với một nội dung rõ rệt: Đây là lý tưởng cộng sản.

Đây là một cảnh bi đát diễn ra ở phía quân địch sau khi đôi Độc Lập thất thủ:

“...Sáng ngày 15 tháng 3 năm 1954, người lính cần vụ nghe trong hầm tên đại tá có tiếng nổ, chạy vào thì thấy Pi-rốt nằm sóng sượt, mặt, ngực với bàn tay độc nhất của hắn nát bét và nhầy nhựa máu. Pi-rốt đã tự kết thúc đời hắn bằng một quả lựu đạn, trả giá cho những lời lẽ khoác lác của hắn trước kia.

Đờ-cát muốn bịt kín chuyện này để khỏi ảnh hưởng đến tinh thần quân lính của y vốn đang rất lo sợ. Bọn cố đạo và thầy thuốc đào một cái hố ngay dưới chân giường của viên đại tá, vùi hắn xuống đó cùng ít vôi bột.

Mặc dầu chúng ta chẳng có nhiều pháo và lại phải tiết kiệm đạn dược, nhưng mấy tên sĩ quan sống sót ở các cứ điểm ngoại vi chạy về khu trung tâm, đều kháo là chúng đã bị “những trận mưa thép như ở Véc-đoong”. Bọn sĩ quan làm việc trong các gian hầm kiên cố ở sở chỉ huy của Đờ-cát không mấy lúc chịu bỏ chiếc mũ sắt sùm sụp trên đầu.

Những tên bị thương cố sống cố chết bám lấy chiếc máy bay tải thương từ Hà Nội vừa lén lút hạ cánh xuống Mường Thanh trong đêm tối.

Điện Biên Phủ không còn là thiên đường của chúng nữa rồi. Không riêng bọn bị thương mà ngay cả những tên còn lành lặn cũng muốn chuồn ngay khỏi đây. Một sĩ quan đến gặp Đờ-cát:

- Tôi đề nghị ngài cho tôi được trở về Hà Nội.

- Vì sao ông lại xin về Hà Nội?

Nghe chỉ huy trưởng hỏi, “ngài sĩ quan tức thời khóc rống lên:

- Thưa ngài... tôi muốn nhìn thấy vợ và các con tôi...".

Pi-rôt là ai?

Ông quan ấy là đại tá chỉ huy lực lượng pháo binh của quân Pháp ở Điện Biên Phủ.

Còn, đây là hình ảnh của các chiến sĩ trẻ Việt Nam:

Trong những ngày phải moi đá, đào đất làm hầm, hào giao thông để chia cắt quân địch, không chế sân bay, áp sát kẻ thù, cắt rời Hồng Cúm khỏi Mường Thanh, các chiến sĩ ta mặc dù rất nóng lòng chiến đấu, vẫn cứ vừa đào, vừa ngêu ngao:

“Đúng rồi, muốn đánh thì đào

Muốn thất cố địch, phải có nhiều hào vây quanh...”

Chiến sĩ Phạm Viết Nghi đã nghi đúng như thế và anh đã đào trận địa suốt 18 đêm liền, mỗi đêm đào từ 4 đến 6 mét chiến hào, một mình anh đào 18 hầm cá nhân.

Đêm đêm, các chiến sĩ cầm xẻng kiên trì dũi vào đất để khơi những đường xuyên thẳng về hướng đồn địch. Hàng vạn chiếc xẻng va vào đất đã tạo thành một thứ âm thanh ghê rợn đối với bọn lính Tây chúi trong đồn. Chúng cho máy bay bay lên trinh sát, chụp ảnh. Chúng bắn pháo để chặn. Chúng lừa quân ra để lấp. Nhưng vô hiệu. Từ đường hào trực, tỏa ra những nhánh như chân rết cứ vươn ra ôm dần, quện chặt lấy các cứ điểm địch. Đã thế, các chiến sĩ pháo binh lại còn tìm cách đưa pháo vào lọt hẳn cánh đồng, lấy sẵn mục tiêu là hầm Đờ-cát để nhả đạn cho trúng. Bọn địch hoảng sợ, đã phải thả cả xe tăng ra để dũi hào và yểm hộ cho quân của chúng xuống lấp hào. Kẻ địch buộc phải quần nhau với chiến sĩ ta trên từng tấc đất, từng mét chiến hào. Và, chúng đã vấp phải những đối thủ vừa làm cho chúng kiêng nể, vừa dữ dội, đáng sợ và huyền ảo như trong thần thoại.

Đức và Phương

Sáng sớm ngày 26 tháng 3 năm 1954, một tiểu đoàn dù vừa được thả tăng cường cho Đờ-cát, do thiếu tá Bi-gia chỉ huy liền lĩnh cùng 6 xe tăng

đánh nổng ra Pe-luông để đẩy lùi và tiêu diệt quân ta tại đó cùng hai địa điểm nữa: Hồng Léch và Cò My. Ban đầu, ngẫu nhiên chúng gặp may. Bộ đội ta thay phiên phòng ngự. Đơn vị cũ đã rút vào. Đơn vị mới tiến ra mới chỉ có một trung đội thuộc đại đội 229. Đó là trung đội 8. Hai trung đội nữa và các cán bộ đại đội còn đang chuẩn bị trận địa ở phía sau, chưa kịp lên.

Lợi dụng sương mù, 3 cánh quân địch từ ba phía tạo thành 3 mũi tiến công vào trung đội 8.

Dẫu bị bất ngờ, trung đội 8 vẫn ngoan cường hạ hàng loạt tên địch bằng trung liên và tiểu liên. Bi-gia điên cuồng cho xe tăng xông lên trước, gọi pháo chặn đường tiếp viện phía sau quân ta. Trung đội 8 lập tức lập thế trận vòng tròn ngay ngã ba một chiến hào. Từ ba mặt, địch đã tràn vào trận địa đại đội. Có mũi đã vào tận đại đội cao xạ phòng không của đại đoàn cạnh đó.

Y tá Phương nhìn các chiến sĩ bị thương nặng, bảo người chiến sĩ trẻ măng đứng bên cạnh:

- Đức này, cậu cố giữ vững trận địa cùng anh em, mình thử tìm đường đưa thương binh nặng về phía sau xem sao, kéo nó cắt nốt đường liên lạc cuối cùng thì khó ra.

Đức vừa bắn địch vừa gật đầu. Phương thận trọng bò về phía trận địa. Bùi Minh Đức ngẩng lên

quan sát rồi nói với hai thương binh nhẹ đang ngồi tựa vách hào:

- Cách anh lấp đạn, để sẵn súng và lựu đạn ra đấy cho tôi. Chúng ta nhất định giữ vững trận địa.

Như một người đang làm trò ảo thuật, Đức vụt hiện ra ở quăng hào này, lia một băng, ném một quả lựu đạn rồi chạy vào, vớ lấy súng, lựu đạn khác, bỏ khâu cũ xuống, chạy sang đoạn hào khác, nhô lên quét gục một toán lính dù. Bọn địch nhón nhác không hiểu ở góc này có bao nhiêu tay súng Việt Minh? Chúng làm sao biết được rằng ở đây, nơi có người tặng đạn cho chúng rất hào phóng và chính xác, lại chỉ là một chiến sĩ trẻ. Đúng hơn, là một thiếu sinh quân của trường thiếu sinh quân, anh mới 17 tuổi, và đây là trận thử lửa đầu tiên của Đức. Bọn lính dù kia làm sao biết được Đức đang chiến đấu bằng sức lực và trí tuệ của 2 người, cho anh và cho cả cha anh, một quân nhân đã trở thành liệt sĩ. Đức vừa học hết cấp II, năng nặc xin về đơn vị chiến đấu trả thù cho cha. Đức tự nhủ: khi ra trận, noi theo các đồng chí đảng viên chiến đấu rèn luyện trở thành người đảng viên. Đức đã hứa với chi bộ và anh đang chiến đấu với một tinh thần như thế.

Khi Đức và mấy đồng chí thương binh đẩy lùi thêm một đợt tấn công nữa của địch thì Nguyễn Hoàng Phương quay trở lại. Anh giữ chắc chiếc túi

cứu thương định chạy tới báo cho Đức biết lính dù đã chiếm một đoạn hào dài ở phía sau thì một chiếc xe tăng kéo theo một đợt lính dù mới ào tới. Con quái vật vừa phả hơi khét lẹt vừa chĩa súng bắn vào ụ đất nơi Đức và Phương đang đặt súng. Hai người nhìn nhau. Họ không còn một quả thủ pháo nào. Chiếc xe tăng nhào qua chiến hào. Đức nhận ra những bộ quần áo loang lổ lúp súp chạy theo sau. Anh hét lên:

- Anh Phương! Diệt bọn bộ binh!

Phương nhún người lia một băng tiểu liên, quật ngã ngót chục tên lính dù. Cùng lúc đó, một tràng súng máy từ phía ngoài ruộng lia tới. Phương thông tay, ngã dựa vào vách hào kêu lên:

- Đức, mình bị cả hai tay rồi!

Đức vội trả lời, mắt vẫn dán vào lỗ giắc ở phía trước:

- Anh vào hầm ếch ngay đi. Còn tôi đây, chúng nó không vào được đâu!

Hai bàn tay Đức cũng đã rộp lên vì nòng súng nóng. Anh nhổ nước bọt vào lòng bàn tay cho mát, rồi cầm lấy súng vừa chuyển chỗ vừa bắn tĩa từng phát một. Tên lính dù nào nhô ra là tên ấy ngã.

Phương vừa khâm phục vừa lo lắng nhìn Đức chiến đấu. Giờ đây, đôi tay của anh đành bất lực

không thể băng bó cho đồng đội được nữa. Người đảng viên ấy đã hoàn thành nhiệm vụ cứu thương trong bất cứ trận đánh nào, tình huống nào của đơn vị. Máu ra nhiều, Phương mệt lả. Bỗng, anh nghe tiếng Đức gọi giật giọng:

- Anh Phương ơi!

Phương cố trả lời:

- Đây! Đức ơi! Không sao cả chứ?

Tiếng Đức gấp gáp:

- Không! Không sao! Anh lại đây với tôi. Cố lại đây, chịu đau một tí.

Phương cố bước ra ngoài với Đức. Đức cũng đang quờ quạng thì va phải Phương. Phương kêu lên:

- Trời ơi! Đức!

Mặt Đức đầy máu, hai mắt nhắm nghiền, mặt ngửa lên. Đức tìm tay Phương:

- Im. Đừng lộ mục tiêu. Chúng nó sắp xung phong đấy. Anh còn mắt, anh quan sát, chỉ mục tiêu cho tôi. Tôi còn tay, tôi bắn.

- Đức...

Phương ghen ngào. Đức cho anh biết vừa rồi, anh đang bắn, chỉ nghe “set” một cái, thế là tối tăm mặt mũi lại, máu chảy ướt cả cằm.

Hai người đứng dựa vào nhau. Phương vừa nhìn về phía quân địch vừa nói khẽ tình huống cho Đức biết. Đức vừa nghe vừa rê rê mũi súng trên tay.

Từ phía trước, bọn lính dù bắn ĐKZ sau khi đã phụt tới quả thứ 4 mới dập tắt được đường đạn của đối phương bắn ra từ một đoạn chiến hào, giờ thấy im, chúng đoán rằng đối phương đã bị tiêu diệt hẳn, liền ngừng lại cho bộ binh xông lên, không cần đề phòng gì nữa. Phương quên hết đau đớn, giần giọng:

- Mục tiêu... quân địch... 50 mét... trước mặt!

Đức bình tĩnh tỳ hắc báng tiểu liên vào vai, lia một vệt đạn gọn. Bị bất ngờ. Tốp quân thù rú lên. Chỉ trong chớp mắt gần một tiểu đội địch ngã gục.

Phương sung sướng hét lên:

- Đức ơi! Bắn quét đi! Bắn.

Vai Đức rung lên. Tiếng súng nổ giòn giã...

Khi tiểu đoàn 322 và toàn trung đoàn 8 tổ chức xong lực lượng tiến ra để đẩy lùi quân địch ra ngoài, đồng chí phân đội trưởng ngạc nhiên thấy khu vực tưởng đã bị quân địch chiếm rồi, vẫn nghe tiếng súng nổ. Tới lúc đã quét sạch quân địch ra khỏi trận địa, anh nháy qua những xác lính dù nằm ngổn ngang trên, dưới chiến hào, đến chỗ hồi nãy có tiếng nổ, thì thấy một chiến sĩ bị thương cả

hai mắt và một chiến sĩ bị gãy cả hai tay đang dựa vào nhau mà chiến đấu. Đồng chí chỉ huy nghen ngào, nhảy choàng xuống, ôm lấy hai chiến sĩ thì vừa lúc Nguyễn Hoàng Phương tách khỏi người Bùi Minh Đức dựa vào vách hào thở hơi cuối cùng. Trong đợt chiến đấu kỳ lạ vừa rồi, anh đã bị thêm một vết thương nữa vào đầu...

*

* *

Mọi cố gắng của địch nhằm giữ cho Hồng Cúm khỏi bị cắt rời ra khỏi tập đoàn cứ điểm đều vô ích.

Từ ngày 25-3-1954, con đường 41 nối liền Hồng Cúm với Mường Thanh đã bị chiến hào của ta cắt ngang. Quân địch mấy lần từ Hồng Cúm nống ra, Mường Thanh nống xuống, vẫn cứ bị đẩy lùi.

Ngày 29-3, Đờ-cát cho giới trận mưa pháo vào trận địa ta một lần nữa, đoạn cho 3 xe tăng và một tiểu đoàn từ Hồng Cúm đánh ra cố phá vòng vây. Chúng đã phải để lại gần một trăm tên bị chết, vừa bị thương và bị bắt.

Thế là chỉ trong 10 ngày chuẩn bị tích cực cho đợt tấn công thứ hai, quân ta đã đào được hơn 100 ki-lô-mét hào giao thông, trong đó có đường trục bao quanh Mường Thanh và rất nhiều chiến hào nối liền trận địa xuất phát xung phong giữa trung đoàn này với trung đoàn khác.

Công việc đào hào, thực chất cũng là chiến đấu và cũng phải hy sinh. Càng khiếp sợ những đường hào lợi hại như sợi dây thông lòng thắt vào cổ chúng bao nhiêu, chúng càng tìm cách ngăn chặn ta bấy nhiêu.

Dưới chân đồi E đến tận đêm trước ngày nổ súng đợt tấn công thứ hai, một tổ đào hào đã phải tay xẻng, tay lựu đạn diệt hỏa điểm địch mà đào.

Tổ Vĩnh, Đức, Kiên đang moi đất dũi sát vào gần hàng rào dây thép gai, thì một loạt đạn không rõ từ góc nào ở phía trên bắn xuống. Kiên là người, buông xẻng. Tổ trưởng Vĩnh ôm Kiên vào lòng, lần tìm vết thương của bạn, thì Kiên đã lạnh dần. Anh ứa nước mắt, cùng Đức đề nghị tiểu đội trưởng cho lên dập tắt hỏa điểm địch. Nhưng, bằng cách nào? Tiểu đội trưởng Thạch nghĩ lung lắm. Còn cái hỏa điểm ấy, anh em phía sau đào lên, còn bị thương vong. Vĩnh đề xuất: Cả hai người bỏ quần áo, trát bùn toàn thân cho lẫn vào với đất rồi bò tới gần ụ súng địch mà đánh. Sau khi đã tìm thấy nơi họng súng địch khắc lửa, hai người nhích từng phân từng tấc đất một, trườn lên. Tiểu đội trưởng Thạch căng mắt ra theo dõi. Kia rồi! Cả hai cái bóng cùng nhướn lên, quăng liên năm quả lựu đạn vào lỗ châu mai. Ụ súng địch câm họng.

Cả hai chiến sĩ cùng quay xuống, lòng vẫn nặng cảm hờn. Ngay lúc đó, chính ủy trung đoàn tới, nắm chặt tay từng chiến sĩ:

- Các đồng chí rất anh dũng.

Na-va cáu, Cô-nhi chuồn...

Chưa đầy bốn ngày, mất luôn 3 cứ điểm, khu trung tâm bị phơi ra như cái túi hứng đạn, chỉ huy pháo binh tự tử, quân lính hoang mang, những tên bị thương cố sống cố chết bám lấy chiếc máy bay tải thương lén lút hạ cánh xuống Mường Thanh trong đêm tối...

Sắp đến lượt Hồng Cúm.

Đờ-cát điện cho Cô-nhi: Quân đồn trú có thể bị đánh tan. Khi trường hợp đó xảy ra y sẽ ra lệnh cho Hồng Cúm tự tổ chức lấy việc tháo chạy.

Thấy gã phóng viên trẻ Đa-ni-en Ca-muýt đến sở chỉ huy chụp ảnh, Đờ-cát lắc đầu:

- Anh đã rơi đúng vào chồn này... Hồngбет rồi!

Đa-ni-en Ca-muýt nhìn Đờ-cát, kinh ngạc.

Những bức điện kinh hoàng tới tấp bay về Hà Nội. Cô-nhi chuyển những hàng chữ tối khẩn ấy tới trước mặt Na-va. Viên đại tướng ngồi trong

phòng làm việc của cơ quan tham mưu, tâm trạng ủ ê. Y đã nhìn thấy rõ tình hình nghiêm trọng của tập đoàn cứ điểm sau khi mất các trung tâm đề kháng vòng ngoài của nó ở phía Bắc, Đông Bắc và Tây Bắc. Y biết từ nay pháo binh và pháo cao xạ của đối phương sẽ cứ thẳng đường mà tiến sát vào khu trung tâm. Những cuộc phản kích của Đờ-cát nhằm chiếm lại những nơi đã mất đều vô hiệu. Cái sân bay nằm trong lòng chảo kia, rồi sẽ bị bóp chết, sau đó là toàn bộ tập đoàn cứ điểm đi đời!

Làm gì bây giờ?

Cách đánh đấm của Đờ-cát khiến cho Na-va bực. Cái cung cách của Cô-nhi và những bản báo cáo này làm ông đại tướng phát cáu. Y không tiếc lời xỉ vả chỉ huy không quân Lô-danh trong thư gửi cho tên này: “Tôi xin ngài làm cho cán bộ tham mưu và những đơn vị mặt đất đặt dưới quyền ngài thấu suốt tinh thần phải làm các nhiệm vụ với tinh thần ưu tiên trên hết, mặc dù khó khăn mệt nhọc. Và làm cho họ cũng phải biết những khó khăn như các bạn chiến đấu bộ binh của họ đã đánh trận không nghỉ hàng tháng nay rồi”.

Khi tên đại tá tình báo Phơ-lơ-răng phụ trách đến báo cáo tình hình, Na-va cho luôn một gáo nước lạnh:

- Đừng có ảo tưởng nữa! Hồng rồi!

Từ miêng Pi-rốt, đến Đờ-cát... hai tiếng “Hồng rồi” bay về Hà Nội và được nhắc đi nhắc lại như câu nói gở. Rồi, hai tiếng ấy cũng về tới cả Pa-ri.

Lô-danh đã hiểu mỗi khẩu pháo của Việt Minh ở phía bắc sân bay là một lưỡi gươm kể vào cổ từng chiếc phi cơ lên xuống lòng chảo Mường Thanh. Y ra lệnh cho một phi đội khu trục và phóng pháo phải tìm mọi cách tiêu diệt bằng được những khẩu pháo ấy.

Ngày 16 tháng 3, bom địch giội nát cánh đồng quanh các trận địa pháo cao xạ của ta. Nhưng, các chiến sĩ cao xạ trẻ vẫn ngồi vững trên mâm pháo giữa trời đánh trả máy bay địch. Có đại đội đã bắn rơi đến chiếc máy bay thứ ba.

Sáng ngày 17, ngay từ sớm, các khẩu đội cao xạ của đại đội 827 đã sẵn sàng trên cánh đồng Mường Thanh. Các chiến sĩ nhìn cảnh sắc núi rừng Tây Bắc với vẻ bình tĩnh lạ thường. Nòng pháo của các anh vẫn vươn thẳng lên trời trong tư thế hùng dũng nhất. Mọi người đều biết và chấp nhận cuộc chiến đấu sắp tới sẽ gay go, quyết liệt hơn.

Ba chiếc “pháo đài bay” B.24 lừ lừ hiện ra trên không trung như một con quái vật. Đây là loại phi cơ hạng nặng của Mỹ lần đầu tiên xuất hiện trên chiến trường Đông Dương. Chúng bay rất cao và rõ

ràng có ý định vượt ra ngoài tầm súng của ta. Tiếng động cơ gầm gừ như đe dọa ở góc trời phía Nam. Đồng thời, cũng từ phía ấy một bọn B.26 đã xuất hiện theo tiếng bom của tốp B.24 ném xuống. Một đường cày lửa xéo lên trận địa của ta.

Trận địa của các chiến sĩ cao xạ chìm trong khói bom và rung lên như con thuyền bị sóng dồi...

Đồ chừng các khẩu pháo nguy hiểm của quân đội Việt Nam chưa thể ngóc đầu lên được, một bầy khu trục Hen-cát từng tốp hai chiếc bất thần ló ra, nhào xuống cắt bom thẳng vào trận địa pháo đối phương. Đồng thời, hai chiếc khác từ phía ngược chiều cũng bổ nhào xuống làm động tác như hai chiếc vừa rồi. Bọn phi công đã phải liều lĩnh dùng tới cách đánh mà trong giới không quân người ta không khuyến khích để tiêu diệt bằng được đối phương trong địa thế núi non hiểm trở, mục tiêu lại nằm trong địa bàn hẹp.

Nhưng... cao xạ pháo của quân ta đã lên tiếng. Và đấy chỉ là đường đạn của một đại đội pháo mà thôi. Họ phải đương đầu với cả một đàn máy bay nhưng nhúc như bầy ong độc. Cuộc chiến đấu lợi thế nghiêng hẳn về phía quân thù vẫn không làm cho các chiến sĩ cao xạ trẻ nao núng. Đại đội trưởng và đại đội phó chỉ huy rất dũng cảm và quyết liệt. Song, các anh đều đã bị

thương. Hai khẩu đội còn lại bỗng đứng im bất. Trung đội trưởng Lê Hồng Thịnh nhìn lại thấy trên mâm pháo của cả hai khẩu đội đều thiếu người. Anh băng qua hố bom chạy tới:

- Các đồng chí đảng viên, cán bộ và những chiến sĩ cảm tình của Đảng hãy dẫn đầu anh em về ngay vị trí chiến đấu.

Từ trong những căn hầm quanh đó, mọi người chạy ra, tới mâm pháo, đứng đủ vào các vị trí. Thịnh thấy ngay các đồng chí đó đứng không đúng vị trí của mình, vì các pháo thủ chính đều bị thương. Các bộ phận cự li, tốc độ, máy ngắm của các khẩu pháo đều bị hỏng. Mọi người phải tạm tránh vào hầm là như vậy. Thịnh nhanh chóng điều chỉnh lại pháo và hồ:

- Chuẩn bị tiếp tục chiến đấu!

Mọi người làm theo anh. Có ai đó đội lên đầu Thịnh chiếc mũ sắt.

Yên trí là pháo của đối phương đã bị tê liệt, một chiếc Hen-cát hung hăng lượn một vòng rồi nhao xuống định kết liễu hẳn đối phương.

- Bắn!

Pháo của ta vẫn nổ. Các xạ thủ đã ngắm qua nòng mà quật trả lại quân thù! Đội ngũ chiến đấu chấp nối đã thống nhất theo sự chỉ huy của Thịnh

- người chỉ huy cao nhất trên trận địa lúc này. Đó là đồng chí chỉ ủy viên của Đảng. Chỉ bộ - cả chỉ bộ vẫn đang lãnh đạo mọi người chiến đấu.

Chiếc máy bay hốt hoảng trước chùm đạn sáng rực, vội lạng đi, thả bom xuống cách xa trận địa của ta hàng trăm mét.

Từng đợt, từng đợt một, hai khẩu đội ta ngoan cường phóng đạn vào lũ quỷ có cánh. Liên tiếp như thế đến một giờ sau, lũ máy bay giặc phải bỏ chạy theo hướng chúng đã bay đến.

Trong đàn máy bay “chào từ biệt” Điện Biên Phủ hôm ấy, có một chiếc cứ lượn lơ tít trên cao, ngập ngừng, rồi mất biến. Đây chính là chiếc Đa-cô-ta chở tướng Cô-nhi lên, định đáp xuống Mường Thanh để cùng Đờ-cát bàn cách đối phó. Nhưng, các luồng đạn từ cánh đồng bị bom cày xới đã bắn lên tới tấp, tên phi công không dám hạ thấp độ cao. Hơn nữa, khi dòm xuống sân bay, Cô-nhi thấy những chấm khói trắng của pháo đối phương giọt vào, nổ ra tựa những bông hoa chết đang tặng cho sân bay một cái án tử hình. Cô-nhi ra lệnh bay trở về. Từ đó, không một lần nào y nghĩ tới chuyện đáp máy bay xuống Điện Biên Phủ nữa.

Cô-nhi đánh bài chuẩn, là phải.

4. ĐỢT TẤN CÔNG THỨ HAI

Cho đến thời điểm này và những ngày này, các vị quan tướng Pháp từ Na-va đến Đờ-cát, không ai nhắc lại chuyện “bẫy” Việt Minh và đàn “nhím thép xù lông” nữa.

Mũi tên đỏ trên tấm bản đồ tác chiến của Bộ chỉ huy chiến dịch đã hạ xuống các điểm cao phòng ngự phía đông của phân khu trung tâm Điện Biên Phủ.

17 giờ 30 ngày 30 tháng 3 năm 1954 pháo của ta bất thần giội xuống Sở chỉ huy của Đờ-cát và các điểm cao C1, D1, E1, các khu vực pháo và khu vực quân cơ động của địch.

- 18 giờ, đại đội 38 đánh xong điểm cao C1.
- Sau 90 phút, tiểu đoàn 16 và 426 tiêu diệt gọn ghê đồi E.
- Sau 2 giờ, các tiểu đoàn 166 và 154 hoàn toàn làm chủ điểm cao D1.

Quân địch phải bỏ chạy ở 2 vị trí khác nữa.

Ở đồi A1 trận đánh diễn ra thật khốc liệt.

Một mũi thọc sâu của tiểu đoàn Phủ Thông do Đại đội trưởng Nọa chỉ huy chọc thẳng vào tiểu đoàn dù nguy thứ 5 khiến cho chúng chạy tán loạn.

Trong những ngày này xuất hiện những cánh chim ưng tuyệt vời!

Chim ưng! Chim ưng!

Đại đội 243 của đồng chí Nọa sau khi đại náo tiểu đoàn dù nguy thứ 5, liền chia làm 2 mũi tiến sâu hơn nữa vào khu pháo địch và vào tiểu đoàn dù thuộc địa thứ nhất. Nọa dẫn quân vào khu pháo. Dù lực lượng không nhiều, nhưng họ tung hoành giữa bốn bên là địch, hỗ trợ cho các đơn vị chiến thắng trên các cao điểm. Họ cần phải đánh mạnh, thật mạnh.

Các chiến sĩ băng tới khu pháo. Sau những tiếng bộc phá quét hàng rào dây thép gai, họ cắm lưỡi lê, băng qua hào sâu, hào rộng xông vào những khẩu pháo đen sì núp trong công sự toan tiếp tục nhả đạn về phía đồng đội của họ đang chiến đấu. Bọn pháo thủ giặc hoảng hốt, bỏ súng chạy lấy thân. Đại đội trưởng Nọa cứ tiếc mãi là mình không biết sử

dụng loại súng này. Nếu biết anh đã bắn bằng hết cái kho đạn này vào đầu quân giặc.

Phát triển thắng lợi, cần phải làm náo động, rối loạn quân địch hơn nữa. Thế là phía bắc khu Đông của địch bị đánh cả trong lẫn ngoài. Tại các cứ điểm ấy, chúng nó hết trông chờ vào sự chi viện của pháo.

Các mũi liên phát triển về phía tây nam. Nghe tiếng súng, họ biết các đơn vị thọc sâu của bạn không lọt được vào trong. Mặc dù lực lượng mỗi lúc một ít hơn, đại đội 243 vẫn không dừng lại. Chân rớm máu, áo quần rách tơi tả, các dũng sĩ trở lại giương lê đuổi theo tiểu đoàn dù thứ 6 của địch rút chạy. Chợt một dải trắng bạc hiện ra nuốt lấy từng đám quân dù chạy thốc tới. Trời sáng dần. Thì ra, sông Nậm Rốm đây rồi! Bọn địch lao thực mạng xuống sông. Đại đội của Nọ đã chiến đấu vượt gấp đôi mức yêu cầu: Vào khu pháo, xuyên qua tiểu đoàn dù nguy thứ 5 xong, lại đánh vào tiểu đoàn dù thuộc địa số 1, vượt qua tiểu đoàn dù thứ 6 và đứng trước sông Nậm Rốm! Không thể quay trở lại điểm xuất phát giữa ban ngày được rồi. Anh cho đơn vị dừng lại. Chỉ còn hai chục người. Tiểu liên hết đạn. Trung liên còn mười băng. Súng trường mỗi khẩu quăng 20 viên. Thế mà quân địch lại dày đặc cả phía trước lẫn phía sau.

Chi bộ còn 4 đảng viên, họp ngay tại trận và quyết định trụ lại. Giặc tới thì đánh. Đợi trời tối mới về. Đại đội trưởng dùng máy điện thanh báo cáo về tiểu đoàn. Đề nghị đó được chấp nhận. Các đảng viên đến từng chiến sĩ phổ biến nghị quyết của chi bộ. Trong tay không xẻng, không cuốc, không dao, họ dùng bàn tay moi đất, lợi dụng bờ ruộng làm công sự.

Hai chiếc xe tăng của địch xông tới.

Vòng vây địch mỗi lúc một siết chặt.

Các chiến sĩ dựa lưng vào nhau chờ địch tới. Không một ai tỏ ra lúng túng, sợ hãi. Mỗi viên đạn còn lại là một quân thù. Ý chí chiến đấu, tính kỷ luật, tinh thần đoàn kết và lòng căm thù giặc đã nhân sức mạnh của hai mươi chiến sĩ lên gấp bội. Từ chỗ hung hăng, sẵn sàng tưởng nuốt tươi được một nhóm đối phương, bọn địch bỗng dâm chồn từ tiếng súng đĩnh đạc, bắn dẫu trúng đó, nét mặt bình thản đến sắc lạnh của các chiến sĩ ta. Họ đẩy lùi 5 đợt tấn công của địch thì hết đạn.

Đại đội trưởng Nọa báo cáo về tiểu đoàn:

- Báo cáo... lực lượng chúng tôi còn... đạn hết... địch đang xông tới... chúng tôi kiên quyết...

Một tiếng nổ dữ dội tiếp theo.

Lúc đó là 10 giờ sáng ngày 31-3.

Chính trị viên tiểu đoàn gọi khẩn thiết:

- Chim ưng! Chim ưng!....

Không có tiếng trả lời. Có lẽ nào họ đã hy sinh hết rồi ư? Không! Súng của họ vẫn còn lười lè.

Mãi nửa đêm hôm ấy, đàn chim ưng tung hoành thỏa sức giữa bầu trời mới sải cánh bay về...

Đúng là Mùi đây!

Thế giằng co giữa ta và địch diễn ra vô cùng căng thẳng trên đồi A1.

Địch đã mấy lần đổ thêm quân.

Ta cũng thay đơn vị mới lên chiến đấu.

Nhưng dù sao, đây cũng còn là những tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn...

Cả địch và cả ta, trong lúc ấy nhiều người không biết một đơn vị ở góc đông bắc cứ điểm, sang đến ngày chiến đấu thứ 3, chỉ còn một chiến sĩ. Đó là Chu Văn Mùi.

Tổ diện thanh của Mùi gồm có Mùi và Đức theo tiểu đoàn 18 vào tận góc cứ điểm này. Sau nhiều đợt tranh chấp ác liệt, tổ của anh và một số thương binh bị kẹt lại ở đây. Anh đã cùng đồng chí

phụ máy vừa giữ liên lạc với đại đoàn vừa dùng súng, lựu đạn đánh trả giặc, bảo vệ thương binh.

Khi trận đánh diễn ra gay gắt, trung đoàn Thủ đô tại trận đánh A1 và đại đoàn không nắm được tình hình cụ thể ra sao nữa. Điện thanh cũng gián đoạn. Vậy mà, bất chợt các máy thu phát của đại đoàn tại Sở chỉ huy đều nhận được một làn sóng từ A1 đánh về yêu cầu cho pháo bắn vào sườn tây nam cứ điểm. Đồng chí trưởng ban thông tin lắng nghe và nhận ra đó là giọng nói của Mùi, nhưng anh chưa vội tin vì ý thức cảnh giác. Có phải đúng đó là Mùi không?

- Có đúng Mùi đấy không?
- Vâng Mùi đây. Chính là Mùi đây.
- Đi với mũi nào?
- Mũi 18.
- Thủ trưởng là ai?
- Là anh Nhượng!

Và tiếng từ A1 nói thêm:

- Anh Nhượng ơi! Tôi đã nhận ra tiếng anh rồi mà anh vẫn chưa nhận ra tôi ư? Hay là anh không tin ở thằng Mùi này nữa? Anh Nhượng ơi, dù thịt nát xương tan... Mùi quyết không bao giờ chịu để cho chúng nó bắt đâu. Mùi vẫn giữ một quả lựu đạn trong túi đây...

Từ lúc ấy, Mùi mới được phép “chỉ huy” tới năm trận địa pháo binh lớn nhỏ của đại đoàn.

Khi bọn địch thấy lực lượng chống trả ở chỗ Mùi yếu ớt thôi, chúng sắp sửa xông đến thì lập tức bị ngay một loạt pháo giúi cổ xuống đất. Cả bộ binh và xe tăng nữa. Chúng không làm sao hiểu nổi thứ hỏa lực như có “mắt thần” ấy nè rất đúng lúc chúng vừa dàn quân thì giáng xuống. Ngay đồng chí trung đoàn trưởng lúc đó có mặt tại A1 cũng lấy làm lạ về sự bắn vô cùng chính xác, không gọi mà cũng bắn có hiệu quả đến thế!

Nhưng, cũng không ai biết đã ba hôm liền Mùi nhìn đói nhìn khát ở nơi này. Đồng chí Đức cùng đi với Mùi đã hy sinh. Một mình anh ở giữa quân thù mà không hề nao núng. Thật không mấy ai ở tuổi 25 lại có được mấy ngày sống và chiến đấu vừa anh hùng, quả cảm vừa kỳ lạ đến như thế!

Báo cáo, vâng!

Trong một tình thế hiểm nghèo trên đồi A1, trung đoàn trưởng Hùng Sinh đã ra tận chiến hào chiến đấu cùng chiến sĩ. Anh bắn súng lục, hết đạn, anh ném lựu đạn, anh quơ khẩu tiểu liên của chiến sĩ đứng bên bắn như... xạ thủ! Thao tác và kết quả tiêu diệt địch khiến cho cậu tân binh Quế cảm phục quá, thích quá. Tối lúc trung đoàn

trưởng buồng khẩu súng đã hết đạn, “mượn” của Quế một quả lựu đạn để nhét vào ống bọc phá đã mất kíp, đợi tốp lê dương chừng 20 tên đang dàn hàng ngang vừa hét vừa lao tới, anh nghiêng rặng, vươn người, giật chốt quả lựu đạn rồi phóng thẳng vào đội hình giặc. Một tiếng nổ quét bay bảy quỹ dữ và cũng dội tức cả ngực người trong hào. Tuy vậy, đại đội trưởng Thành cũng kiên quyết không cho trung đoàn trưởng đánh tiếp nữa. Vả lại, yêu cầu quan sát trận địa và thắng địch tận mắt, tận cách đánh của chiến sĩ đối với trung đoàn trưởng cũng đã xong. Anh lui lại và nhận định tình hình: chiến hào cánh phải đã bị địch chiếm. Phải giành lại mới củng cố vững chắc được trận địa. Đoạn, anh trở về phía ở trung liên:

- Nếu ta tiêu diệt được cái kia, sẽ lấy lại được trận địa không khó.

Anh vừa dứt lời thì một lời đáp rần rỏi cất lên:

- Báo cáo trung đoàn trưởng, tôi xin xung phong lên diệt nó!

Anh quay lại nhận ra Quế. Chàng tân binh 20 tuổi má bầu bầu đỏ bừng cả tai vì ngỡ mình nói không đúng lúc. Song trung đoàn trưởng đã thân mật hỏi:

- Cậu xung phong?

- Báo cáo, vâng!

Trung đoàn trưởng siết chặt tay người chiến sĩ trẻ:

- Cậu chuẩn bị. Chúng mình yểm hộ cho.

Tự tay anh trao ống bộc phá cho Quế rồi dăm dăm dõi theo người chiến sĩ mà anh thấy mến yêu vô cùng. Quế bò rất thận trọng và cũng rất thông minh. Kẻ địch chưa phát hiện được. Chợt, khẩu trung liên chuyển làn quét một băng khét lẹt về phía Quế. Quế nằm vật ra, đầu ngoẹo về một bên. Khẩu súng địch thôi bắn. Ruột gan trung đoàn trưởng nôn nao. Xong rồi ư? Anh chưa hết nổi bắn khoản thì Quế bỗng chồm dậy, lao vút tới ổ súng máy. Một chớp lửa lóe lên. Tiếng lựu đạn nổ theo. Trong đám khói đen cuộn cuộn, ai nấy đều trông rõ hai cái còng súng bay chổng vó lên trời!

- Xung phong!

Trung đoàn trưởng vừa hô vừa lao lên. Tất cả mọi người cùng xông tới. Trận địa cánh phải lại về ta. Trung đoàn trưởng ôm lấy Quế, định nói: “Cái thằng láu, ra nó giả vờ chết”, nhưng anh chỉ cười và Quế cũng nhìn anh, cười rất tươi!...

Nghỉ thế này sốt ruột lắm ạ!

Tại đồi A1, cuộc chiến đấu bước sang ngày thứ 5. Trung đoàn trưởng đã cùng các chiến sĩ đánh lui một cuộc phản kích của địch. Song đường dây liên

lạc của quân ta giữa bộ phận trong đồn với bên ngoài hoàn toàn gián đoạn. Cần phải cho người về phía sau báo cáo tình hình và xin thêm lực lượng tiếp viện để bảo vệ cửa mở, tiếp tục tiêu diệt địch.

Từ sáng đến giờ, mấy đồng chí liên lạc từ trong cứ điếm ra ngoài và từ ngoài vào đều nằm lại giữa đường vì lưới lửa dày đặc của địch phong tỏa.

Viết vội mấy dòng chữ vào mảnh giấy nhỏ, trung đoàn trưởng nhô ra khỏi ụ súng, vẫy Đức lại gần:

- Tình hình căng lắm. Cần phải liên lạc ngay với pháo binh của ta. Không còn phương tiện nào để liên lạc ra ngoài nữa. Đức đem lệnh này về cho tham mưu trưởng. Nhưng đường về nguy hiểm lắm. Đức...

Trung đoàn trưởng chưa nói hết lời, Đức đã hiểu tất cả. Người chiến sĩ liên lạc trẻ nhận tờ giấy nhỏ, nhìn đồng chí chỉ huy của mình bằng ánh mắt trong veo, nghiêm chỉnh. Đức muốn nói: “Anh lo thay cho tôi về cái khẩu trung liên đang khạc lửa kia ư? Không. Tôi không sợ nó. Trừ khi bị hy sinh, chứ còn sống dù gãy chân, tôi cũng lê về tận nơi. Tôi không thể để anh và mấy chục anh em phải chiến đấu đơn độc trên này đâu...”. Trong thâm tâm, Đức rất yêu mến quý trọng người chỉ huy giàu tình cảm và vô cùng xông xáo, dũng cảm. Vừa mới đây thôi, Đức cùng anh đứng trong một ụ súng, nhìn anh ném bộc phá, chặn đứng đợt phản

kích của giặc, Đức chỉ muốn nhảy lên ôm lấy anh. Lúc ấy, Đức đã lấp lưởi lê vào súng định xông ra rồi. Song, anh giữ Đức lại, ra hiệu chưa cần. Và, anh đã ném ống bộc phá. Thế mới giỏi chứ. Đức nhận được ở anh một bài học: trong chiến đấu, dũng cảm, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc là tốt. Nhưng như thế chưa đủ mà còn phải thông minh nữa. Tiêu diệt được nhiều giặc mà vẫn bảo vệ được trận địa, bảo vệ được mình mới tốt...

Đức không nói ý nghĩ ấy ra, nhưng hình như trung đoàn trưởng đã hiểu. Trung đoàn trưởng biết Nguyễn Văn Đức là một chiến sĩ liên lạc dũng cảm, không bao giờ lùi bước trước khó khăn. Đức là một đảng viên có tinh thần trách nhiệm, được đề bạt vượt cấp từ chiến sĩ lên làm tiểu đội trưởng, sau trận đánh ở khu Đông Mường Thanh đêm 31-3...

Anh dặn thêm Đức:

- Phải dũng cảm, kiên quyết, mưu trí, Đức ạ... Chúc Đức hoàn thành nhiệm vụ. Cả đơn vị trông vào mảnh giấy này, vào Đức... Trao lệnh xong cho tham mưu trưởng, Đức hãy về nơi trú quân nghỉ một ngày...

Đức thận trọng quan sát đường đi, luồng đạn địch rồi men theo giao thông hào, lom khom chạy. Đất lở, đường hào trở nên nông choèn, có chỗ gần bị lấp kín. Thằng địch trông thấy. Nó bắn đuổi.

Đức ngã lăn ra. Tưởng Đức chết nó dừng tay. Đức lại lao lên chạy. Địch lại bắn, bắn rát và liên hồi, Đức nằm dán xuống mặt đất. Máy quả đạn pháo của địch giội tới. Pháo từ Hồng Cúm đây. Đức chợt lóe lên một ý định. Quả pháo vừa nổ, bụi khói mù mịt, Đức chui vào giữa đám bụi dày đặc ấy mà chạy. Quả nhiên khẩu trung liên không thấy nổ. Và, Đức đã về đến nơi.

Đồng chí tham mưu trưởng sung sướng cầm tờ lệnh trong tay Đức. Anh nhìn sắc mặt tái mét của người tiểu đội trưởng đang đứng tựa lưng vào vách hào thở dồn dập, lòng tràn ngập mến thương, cảm phục.

Đức lắng nghe... lắng nghe... Vừa rồi, lệnh trong tờ lệnh đã được truyền đi. Nét mặt Đức bỗng hớn hỏ hẩn lên. Pháo ta nổ rồi! Tham mưu trưởng đợi cho sắc mặt Đức hồng hào hẩn, mới nói:

- Đồng chí có thể lên A1 lượt nữa được không? Tôi cần báo cáo với trung đoàn trưởng về việc phối hợp mở đợt tấn công mới...

- Báo cáo, được ạ. Nhưng tôi xin' ngài một lúc lấy lại sức...

- Được.

Tham mưu trưởng đưa ca nước nóng và điều thuốc mời Đức: “Uống nước, rồi nghỉ đi. Nằm xuống

đây mà nghỉ...” Đức có quyền được chợp mắt một chốc. Vậy mà chỉ mấy phút sau, Đức đã vùng dậy:

- Báo cáo! Như thế này sốt ruột lắm. Tôi xin đi ngay thôi. Trên ấy không có ai làm liên lạc cho trung đoàn trưởng.

Lần này, Đức trở lại A1 nhanh hơn.

Trung đoàn trưởng đang họp ở trong hầm. Đức vừa chui vào nói: “Báo cáo, tôi đã...” thì trung đoàn trưởng đã nhào ra, ôm chầm lấy Đức: “Hoan hô cậu!...”. Anh tuyên dương Đức ngay tại chỗ.

Vừa lúc ấy, chiến sĩ điện thanh Chu Văn Mùi cũng vừa từ góc phía đông, ôm máy tìm tới trung đoàn trưởng...

Cơm đây, các đồng chí ơi!

Sau một đêm chiến đấu quyết liệt, một tổ 7 người của đại đội 3 được lệnh chiếm giữ một công sự của địch trên đồi A1, đợi đến đêm sẽ đánh tiếp. Nhưng, họ chưa biết về lệnh này. Đại đội trưởng đưa mắt nhìn khoảng cách từ ban chỉ huy đến cái công sự kia. Súng máy địch từ nửa quả đồi bên cạnh cứ nhè quăng đó mà bắn xả sang. Hai đồng chí liên lạc tìm cách đi lên, đều bị thương, nằm lại cả. Đoạn đường hào từ ban chỉ huy tới đó, bị sụt lở

nặng, không đủ kín đáo, an toàn cho người đi. Lòng anh bồn khoăn. Suốt từ bốn giờ chiều hôm trước đến sáng nay, họ chưa được ăn uống gì. Bảy chiến sĩ này còn phải chiến đấu ít nhất 12 tiếng đồng hồ nữa. Quân địch lại nã pháo sang A1. Dấu hiệu địch phản kích để chiếm lại mỏm đồi đó chẳng? Anh bồn chồn suy nghĩ...

Trong lúc đó, một người ngồi ở hầm bên cũng đang nghĩ đến 7 chiến sĩ trên đồi. Đó là tiểu đội trưởng cấp dưỡng - anh nuôi Nguyễn Đình Phùng. Cơm đã nắm từ lâu mà vẫn còn nằm trong bao ruột ghé đây. Đói, còn chịu được. Chứ khát thì... Phùng nhấc nhấc hai bi đông nước. Nguội hết rồi. Anh chỉ muốn chạy đi ngay. Song, chưa có lệnh đại đội trưởng, anh không được phép tự ý rời trận địa. Mọi người – kể cả anh, lúc nào cũng phải sẵn sàng chiến đấu, bất chợt và bất ngờ. Vả lại, đơn vị đã có thương vong. Nhưng, các đồng chí ở trên kia cần phải được ăn để có sức chiến đấu chứ? Nghĩ rồi, anh sang hầm ban chỉ huy.

Lúc đó, đại đội trưởng vẫn chưa quyết định xong người nào sẽ đi lên đồi với 7 chiến sĩ.

Từ ngoài cửa hầm, Phùng báo cáo vọng vào:

- Báo cáo! Tôi đã nắm xong cơm. Đề nghị ban chỉ huy cho tôi mang lên công sự!

Đại đội trưởng nhìn tiểu đội trưởng anh nuôi Phùng. Ai chứ, với Phùng thì đại đội trưởng rất yên tâm. Nhưng Phùng phải làm rất nhiều việc. Lên người không, đã rất nguy hiểm, giờ lại lĩnh kình cơm và nước, liệu có vướng víu quá, khó vận động để tránh đạn địch không? Tất nhiên mọi người ở đây, và cả tổ 7 người ở trên kia có thể bắn yểm hộ, kiềm chế địch cho anh, nhưng khả năng sát thương của hỏa lực địch rất cao. Đại đội trưởng chưa nghĩ đến việc cử Phùng. Trong danh sách dự kiến, chưa có tên anh.

Thấy đại đội trưởng có ý ngần ngại, Phùng nói thêm:

- Báo cáo, anh em ở trên đó đói...
- Hãy khoan. Đường lên nguy hiểm lắm...
- Tôi đi được.

Phùng nhìn đại đội trưởng, ánh mắt ấy như có ý nói: Tôi đã biết điều đó và tôi không sợ điều đó. Đại đội trưởng thấy đến phải để Phùng lên đôi thôi. Anh có quyết tâm cao và có thể vượt qua được quãng hiểm nghèo đó. Vả lại, mang cơm lên cho các chiến sĩ chốt trên đó, cũng là nhiệm vụ của Phùng. Đại đội trưởng bằng lòng, nhưng nói thêm:

- Được. Phải hết sức thận trọng. Cơm nước phải đeo thật gọn.

Phùng nhanh nhẹn đeo chéo hai bi đông nước, buộc chặt bảy nắm cơm trong ruột ghé vào người. Anh thận trọng ra cửa hầm, nằm lại quan sát địa hình, chia ra từng chặng chạy tính trước các tình huống nổ súng và đường đạn của địch. Anh thấy quang nguy hiểm nhất là chặng đầu tiên. Có lẽ đến trăm mét và hào gần như không còn có tác dụng che chở cho anh được là bao. Bom, đạn đã cày xới và lấp kín gần hết. Phải rất nhanh, Phùng sửa lại tư thế nằm để vọt lên cho thuận lợi rồi lấy hơi...

Cát, bụi cuộn lên dưới gót chân anh. Phùng vừa nhào xuống đầu hào bên kia thì nghe một tràng súng rộ lên, Anh thở dốc. Thế là nó đã thua mình một keo. Phùng nghỉ lấy lại sức, quan sát tiếp chặng thứ hai. Anh nhìn thấy đồng chí liên lạc đã hy sinh nằm cách anh không xa. Vừa thương xót bạn, vừa căm uất quân giặc, anh cố tìm ra thủ đoạn của địch đã dùng để sát hại đồng chí của anh. Đồng chí liên lạc nằm úp sấp trong tư thế đang bò, một bên sườn đâm máu. Như vậy, làn đạn đã đi rất thấp. Nếu không bò, mà chạy, chạy thật nhanh, thì cùng lắm chỉ bị thương vào chân. Địch đã cố ý đón sẵn mục tiêu thấp. Mà, bò thì chậm và mục tiêu sẽ lớn, địch dễ bắn trúng. Anh thầm cảm ơn người đồng chí đã hy sinh rồi, vẫn còn để lại cho anh một kinh nghiệm chiến thắng quân thù. Anh nhồm lên lao qua rất nhanh bên

xác người đồng chí. Quả nhiên, làn đạn của địch rít lên ngay dưới chân anh. Song, anh đã nhảy tọt xuống một đoạn hào khác...

Chợt, anh nghe thấy tiếng pháo của ta và những tiếng nổ trên đồi. Anh hiểu “ở nhà” đã chi viện cho anh. Cả trên đồi, cả ở đại đội và pháo binh. Anh tận dụng cơ hội đó để lên.

Cứ như vậy, lúc bò, lúc vọt tiến, quăng ngán, quăng dài, lúc lâu lúc chóng, anh thay đổi cách di chuyển để bọn địch không thể bắn đón được mình.

Công sự kia rồi! Tiếng súng của địch ngừng bật. À, nó thay băng, Phùng chạy ngay sau khi vừa ngồi thụp xuống. Bỗng, anh thấy mắt hoa lên. Anh nằm vội xuống thở. Đã nhìn thấy có bóng chiến sĩ ta thấp thoáng trong bụi, khói mờ mịt trên công sự. Anh cố chạy tiếp. Được mấy bước, anh loạn choạng ngã giúi xuống.

Một đồng chí trên đồi bò ra, quàng Phùng qua vai và bò sát, kéo anh vào hầm.

Lát sau, Phùng tỉnh dậy, ngơ ngác một thoáng rồi cố sức nói:

- Lệnh... bám... cho chắc. Giữ... đến cùng...

Và tay anh quờ quạng tìm kiếm vật gì đó. Đây rồi! Phùng sờ tay vào một nắm cơm trong cái ruột ghé:

- Cơm đây! Các đồng chí ơi!

Những ánh mắt thân thiết, biết ơn nhìn anh. Những khuôn mặt ám bụi và khói súng tươi cười. Cơm, nước còn đủ cả. Nhưng đã có vết máu của anh trên bao cơm. Một bi đông nước bị đạn xuyên lỗ chỗ...

Có tiếng ai đó reo lên khe khẽ:

- Anh Phùng tỉnh hẳn rồi!

Một tràng súng của địch lại rộ lên như tiếng kêu hân học của con thú mất môi...

Từ thế trận giằng co ở đồi A1 đến “kế hoạch điều hâu” của địch

Cho đến ngày 4-4-1954, cuộc chiến đấu tại A1 vẫn diễn ra quyết liệt, nên tiếp tục nhiệm vụ ra sao?

Sau cuộc hội ý, Đảng ủy Mặt trận nhận định:

- Cán bộ và chiến sĩ đã chiến đấu rất dũng cảm trên đồi A1, ở vị trí 105 cũng như các nơi khác.

Nhưng A1, cán bộ chưa nắm chắc tình hình địch và cũng chưa nắm chắc được bộ đội. Đơn vị còn có một số khó khăn chưa giải quyết được.

Vì thế Đảng ủy quyết định:

- Đợt chiến đấu này dừng lại, lệnh cho bộ đội ở

A1 giữ phần cứ điểm đã chiếm được để sau này tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ. Và, từ sáng hôm đó (4-4-1954) cuộc chiến đấu tại A1 tiếp tục diễn ra với trạng thái phòng ngự giằng co, quyết liệt suốt hơn 30 ngày sau.

*

* *

... Trước tình hình nguy ngập của quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương nói chung và ở Điện Biên Phủ nói riêng, chính phủ Pháp đã bám lấy Mỹ để cầu cứu, Mỹ muốn nhân cơ hội này để thực hiện âm mưu mở rộng chiến tranh và lấn Pháp một bước nữa tại Đông Dương nên rất sẵn sàng “giúp đỡ”.

Để cứu nguy cho Điện Biên Phủ, đế quốc Mỹ tích cực chuẩn bị một kế hoạch can thiệp bằng không quân với quy mô lớn. Kế hoạch đó lấy tên là “kế hoạch điều hâu”.

*

* *

Thực ra, đã đến lúc tướng Na-va không còn bùng bít tình hình nguy khốn của quân Pháp ở Điện Biên Phủ được nữa. Trong cái thế “gà mắc tóc”, Na-va cho kiểm duyệt tin tức gắt go đến nỗi chính báo chí tư sản cũng phải kêu toáng lên.

“Con nhím” của Na-va đang sống trong những

giờ ngắc ngoải vì cái “cuồng nhau” nuôi nó đang bị đe dọa cắt đứt.

Tình hình chiến sự Đông Dương diễn ra trái ngược hẳn với tất cả mọi điều mà các ông tướng Tây ở đây đã nhận định.

Họ muốn cướp lại thế chủ động thì lại bị động.

Họ muốn tập trung quân thì lại phải phân tán.

Họ định kéo Việt Minh lên Điện Biên Phủ để cho vào bẫy thì lại bị Việt Minh giam chặt tại chỗ, đánh cho nhừ tử.

Kế hoạch Át-lăng đánh lên Liên khu 5 đến ngày 2-4-1954 thì phá sản hoàn toàn.

Trên chiến trường Đông Dương không có nơi nào quân Pháp thu được chiến thắng. Từng binh đoàn con cưng của Na-va bị diệt gọn. Tên La-guy-an-ni đã trả lời bản nhật lệnh động viên binh đoàn GM 100 của Bô-pho chỉ huy vùng Tây Nguyên thế này:

“Tôi cần tiếp viện chứ không cần tuyên dương”.

Cái binh đoàn GM 100 do La-guy-an-ni chỉ huy được đưa từ Triều Tiên về Đông Dương, chân ướt chân ráo đã bị quân ta cho ăn đạn và tiêu diệt gọn trên đường 19 vào ngày 26-4-1954.

Liên quân Lào Việt ở Trung, Hạ Lào hoạt động mạnh ở Xa-va-na-khét, Khôn-xê-đô, Pắc-xế, cao nguyên

Bô-lô-ven và A-tô-pô, Na-va cho quân tới đâu, bị diệt tới đó. Tình hình đối với vị tổng chỉ huy này không hơn gì canh họ. Báo chí tư sản Pháp kêu thất thanh:

“Nam Đông Dương sắp bị Việt Minh chọc thủng rồi!”

Ở Pa-ri, người ta bàn tới việc giữ nơi nào, bỏ nơi nào ở Đông Dương kể cả biện pháp rút lui khỏi Điện Biên Phủ.

Giữa tháng 4, Mỹ cử Pác-tơ-rít-giơ chỉ huy không quân Mỹ tại Đông - Nam Á tới Đông Dương cùng Na-va nghiên cứu khả năng thực hiện “kế hoạch điều hâu”.

Cuối tháng tư, kế hoạch này được kết luận như sau:

“Cuộc hành binh này có thể thực hiện được trong 3 hoặc 4 đêm bằng cách sử dụng 75 hoặc 80 máy bay B.29 để mở cuộc tấn công. Các máy bay sẽ trở về căn cứ Ma-ni trước khi mặt trời mọc. Các phi công Pháp làm nhiệm vụ hướng dẫn cho các máy bay B.29. Một số sĩ quan cao cấp Pháp được cử đến Ma-ni để thực hiện những chi tiết kỹ thuật cuối cùng của cuộc hành binh”.

Bọn hiếu chiến Mỹ thế là đã không ngần ngại trực tiếp cùng với Pháp gây thêm tội ác với nhân dân Việt Nam sau những lần ném đá giầu tay khác.

5. SIẾT CHẶT VÒNG VÂY

Xẻo cái dạ dày của nó đi!

Để bóp nghẹt quân thù, Đảng ủy Mặt trận chỉ thị: “Phải tiếp tục củng cố trận địa tấn công bao vây và phát triển vào gần địch hơn nữa, cải tạo địa hình, đánh chiếm một số vị trí quan trọng nhằm từng bước thắt chặt vòng vây hơn nữa; đánh chiếm sân bay đạt đến mục đích triệt hẳn tiếp tế và tiếp viện của địch, uy hiếp mạnh hơn nữa tung thâm của chúng, tạo điều kiện thuận lợi để tổng công kích”.

Các đại đoàn, trung đoàn, các binh chủng nhận được nhiệm vụ và địa bàn bao vây, tấn công.

Bầu trời và khoảng không trên đầu bọn địch cứ thu dần lại. Mặt đất bây giờ không ở dưới chân mà lại là ở trên tóc quân đội Pháp tại Điện Biên Phủ. Bọn lái máy bay rất khó thả dù trúng đích.

Những chiếc dù sắc sỡ lửng lơ theo chiều gió đã tạt sang trận địa quân ta. Ngay cả những hòm đồ hộp rơi xuống sân bay phía quân địch, chúng cũng không dám mò ra kéo về. Những viên đạn bắn tủa sẽ lập tức bắt tên lính râu ria xồm xoàm bụng đói, miệng khát sẽ phải gục tại chỗ.

Sân bay địch trong những ngày này chỉ còn là một cái túi đựng đồ tiếp tế từ trên máy bay thả xuống. Cái da dày của chúng đang bị xéo, bị chọc thủng dần.

Những chiến hào chạy theo hình quạt tỏa ra như những sợi dây thòng lọng quăn quanh cổ địch.

Các chiến sĩ quân báo của trung đoàn Đầm Hà mở chiến hào vào hướng đông sân bay từ trung tuần tháng 4-1954.

Đại đội trưởng Nguyễn Bang cùng 12 chiến sĩ dọn đường trước.

Sau khi Nguyễn Bang bò vào gần sân bay rồi leo lên đồi E quan sát, họ nhả về:

- Gửi cho xin nhiều kim băng!

Chắc họ không kịp vá những chỗ áo, quần bị hàng rào dây thép gai cào rách? Không phải. Họ dùng kim băng để “khóa mồm” những ống mìn nhả gai trong bãi rào. Người trước dọn người sau cắt rào. Đoạn dây thép được cắt ra, vẫn xếp y như cũ. Bọn địch tưởng mọi thứ vẫn y nguyên.

Đêm 15-4-1954, các chiến sĩ trung đoàn Đầm Hà mang cuộc, xông tiến vào sân bay. Một tốp lính đi tuần bị tóm sống không kịp kêu. Sớm hôm sau, khi bọn địch phát hiện ra quân ta sắp lọt hẳn vào sân bay thì chỉ còn có một lượt hàng rào thứ năm nữa là chưa bị cắt. Địch tung xe tăng ra yểm hộ cho bộ binh đánh chiếm lại trận địa. Song, bộ đội phòng ngự của ta đã đánh bật chúng trở lại. Đêm hôm ấy, bọn địch bắn rất dữ vào đầu hào của ta ở hàng rào thứ tư. Tiểu đoàn phó Nguyễn Văn Thuận tìm mọi cách để đẩy chiến hào lên phía trước. Một sáng kiến nảy ra: tung chiến sĩ lọt hẳn vào trong rồi đào ngược ra. Bọn địch không lường trước được tình huống này. Đối phương của chúng quả là táo bạo và luôn luôn tạo ra những chuyện bất ngờ. Khi chúng phát hiện ra thì đầu hào của ta đã nối liền với con hào của địch chạy dọc theo sân bay. Và, các chiến sĩ Đầm Hà nhìn thấy bóng các chiến sĩ đơn vị bạn ở phía Tây thấp thoáng sau xác hai chiếc máy bay địch.

Một địa danh mới xuất hiện trên bản đồ tác chiến: Ngã tư Đầm Hà. Con hào của ta đã cắt qua đường hào cũ của địch, vươn vào trong sân bay. Tại điểm này đã trở thành một điểm tác chiến vô cùng quyết liệt giữa ta và địch. Với địch, để mất ngã tư này, có nghĩa là sân bay sẽ bị đứt. Với ta để mất ngã tư này là không hoàn thành được nhiệm vụ cắt đứt sân bay.

Liên trong 4 ngày, địch phản kích tám lần. Ba lần chúng lọt được vào trận địa của ta, nhưng sau lại phải rút chạy.

Một buổi sớm, lợi dụng sương mù dày đặc, địch tổ chức 3 mũi tiến công ập vào trận địa ta. Tại mặt chính ta chỉ có một tiểu đội do tiểu đội trưởng Dũng chỉ huy.

Quân địch dàn đội hình chuẩn bị xung phong. Các chiến sĩ ta sẵn sàng đánh trả. Tiểu đội vừa được bổ sung một chiến sĩ mới. Đó là Xuyên. Xuyên từ hậu phương nhập ngũ, lên thẳng đây, chỉ mới biết hành quân chứ chưa qua một lớp, một đợt huấn luyện sử dụng vũ khí nào. Xuyên thấy cả tiểu đội, ai nấy đều đã chiếm lĩnh vị trí chiến đấu, chỉ có mình chưa thấy tiểu đội trưởng bảo gì. Xuyên chạy đến bên tiểu đội trưởng:

- Báo cáo đồng chí, tôi đánh được! Tôi biết rồi!

Mãi tận lúc này, Xuyên mới được đồng đội bảo cách bắn tiểu liên và ném lựu đạn. Tiểu đội trưởng thật sự lo cho Xuyên, anh an ủi người tân binh:

- Cậu đánh lựu đạn chưa thạo, cứ nấp vào công sự đi. Để bọn chúng nó cho anh em.

Xuyên lẳng lẳng lui về phía sau tiểu đội trưởng. Quả lựu đạn lăm lăm trong tay. Anh nhìn tiểu đội trưởng đánh địch.

Không ai bảo ai, quân địch thò vào hướng người nào, người ấy đánh. Tiểu đội trưởng nhận xét tình thế lúc nhắc bên này, nhắc bên kia bắn hoặc ném lựu đạn, Xuyên hiểu ngay ra rằng tùy tình hình quân địch mà quyết định cách đánh chứ không phải thích bắn thì bắn, thích ném lựu đạn thì ném.

Sau hai đợt pháo kích của địch, tiểu đội còn lại 7 người, tiểu đội trưởng và tiểu đội phó đều bị thương. Xuyên bước ra tuyến xuất phát, quan sát địch. Anh kiễng chân lên nhìn thấy bọn địch đang bò tới trận địa. Chúng đến đã khá gần rồi. Vừa tầm lựu đạn đây, Xuyên vung tay đáp một quả và hô:

- Địch đến! Ném lựu đạn đi anh em ơi!

Quả lựu đạn của Xuyên nổ giữa đội hình địch. Mọi người thấy Xuyên ném trúng, quân địch giạt cả ra.

Bọn địch vẫn xông tới. Không kịp lấy lựu đạn, Xuyên ghì tiểu liên vào vai lia hết một băng. Bọn địch ngã ra như bị phạt gãy chân. Xuyên hét to:

- Bắn những thằng mũ vàng kia kìa!

Tự nhiên, mọi người làm theo hiệu lệnh của Xuyên.

Bảy người còn lại đã đánh lui hai đợt tấn công nữa của địch.

Ngay sau trận này, Xuyên trở thành tiểu đội phó.

Như một mũi thuận lợi hại, tiểu đội của Xuyên cùng cả trung đoàn đang từng giờ cắt nát từng mảng sân bay địch...

Vừa tĩa vừa lẩn Vừa đánh vừa giữ

Có thể nói trong những ngày của nửa sau tháng tư là những ngày chiến đấu sôi động, quyết liệt, thiên biến vạn hóa, tình hình địch ta thay đổi từng phút từng giờ mà người làm chủ và sai khiến các tình huống từ bất lợi trở thành thuận lợi cho ta là chúng ta chứ không phải do quân địch ngờ nghệch hay đã thật đuối sức. Khối lượng bom đạn có thể mang ra dùng, Đờ-cát đều mang ra dùng. Nguy cơ thất bại càng có khả năng Đờ-cát càng cố cường lại.

Có thể thấy điều đó diễn ra ở đồi A1 và C1.

Cuộc giành giật trên từng điểm cao trong liên hoàn cao điểm A1, C1, C2, A3 giữa địch và ta tương tự như tình hình diễn ra ở sân bay Mường Thanh về ý nghĩa sống còn, thắng bại của cả hai bên. Ta đã chiếm C1 và một phần A1. Địch quyết tâm giành lại C1. Để mất hẳn C1, có nghĩa là Đờ-cát sẽ mất nốt các cao điểm kia.

Ngày 10 tháng 4-1954, một trung đội ở C1 của ta phải chọi với một lực lượng đông hơn nhiều, hỏa

lực rất mạnh, nên phải co đội hình lại. Khi lực lượng tiếp viện của tiểu đoàn tới, thì cũng chỉ giữ được nửa đồi bên phía đông thấp hơn.

Sang ngày 11-4, cả hai bên đều chuẩn bị tấn công nhau.

Cuộc chiến đấu diễn ra đến hết đêm hôm đó thì C1 bị chia đôi, mỗi bên chiếm một nửa, cách nhau năm, mười mét. Từ thế giằng co, giành giật diễn ra hàng ngày. Có lúc ta lấn lên chiếm được cột cờ, có lúc địch tràn qua đẩy trận địa ta lui xuống chục mét. Pháo ta, pháo địch cũng thay nhau “đắm vào lưng” đối phương. Hai đối thủ chưa bên nào chịu bên nào.

Đơn vị làm nhiệm vụ đương đầu với địch ở đây là đại đội 812. Liên 20 ngày đêm ròng rã, quân ta vừa giữ vừa tìm cách đánh địch. Kẻ thù có lợi thế hơn về địa hình, nhưng ta có một thứ mà quân Pháp không thể có là tinh thần lạc quan, ý chí quyết thắng trong chiến đấu.

Các nhà thiện xạ được khuyến khích và hăng hái sẵn “môi”. Bên phía trận địa địch thường im ắng thì bên ta luôn có tiếng nói cười. Đờ-cát phải trấn an bọn giữ đất trên C1 một đội súng phun lửa. Quân ta liên tìm cách “câu” bọn súng phun lửa ra mà bắn. Anh em ta giả cách gây ồn ào như đang di chuyển trong chiến hào. Tên lính giữ súng phun lửa vừa lộ đầu ra là chết tươi. Cái áo giáp

không bảo toàn được mạng cho nó (áo giáp chỉ che được ngực và sức nóng). Rồi, quân ta cũng đoạt được cả súng phun lửa của chúng và quật thốc trở lại cho quân địch ném đòn “gậy mây lại quật lưng mây!”

*

* *

Tại C2, quân địch phòng thủ thật gắt gao. Chúng không tiếc đạn. Và, quân ta cứ dũi hào vào. Cách đào hào cũng đã có cải tiến. Đào hõm trong lòng đất trước, đẩy bó vầu vào rồi đánh sập, đoạn moi đất ra, đào tiếp. Bọn địch ở các mỏm cao lân cận cũng bắn chõ sang, chỉ viện cho C2. Mỗi mét hào của quân ta, thực sự phải đổi không chỉ bằng mồ hôi, mà cả máu.

Trên lò cốt địch có hai ổ đại liên thật lợi hại. Chúng khống chế việc đào hào của ta rất có hiệu quả.

Hai chiến sĩ trẻ đề nghị trung đội trưởng Nhấn cho họ lên đánh. Cả hai đều chưa sử dụng bộc phá bao giờ. Trung đội trưởng cấp tốc hướng dẫn cho họ. Sau khi bàn xong cách bí mật bò lên sát lỗ cửa hầm để giật bộc phá, một trong hai người thản nhiên nói:

- Tại sao lại cứ đặt bộc phá rồi mới giật nư xòe? Gân thế này, cứ để chúng tôi ôm bộc phá chạy

ào lên, vừa chạy vừa giật, đến nơi có chết thì ụ súng địch cũng tan tành!

Chiến sĩ kia cũng đồng ý thế. Trung đội trưởng Nhân thấy ý kiến hay quá, táo bạo quá, nhưng cũng nguy hiểm quá. Anh phải xin ý kiến tiểu đoàn. Cách đánh ấy được chấp nhận nhưng chỉ sử dụng khi bị lộ. Còn, nếu giữ được bí mật thì phải hết sức tránh thương vong. Tuyệt đối không chạy đi khi chưa bị lộ.

Hai chiến sĩ ôm bộc phá bò lên. Phút chờ đợi thật căng thẳng. Trung đội trưởng Nhân phải cố nén mình. Hơn mười phút trôi qua. Anh hy vọng cách đánh mới ấy chắc sắp thành công rồi. Chợt, bọn giặc kêu lên:

- Ô... Việt Minh!

Thế là các thứ súng của địch nổ ran. Nhân choáng người. Quân ta bắn trả để chi viện cho hai chiến sĩ. Không đầy một phút sau, hai ánh chớp cùng hai tiếng nổ, vang lên. Anh thở phào khi thấy một bóng người chạy vụt xuống. Hai ụ súng của địch câm bặt. Tiếng rao của anh chiến sĩ trẻ vang lên:

- Tan rồi! Tan xác chúng nó rồi anh ạ. Chúng tôi đã vừa chạy vừa giật nư xòe một đoạn...

Nhân ôm choàng lấy người chiến sĩ đã về và trông với về phía lô cốt địch. Từ phía ấy, một lúc rất lâu sau, và mãi mãi, không thấy anh chiến sĩ

trở về... Trung đội trưởng Nhãn nghen ngào gật đầu khi nghe anh chiến sĩ đã trở về xin được vào tổ mũi nhọn tấn công C2 sắp tới.

*

* *

Bên phía đồi A1, địch vẫn chiếm quá 2 phần 3 điểm cao. Ta chỉ trụ được ở mỏm thè lè. Đã mấy lần địch cố nống ra chiếm lại, đều bị ta đánh bật trở về chỗ cũ. Thế giằng co quyết liệt đến mức chính đại đoàn trưởng của đơn vị phải tới đồi Cháy cách A1 ba trăm mét về phía đông bắc để nghiên cứu tình hình. Đồng chí vừa bước vào hầm ngầm, thì một trận pháo địch đã giội xuống. Thấy các chiến sĩ vẫn bình tĩnh và tỉnh táo lạ thường, đồng chí rất hài lòng và nhận xét sau khi quan sát kỹ bên đồi A1: “Mình ở dưới thấp, nó ở trên cao, mà cứ đào dũi thế kia thì gì chẳng thương vong?”.

Buổi ấy, đại đoàn trưởng cùng ăn bữa cơm nơi trận địa với các chiến sĩ. Thực đơn gồm cơm nắm, muối rang và thịt hộp, của máy bay địch thả dù xuống “tiếp tế” cho.

Đại đoàn trưởng hỏi chuyện một chiến sĩ trẻ nom như cô con gái:

- Tên đồng chí là gì?
- Báo cáo, tên là Hảo ạ.

- Quê ở đâu?
- Bắc Ninh ạ.
- Đồng chí đã tham gia chiến đấu trận nào chưa?
- Báo cáo, chưa. Nhưng có lần tôi đã cùng anh em du kích xã đi đào hầm chiến đấu.
- Đào có giống ở đây không?
- Hơi khác ạ.
- Khác thế nào?
- Báo cáo, du kích xã tôi bao vây một cái lô cốt giặc suốt hai tháng ròng. Gọi hàng thế nào chúng cũng không ra. Sau chúng tôi đào hào ngầm xuyên cánh đồng, luồn qua cả hàng rào dây thép gai, đem mìn vào giật sập lô cốt giặc.

Câu chuyện của Hảo đã gợi ý cho đại đoàn trưởng một cách đánh có quyết tâm “phá sập hầm ngầm đồi A1” mà đồng chí đã nghĩ tới khi đến đây...

Trở về Sở chỉ huy đại đoàn, đồng chí mang ý nghĩ ấy bàn với chính ủy và cả hai cũng nhất trí báo cáo ý kiến đó lên Bộ.

Ngay chiều hôm ấy tổng tư lệnh Bộ chỉ huy Mặt trận đích thân gọi điện báo cho Bộ tư lệnh đại đoàn chuẩn y kế hoạch: “Đào đường ngầm, đem thuốc nổ vào đánh bật lô cốt mẹ trên điểm cao A1”.

Và, một phân đội công binh của Bộ đã lên đường xuống tăng cường cho đại đoàn thực hiện nhiệm vụ.

Tại các cao điểm, cứ điểm khác nhau, quân Pháp ăn không ngon ngủ không yên vì những tiếng đào hào, mở đường ngầm của đối phương.

Trong cố gắng tuyệt vọng. Đờ-cát không xót quân, không tiếc đạn.

Một chọi mười

Khẩu đội trưởng Phùng Văn Khâu nhận được lệnh chuẩn bị tác chiến gấp.

Từ trên mỏm đồi E cháy trụi hai khẩu đội sơn pháo của ta đã nghếch nòng. Các pháo thủ nhìn rõ 4 khẩu trọng pháo địch đang được kéo ra khỏi công sự dưới thung lũng để yểm hộ cho quân phản kích sân bay. Các đồng chí, đồng đội của Khâu đang thắt chặt cái thòng lọng, đang xẻ cái da dày của chúng nó ở dưới ấy.

Mọi người đã ai vào vị trí nấy.

- Bắn!

Khẩu đội của Khâu nã liên 5 phát. Bốn khẩu trọng pháo địch chìm trong khói. Thế là tất cả pháo địch ở Hồng Cúm - Mường Thanh tới tập xuống đồi E hòng tiêu diệt 2 khẩu sơn pháo ở đây. Cuộc đấu pháo bỗng thay đổi cán cân có lợi cho địch. Khẩu đội bạn trúng đạn quân thù, không bắn được nữa. Khâu lặng người đi. Anh hô lên:

- Còn một mình cũng chơi. Quyết trả thù cho khẩu đội bạn! – Giờ đây, một khẩu đội của anh phải chơi với 10 khẩu pháo địch.

Pháo thủ Pao chặt tay vào không khí:

- Một là thắng. Hai là cùng hy sinh với nhau ở đây!

Khẩu ra lệnh:

- Các đồng chí về vị trí!

Vừa nghiêng nhìn vào kính ngắm, nước mắt Khẩu đã chảy ra. Anh chùi vội để bắt mục tiêu.

- Chuẩn bị... Bắn!

Khẩu pháo chồm lên.

- Bắn!

Khẩu pháo thứ nhất của địch trúng đạn lăn kênh ra.

Bỗng Khẩu tối tăm cả mặt mũi. Một quả đạn địch đã giội trúng nóc hầm. Đất gỗ lở xuống, lấp kín cửa bắn. Anh gọi to:

- Ai ra chữa cửa xạ giới?

Páo và Thịnh xông ra. Chỉ một lúc sau, đạn lại lên nòng. Khẩu khẩn trương:

- Chuẩn bị... Bắn!

Khẩu thứ hai của địch gãy càng.

- Bắn!

Khẩu thứ ba của địch đặt nòng.

- Oàng!

Phát thứ tư, khẩu cuối cùng của địch lăn kênh. Máy thẳng lính pháo thủ Tây bị tung xác lên!

Khẩu đưa tay lau má. Má anh vẫn còn ướt. Mà trời thì không mưa và sương mù đã tan...

*

* *

Đêm 22 rạng ngày 23 tháng 4 năm 1954 quân ta đã chiếm cứ điểm 206. Nơi thả dù của máy bay địch thế là không còn nữa. Đờ-cát cuồng lên, bắt cấp dưới phải chiếm lại ngay.

Một tiểu đoàn bộ binh, 9 máy bay B.26, 12 chiếc Hen-cát và 5 xe tăng đã ném vào cuộc phản kích này. Song y chỉ làm tiếp được cái việc nường nốt lực lượng dự trữ cuối cùng vào cuộc phản kích vô vọng này. Quân ta vẫn giữ được cứ điểm 206.

Con nhím ngắc ngoải!

Quân địch ngày càng bị dồn lại, bị lấn đất thêm, mất dần các lô cốt, các cứ điểm. Trên dưới một vạn binh lính Pháp dở sống dở chết co vào trong các công sự rải ra không đầy 2 ki-lô-mét vuông.

“Con nhím” của Na-va, Cô-nhi, Đờ-cát... đang

ngắc ngoải vì bị đối phương vật gần trụi hết những cái lông thép.

Máy bay đã phải xuất trận mỗi ngày 200 lượt chiếc. Máy bay dân dụng đi tiếp tế. Máy bay vận tải tới ném bom. Pháo của ta giăng lửa kín trời, khiến gần hai phần ba số dù tiếp tế của địch rơi sang trận địa ta.

Những tên lính má hóp, mắt thô lỗ vì đói liều lĩnh ra kéo dù, không mấy đứa còn sống, hoặc có sống cũng không còn sức mà ăn những thứ đã lấy được.

Có hôm, máy bay Pháp lại giội bom xuống đầu lính Tây, chết ngóm cả tiểu đội dưới hầm. Bọn giặc lái không dám hạ độ cao xuống dưới 3.000 mét.

Biết rằng khu đông sắp bị mất. Bọn địch cho thả số thùng xăng không còn dùng làm gì được nữa (vì xe cơ giới các loại không thể hoạt động được) xuống đáy xuống Nậm Rốm để ngăn chặn đối phương vượt sông bằng một hệ thống dây điện đốt cháy. Ai ngờ, một viên đại pháo rơi trúng kho xăng chìm dưới sông, thiêu luôn kế hỏa công của địch.

Trong những ngày này, bọn giặc ở Điện Biên Phủ đã phải sống như trong địa ngục ở dưới hầm, trong công sự. Bất cứ một phát đạn pháo nào bắn vào cũng gây ra thương vong. Từng viên đạn bắn tía bất thần đã giúi bọn lính đói và khát xuống hào lông bông bùn nước bất kể trời nắng hay mưa. Bọn sĩ quan tham mưu sống

cạnh hầm Đờ-cát phải ỉa, đái trong hầm, đưa nọ gói phân ném sang hầm của đứa kia. Ruồi nhặng từ khu hầm thương binh, hố chứa xác chết gần bệnh viện của địch ùa vào sống chung với những tên lính vốn đã cáu bẳn vì lâu không tắm rửa. Nước uống thiếu, chúng không dám ra sông lấy về. Tên nào liều lĩnh, chỉ có bỏ mạng.

Tụi lính bị thương lại bị thương thêm lần nữa trong cái gọi là hầm bệnh viện ngọt ngọt, thối hoảng, tanh tưởi. Giời bọ lúc nhúc bò lên mặt những tên bị thương nặng. Không đủ chỗ nằm, dù đã xếp đến hai ba tầng cồng thương, nhiều tên phải nằm dọc lối đi hoặc lộ thiên ngoài trời. Những tên bị thương phải cưa chân, cưa tay thì lập tức phải trở về đơn vị với cái chân què, tay cụt ấy để dành chỗ cho các tên mới đưa vào. Tên nào tốt số lắm mới được nằm trong cái nhà thương gớm ghiếc ấy.

Nhiều tên lính tự nhiên ngã lăn ra, rồi chết. Thì ra, chúng bị làm việc kiệt sức quá và cũng vì thần kinh không chịu nổi những giờ phút căng thẳng đến rợn người.

Lúc này, bộ đội ta cũng gặp khó khăn. Mưa làm ngập chiến hào. Có chỗ đến tận bụng. Chiến sĩ đi chiến đấu về phải đứng dưới nước, đội súng đạn lên đầu. Nơi ngủ cũng bị sập lở. Sức khỏe bị ảnh hưởng. Song, mọi người đã tìm cách khắc phục. Một

bài thơ dán trên báo tường miêu tả khá rõ cuộc sống chiến đấu vô cùng gian khổ mà vẫn lạc quan:

*Đồng chí đi mô?
Có về chỗ chiến hào
Hãy vào chơi tôi tí!
Nhà tôi ở đó:
Đây chiếc cửa ra vào
Cong cong uốn lượn cổng chào rất xinh
Nó chẳng cao, đồng chí phải cúi mình
Lách qua cửa rẽ vào “dinh tôi ở”
Gian nhà tôi sàn đầy những cỏ.
Nó êm êm tựa chiếc đệm bông
Trên tường treo bản lập công
Tranh “quyết chiến” lá cờ reo “quyết thắng”
Trên nóc hầm chúng tôi căng bạt trắng
Như trần nhà gạch quét vôi xanh.
Nhà tôi vững tựa bức thành,
Đại bác địch nổ xung quanh hề gì...*

Bữa ăn, nhờ có bếp Hoàng Cầm cải tiến nên vẫn có cơm nóng, canh ngon. Các bác sĩ đến từng đơn vị. Trong những hầm vững chãi, dưới ánh sáng của ngọn đèn 6 vôn cháy từ bình điện xe đạp do người đạp, hai nhà phẫu thuật nổi tiếng của nước ta: Bác sĩ Tôn Thất Tùng và bác sĩ Vũ Đình

Cần đang thay nhau cứu chữa cho thương binh. Khác với ngày đầu chiến dịch, bữa ăn của thương binh giờ có thịt bò tươi, sữa, hoa quả. Đội điều trị I nằm ở Mường Phăng, sát nách địch, nhưng vẫn có kem trứng, bánh ga-tô cho thương binh...

Các chiến sĩ trẻ, phần nhiều là tân binh vừa tới mặt trận đã thích ứng ngay với điều kiện mới.

Các cô văn công lần đầu tiên ra trận cùng với bộ đội, cảm phục tinh thần chiến đấu hy sinh của chiến sĩ, chỉ nghe tiếng pháo địch nổ đến lần thứ hai là hết giạt mình.

Bộ chỉ huy Mặt trận đi sát từng đơn vị thông báo tình hình. Hội nghị Giơ-ne-vơ bàn về vấn đề Đông Dương sẽ họp vào ngày 26 tháng 4 năm 1954, tin chiến thắng trên khắp miền đất nước dội về Điện Biên Phủ. Nhưng A1 còn rất quyết liệt. Cứ điểm C2 đang rất gay go.

Các tiểu đội ở tất cả các đại đoàn có mặt ở Điện Biên Phủ đều sẵn sàng làm nhiệm vụ mang bộc phá lên mở cửa cho chiến thắng!

Trong đợt tấn công sắp tới - đợt thứ ba này, Bộ chỉ huy Mặt trận đề ra nhiệm vụ:

“... Đánh chiếm các điểm cao địch còn giữ một phần ở phía đông, tiêu diệt một số vị trí ở phía tây, tiêu diệt thêm một số bộ phận sinh lực địch, phát triển sâu hơn nữa trận địa tấn công và bao vây,

phát huy tất cả các thứ hỏa lực bắn tung thâm của địch, uy hiếp không phận còn lại của chúng, chuẩn bị chuyển sang tổng công kích”.

Hạ tuần tháng 4, toàn thể mặt trận được lệnh khẩn trương tiến hành công tác chuẩn bị chiến đấu.

Các chiến sĩ rất thú câu nói của đồng chí Phạm Văn Đồng lúc ấy là Phó Thủ tướng điện từ Giơ-ne-vơ về: “Chính các đồng chí mới là người làm công tác ngoại giao”.

Vậy thì quyết tâm gửi tới đồng chí Phó Thủ tướng tin chiến thắng của Điện Biên Phủ.

Đồi A1 được đặc biệt coi trọng. Đường ngầm đã đào sâu vào lòng đất, hướng tới lô cốt, hầm ngầm của địch.

Vòng vây của quân ta cứ ngày một thít chặt quanh cổ họng địch. Chúng càng giãy giụa thì cái sợi thừng vô hình ấy càng siết cứng cái yết hầu Mường Thanh ấy.

Từ chỗ coi thường Việt Minh không có súng lớn, không thể vượt qua được những khó khăn về địa hình hiểm trở, không có phương tiện vận chuyển đạn dược và lương thực để tiến hành một chiến dịch lớn, bọn địch đã bị dòn vào những tình huống không sao giải thích nổi. Việt Minh đã tấn công, đã buộc quân Pháp phải giơ lưng ra mà chịu cảnh: “Gậy ông đập lưng ông”. “Con nhím” Điện Biên Phủ đang ngắc ngoải.

6. ĐỢT TẤN CÔNG THỨ BA

Những chiến sĩ lần đầu ra trận

Tất cả để chiến thắng. Từ hậu phương, từng đoàn chiến sĩ trẻ đã nhằm theo hướng Tây Bắc, đi lên.

Mỗi cứ điểm của địch trong lúc này là một cuộc đọ sức không phải chỉ bằng súng đạn. Bọn địch ở phía 311A và 311B đã bị cắt rời. Đường trục nối liền hai cánh quân địch với nhau không còn nữa. Bọn địch phải tung ra một trung đội để giữ chặt con đường hào tiến vào cứ điểm. Một chiến sĩ trẻ đã xuất hiện ở đây. Anh như đang đi tìm ai. Tiểu đội trưởng Tiến bước ra hỏi:

- Đồng chí đi đâu?

- Báo cáo! Em đi đào chiến hào về thì bị lạc mất đơn vị.

- Đồng chí ở đâu?

- Dạ. Tiểu đoàn Nha Lục.

- Thế thì đơn vị ấy chuyển đi rồi.

Anh chiến sẽ trẻ không chút bối rối:

- Vậy thì em đề nghị anh cho em ở lại đây chiến đấu với các anh.

- Tân binh hả?

- Vâng. Em mới đến đây, nhưng khi còn ở nhà, em đã đánh du kích. Đánh giặc ở đâu mà chả được, anh nhỉ? Em còn đủ cơ số đạn đây.

Đoạn, người chiến sĩ ấy dốc bao đạn ra, đếm đủ 50 viên, nụ cười vẫn đậu trên môi anh.

- Đồng chí tên là gì?

- Em họ Lục. Lục Văn Xá.

Vừa nói, đôi chân Xá vừa giẫm lống bống trong chiến hào lầy bùn.

- Được. Đồng chí sẽ đứng gác ngay ở đây, tiểu đội tôi!

- Tuân lệnh!

Xá nói như reo lên. Chỉ thiếu hai gót chân không đánh được vào nhau vì bùn.

Xá rê súng hướng về phía quân địch. Một lúc lâu sau, thấy có cái đầu thằng Tây ngọ nguậy ở phía trước. Xá tì báng súng vào vai và nín thở. “Đoàng!” Tên giặc bật ngựa ra, chết luôn.

Đến chiều, Xá xin được nhận thêm nhiệm vụ để đợi tối hẳn sẽ đi tìm đơn vị. Bọn địch vẫn ngoan cố án ngữ trên đường ta tiến quân. Đại đội trưởng

Kha ra tận nơi nghiên cứu cách đánh thì gặp Xá. Anh nhận ra đây là một chiến sĩ lạ mặt và hỏi:

- Sao đồng chí lại ở đây?

Tiểu đội trưởng Tiến vội đỡ lời:

- Báo cáo, tôi đã nhận đồng chí Xá, ở tạm tiểu đội tôi.

Đại đội trưởng bằng lòng nhưng với điều kiện đến tối, Xá phải trở về đơn vị cũ.

Cuộc tranh chấp giữa ta và địch trên đoạn chiến hào trước mặt vẫn chưa ngã ngũ. Lúc này, cần gọi pháo của ta “đắm” xuống lưng địch, bắt chúng nó chúi xuống rồi quân ta tràn lên tiêu diệt, chiếm lấy trận địa. Song, hai bên ở gần nhau quá, đạn pháo có thể rớt lẫn vào quân ta. Tình thế cần một người bò sang phía quân địch, cắm ở đó một lá cờ làm chuẩn cho pháo ta bắn.

Đại đội trưởng tìm người để giao nhiệm vụ.

- Em! Em! Để em đi cho.

Đại đội trưởng quay lại. Suýt nữa thì anh phì cười. Cậu chiến sĩ lạc đơn vị vừa nói vừa cuống lên, đỏ cả mặt. Sợ đại đội trưởng không tin, Xá nói thêm:

- Tôi xin xung phong. Tôi làm được việc đó!

Tiểu đội quyết định chọn hai người. Xá và Hưng, hai chiến sĩ trẻ. Xá nhận lấy cờ và bò lên.

Không phải một lần mà ba lần anh bò lên cắm cờ giữa bom đạn địch như thế. Cờ cắm xong, pháo ta bắn. Địch bắn gãy cán cờ, Xá liền bò lên, thay cán, cắm lại. Tới lần thứ ba thì pháo ta đánh quy hảm hỏa lực địch. Các chiến sĩ lấp lưởi lê xông lên. Xá cũng lấp lê, xông lên cùng các đồng chí trong trung đội, tiểu đội chiếm lĩnh trận địa, bắt sống hơn 30 tên tù binh.

Chiều buông. Trời dần tối.

Lục Văn Xá gặp đại đội trưởng báo cáo xin được trở lại phía sau tìm đơn vị.

Không ai muốn chia tay Xá nữa, nhưng Xá không thể bỏ đơn vị. Đại đội trưởng có ý định mời Xá dự buổi bình công, báo công xong rồi hãy đi. Xá cười rất tươi:

- Báo cáo! Ở đâu chả là đánh giặc. Các anh cho tôi về ngay, kéo ngày mai đơn vị đi đánh chỗ khác, tôi không được tham gia...

Cả đại đội thân thiết nhìn theo bóng người chiến sĩ trẻ, nhỏ nhắn, thoăn thoắt nhẩy qua từng đoạn chiến hào nom nghịch ngợm như một chú thiếu niên mới lớn.

*

* *

Tiếng loa địch vận của quân đội Việt Nam vang lên đồng dục:

- Hỡi các binh sĩ Pháp! Các bạn nghĩ gì về cuộc chiến tranh bẩn thỉu này? Nó không đem lại lợi ích gì cho các bạn hết cả...

Những cái đầu rậm rịt tóc, những khuôn mặt xồm xoàm râu ria từ trong các hầm hố bẩn thỉu lộ ra lắng nghe và kinh ngạc. Trước mặt chúng rục rở những biểu ngữ của Việt Minh. Trên dây đôi khu đông pháp phối tung bay một lá cờ đỏ sao vàng cỡ lớn. Trên dòng sông Nam Rốm, những chiếc mảng lững lờ trôi như những thuyền hoa cắm đầy cờ và khẩu hiệu.

Tướng Đờ-cát chỉ còn biết quay điện thoại gọi pháo bắn vào nơi phát ra tiếng loa và những chiếc mảng nguy hiểm có sức làm tan rã ý chí chiến đấu của quân Pháp.

Bỗng đâu từ trong phía rừng xa, có tiếng sáo trúc của một chiến sĩ trẻ nào đó cất lên khúc nhạc hào hùng như lời đón chào một ngày chiến đấu mới.

Đồng chí tư lệnh đại đoàn đang nghe báo cáo tình hình chuẩn bị chiến đấu cho đợt tấn công mới dừng lại hỏi:

- Cho tôi biết tên người chiến sĩ vừa rồi.

Nửa giờ sau, trung đoàn trưởng báo cáo lên:

- Chiến sĩ đó tên là Hảo.

Tư lệnh trưởng vui vẻ:

- Có phải đó là đồng chí tân binh tôi gặp ở đồi Cháy nói chuyện về việc đào hầm đấy không?

- Báo cáo đúng đấy ạ!

Tư lệnh trưởng đặt ống nghe, lòng rộn lên một tình cảm trù mến. “Trần Văn Hảo”. Đồng chí vẫn còn nhớ lắm. Người chiến sĩ ấy lại vừa lập chiến công mới trên đồi A1. Khí phách, dáng đánh của Hoàng Văn Nô đã được người chiến sĩ này thực hiện tiếp: Trong hai đợt tấn công của quân Pháp vào trận địa, Trần Văn Hảo đã dùng lê đâm chết bảy tên giặc, cùng đồng đội đánh lui quân địch bật trở lại.

Có chiến sĩ lần đầu ra trận và cũng là lần đầu tiên được bắn súng - bắn thẳng vào quân giặc mà không qua một viên đạn bắn tập nào.

Đó là trường hợp tân binh Nguyễn Văn Mão, quê ở Kiến An. Nghe nói tội lính Pháp càn vào gây tội ác ở quê anh cũng đã được ném lên Điện Biên Phủ. Mão nhủ thầm: “Mình sẽ tập bắn súng để trả thù cho đồng bào”. Nhưng, khi ra trận địa, lại mới được giao công việc đào hào. Mão hăm hở đi ngay. Sau khi học cách đào, cách tránh đạn giặc, Mão hỏi luôn:

- Báo cáo! Nhỡ đang đào mà địch nó đánh ra thì làm thế nào?

Mọi người bật lên cười vui vẻ. Trung đội trưởng cho biết mỗi người sẽ được phát 4 quả lựu đạn. Khi giặc đến, ai ở đâu, cứ ở đó, không chạy lung tung. Nghe lệnh cán bộ hô ném vào đâu thì ném vào đó. Mão hồn nhiên:

- Nhưng mà em chưa ném lựu đạn bao giờ!

Vậy mà khi quân địch đánh tới, Mỗ đã ném rất trúng đích. Chưa hết, anh còn khéo léo xông lên đoạt súng của giặc. Lúc được nhận súng và tập bắn, Mỗ chỉ được bắn không có đạn. Vào trận, Mỗ bình tĩnh vừa bắn vừa theo dõi hướng đạn bay. Phát thứ nhất: Nó bay đi đâu mất, không biết. Phát thứ hai: Nhắm vào thằng này thì lại bắn trúng thằng kia! Phát thứ ba, mới đúng là thằng mà Mỗ định bắn nó thật.

Chỉ trong một trận đánh, Mỗ vừa bắn giặc, vừa đoạt súng giặc, vừa tập và sử dụng tại chỗ ba loại súng bộ binh!

Những chiến sĩ trẻ đã sẵn sàng trong thư thế bước vào cuộc tấn công thứ 3 quyết chiến và quyết thắng!

Mỹ thời cụp cánh “diều hâu”

Na-va tính kế: chạy đâu bây giờ?

Còn nhớ, ngày 7 tháng 12 năm 1954, sau khi cùng Cô-nhi lên Điện Biên Phủ kiểm tra lần thứ hai về kế hoạch chiếm đóng và xây dựng công sự ở đây, tướng Na-va đã vạch thêm một kế hoạch “phòng xa”. Ấy là việc ông ta nhắc Cô-nhi bí mật xúc tiến nghiên cứu kế hoạch rút quân sang Thượng Lào, nhằm khi... có làm sao thì còn đường mà chạy. Kế hoạch ấy gọi lóng là “Xê-nô-phông” (mượn tên

nhà viết sử đồng thời là vị tướng cổ Hy Lạp Xê-nô-phông của thành A-ten, từng tổ chức một cuộc rút lui một vạn quân do ông chỉ huy) để ám chỉ cuộc rút chạy của Điện Biên Phủ khi xảy ra.

Bây giờ, cái kế hoạch ngớ là “phòng xa” ấy, đã gần lắm rồi.

Trong suốt cả tháng 4 năm 1954, bọn phản động đầu sỏ trong giới cầm quyền Mỹ, đứng đầu là Ai-xen-hao ráo riết chuẩn bị kế hoạch “Điều hâu”. Song, bọn chúng đã bị nhân dân Mỹ phản đối kịch liệt. Ai-xen-hao và Đa-lét yêu cầu nghị viện Mỹ trao quyền cho Tổng thống sử dụng không quân để giúp Pháp tại Đông Dương và bay sang nước Anh, định kéo cả tên đế quốc già nua này vào cuộc. Nhưng, cả nghị viện Mỹ lẫn cái nước Ăng-lê chắc lép kia đều chân dò lảng ra. Vì chúng biết rằng chúng không thể thắng nổi một dân tộc đã đánh bại gần 50 vạn quân Pháp thiện chiến. Nước Anh sẽ “tham gia” bằng cách cử ngoại trưởng J-đơn đến họp Hội nghị Giơ-ne-vơ bàn về vấn đề Triều Tiên và hòa bình lập lại ở Đông Dương thôi. Thế là con “Điều hâu” của Mỹ phải cụp đôi cánh rách rưới chui vào chuồng. Ai-xen-hao thở dài tuyên bố: “Chính phủ Mỹ sẽ đợi kết quả của Hội nghị Giơ-ne-vơ trước khi có biện pháp giúp đỡ Pháp ở Đông Dương”.

Thế là Na-va quỳnh lên.

Tối trung tuần tháng 4, biết rằng con “Điều hâu” khó mà bay tới hà hơi cho Điện Biên Phủ được, Na-va bèn nghĩ thêm một kế hoạch mới nữa để chạy khỏi Điện Biên Phủ, gọi là kế hoạch “Công-đo”.

Đại để như sau:

- Na-va sẽ cho một lực lượng quân đội Pháp ở Lào đánh chiếm vùng Tây Trang tại biên giới Lào – Việt rồi tràn về Điện Biên Phủ. Đồng thời quân Pháp tại Điện Biên Phủ liêu chết phá vòng vây mở một đường máu tiến về Tây Trang, kết hợp với toàn quân ở đây chạy tháo về Lào. Bộ binh sẽ kết hợp với quân nhảy dù để tiến hành kế hoạch với sự yểm hộ mạnh mẽ của không quân.

Hai ông tướng Tây Na-va và Cô-nhi giảng co nhau mãi về cái kế “Công-đo” này, vì Cô-nhi sợ Điện Biên Phủ mà vỡ thì ở đồng bằng Bắc Bộ sẽ nguy to vì đại quân của Việt Minh sẽ từ trên đó kéo về. Cô-nhi chỉ gật đầu với Na-va khi thấy con “Điều hâu” không bay đến được như y hằng hy vọng.

Ngày 27 tháng 4-1954, Na-va ra lệnh cho Cô-nhi tiến hành kế hoạch “Công-đo”.

Nhưng quân đội Pháp ở Lào đã không thực hiện được kế hoạch đánh ra và nhảy dù xuống vùng biên giới Lào – Việt ở Mường Nhạ cách Điện Biên Phủ 50 km để đón quân ở Điện Biên Phủ ra. Vì, bọn bộ binh đi được nửa đường, sợ chết đã quay về. Bọn nhảy dù thế là cũng không dám “dù” xuống.

Na-va dành “hà hơi” cho Đờ-cát bằng 745 tên lính dù chưa nhảy dù bao giờ xuống cánh đồng Mường Thanh. Những tên lính này rơi lung tung, nhảy cả sang trận địa của quân đội Việt Nam và... nhờ vậy mà thoát chết.

Cà cuống chết đến đít còn cay, Na-va còn tính rằng: Sau chiến dịch Điện Biên Phủ, Việt Minh còn phải lấy lại sức, có làm gì thì cũng phải đến mùa đông. Y sẽ “ra tay” trước vào mùa thu. Và, như thế thì cần phải làm cho Hội nghị Giơ-ne-vơ thất bại!

Trong khi Na-va tính toán như thế, thì những tên lính đói khát, khổ sở ở Điện Biên Phủ đã giấu nhau nhặt những tờ truyền đơn của quân đội Việt Nam thả sang, giấu kỹ vào túi đồ phòng khi cần đến...

Ngày cuối cùng của tháng 4 năm 1954 trôi qua...

Tiến lên! Các đồng chí ơi!

Những ngày cuối tháng 4, Điện Biên Phủ như bị vông xuống vì mưa. Trên thình không, tiếng loa địch vận của bộ đội rót xuống đến đâu, trận địa của quân Pháp lạng đi đến đấy.

Sáng ngày 1-5-1954, các chiến sĩ Việt Nam chuyền tay nhau tờ báo “Quân đội nhân dân” xuất bản tại mặt trận có đăng bài phát động đợt

thi đua mới của Bộ chỉ huy Mặt trận bắt đầu từ 1 tháng 5 đến 19 tháng 5 để chào mừng ngày lao động Quốc tế và ngày sinh của Bác Hồ. Các chiến sĩ trẻ chỉnh đốn lại quân phục. Các anh đón giờ nổ súng như vào ngày Hội lập công dâng lên Bác. Những khẩu súng được lau sạch bóng. Những viên đạn vàng rực, chói nóng lửa căm thù sẵn sàng bay về phía quân thù. Từ lưỡi lê, thủ pháo đến dây giày đều được kiểm tra lại. Nhịp tim của các anh đập cùng nỗi nhớ mong tin chiến thắng, trận đánh trả thù quân cướp nước của hàng triệu đồng bào của hàng nghìn làng bản bị giặc đốt phá ở Tây Bắc - Điện Biên Phủ.

Đúng 12 giờ trưa – loạt pháo đầu tiên giội âm âm xuống trận địa pháo của địch. Cả khu Hồng Cúm như dúm lại, mù mịt trong khói lửa một tiếng đồng hồ liền. Cụm pháo của tên chỉ huy La-lăng nằm chịu đạn, không bắn trả được một phát nào. Ba ngàn viên đạn trong kho dự trữ của địch bị bắn nổ đùng đùng. Kho thực phẩm bốc cháy ngùn ngụt...

Cái cánh tay che chở cho Đờ-cát từ xa đã bị thương nặng.

Đêm mùng một tháng năm, đợt tấn công thứ 3 bắt đầu!

Cùng một lúc quân ta tiến đánh các điểm cao: C1, cứ điểm 311A, 505A, 505 và khu C ở Hồng Cúm.

Trên điểm cao C1, ta và địch đã giành đi, giật lại từng thước đất, từng ụ súng, từng mét chiến hào gần một tháng trời nay. Địch chiếm được lợi thế và đã đặt trên đó hai khẩu đại liên ngay tại cột cờ đỉnh đồi. Các chiến sĩ bên đồi D đã đưa hẳn hai khẩu sơn pháo lên nã sang cột cờ đó.

Hai đại đội xung kích chờ sẵn. Họ hẹn ước với nhau thi đua đánh chiếm thật nhanh cột cờ.

Loạt đạn pháo chuẩn bị vừa dừng. Có tiếng hô vang lên:

- Các đồng chí! Tiến lên!

Hai đại đội trưởng của hai cánh quân cùng ào lên.

Đại đội trưởng Quang trúng đạn hy sinh. Toàn đại đội vẫn tiến!

Tiếng thủ pháo nổ vang. Những bóng người ẩn hiện trong chớp đạn, đánh ập vào hai ụ đại liên.

Trung đoàn trưởng vừa báo cáo lên đại đoàn là đã hạ lệnh cho bộ đội xung phong thì đã nghe tiếng đại đội trưởng Di vang lên liên tiếp trong máy nói:

- Báo cáo! Chiếm được cột cờ rồi!

- Chiếm xong C1 rồi!

- Báo cáo! Chúng tôi đã tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch!

C1 từ nay mãi mãi thuộc về ta!

Hoan hô các đồng chí!

Tại cứ điểm 311A, đại đội Âu Phi vừa mới tới thay quân để tăng cường cho cứ điểm này đã bị pháo binh ta giúi đầu xuống đất.

Trong khi đó, các chiến sĩ trung đoàn Tam Đảo đã nhanh chóng dùng bộc phá, phá nốt hàng rào cuối cùng, xông thẳng tới Sở chỉ huy quân địch vào lúc tiếng pháo gầm trời vừa dứt.

- Xung phong!

Lưỡi lê lóe lên trong ánh lửa. Có những bóng đen từ trong lô cốt nhảy tháo xuống đường hào chạy thông sang cứ điểm 311B, định thoát thân. Nhưng, từ đêm hôm trước, đường hào này đã bị quân ta bịt kín.

- Giơ tay lên!

Những tên lính Âu Phi chưa kịp hoàn hồn sau trận mưa pháo đã hiểu ngay câu tiếng Việt đó. Chúng giơ thẳng tay, cụp mắt xuống trước đôi mắt sáng quắc của các chiến sĩ trẻ Việt Nam.

Cả đại đội địch bị tiêu diệt chưa đầy 30 phút.

311A đã về ta!

Tại cánh đồng Mường Thanh, trong chiếc hầm ngầm kiên cố, viên đại tá Lăng-gle loạng choạng dưới ánh cây đèn bão dung đưa vì sức nổ của đạn pháo, gào lên trong nỗi kinh hoàng, gọi La-lăng:

- I-da-ben! I-da-ben!... La-lăng! La-lăng! Việt Minh lọt cả vào cứ điểm rồi. Các anh bắn đi chứ!

Làm sao mà La-lăng bắn được đây!

Chiều nay, La-lăng đã điện cấp tốc về Hà Nội gửi gấp phụ tùng thay thế để sửa chữa những khẩu pháo bị đối phương bắn hỏng. Hà Nội chưa kịp trở tay thì đối phương đã ra tay trước. Căn hầm của La-lăng cũng đang rung lên như trong cơn sốt rét. Gã không thể làm được gì để cứu ứng cho Mường Thanh nữa đâu. Ngay tại Hồng Cúm này, đối phương cũng đang tung hoành ở khu C. La-lăng có nghe thấy tiếng kêu của Lăng-gle, nhưng hấn không trả lời.

Còn, ở Sở chỉ huy đại đoàn Nam Định, chuông điện thoại cũng reo vang. Đồng chí tham mưu trưởng cầm lấy ống nghe:

- Nam Định đây phải không? Biên Hòa đây!

Đồng chí tham mưu trưởng đại đoàn Nam Định thoáng vẻ lo âu. Lần đánh trước, đại đoàn bạn trách

đồng chí chỉ viện yếu, để cho pháo địch gây khó dễ cho bộ binh. Còn lần này? Đồng chí từ tốn trả lời:

- Vâng. Nam Định đây. Có việc gì thế?

Ở đầu dây bên kia, tiếng trả lời như reo lên:

- Hoan hô các đồng chí! Các cậu kiểm chế địch hay lắm! Cứ như hôm nay thì thật tuyệt!

Cả hai đồng chí tham mưu trưởng cùng phấn khởi “bắt tay” nhau qua đường dây điện thoại.

Tại cứ điểm 505, quân địch cố sống cố chết chống lại các đợt xung phong của quân ta. Chúng chỉ chịu thua khi đợt tiếp viện mới đã đến.

Tới 4 giờ sáng ngày 2 tháng 5 năm 1954, quân ta hoàn toàn chiếm lĩnh hai cứ điểm 505 và 505A.

Thế là, chỉ trong một đêm, Đờ-cát mất 4 cứ điểm.

Sang ngày 3-5-1954, quân ta chiếm thêm cứ điểm 311B trong hơn 50 phút.

Thế là khu đông, sau khi mất C1 cụm này như cái kiềng chỉ còn 2 chân là A1 và C2. Máy cứ điểm nằm dưới kia bên sông Nậm Rốm chỉ còn biết phơi mình ra chờ ăn đạn.

Mất 2 cứ điểm 311A, 311B, Sở chỉ huy của Đờ-cát đã bị uy hiếp.

Cả tập đoàn cứ điểm của địch thế là bị kẹp giữa hai gọng kìm thép.

“Sáng kiến” thứ ba của “Bại tướng” Na-va và cuộc bắt thăm khốn khổ của “Yếu tướng” Đờ-cát

Na-va lại bổ nhào từ Sài Gòn ra Hà Nội ngay sau hôm bộ đội mở đợt tấn công thứ 3 vào tập đoàn Điện Biên Phủ. Ngay cả Cô-nhi cũng được báo trước đã hết đến nơi rồi những ngày tháng huyênh hoang. Ngài Đại tướng sắp trở thành “Bại tướng” ở Điện Biên Phủ nói riêng và toàn chiến cục Đông Dương nói chung.

Kế hoạch “Điều hâu” thành lời hứa hươu. Chiến dịch Át-lăng xiết bao hy vọng thì đang lặn vào bãi lầy. Âm mưu tập trung quân để “đắm” cho đối phương những quả “đấm sắt”, cuối cùng chỉ để lại cho “Bại tướng” vền vẹn 3 tiểu đoàn dự trữ cả chiến trường Đông Dương.

Cô-nhi và toàn bộ sậu tham mưu của hắn được Na-va gọi đến để bàn. Ngài đại tướng bàn rằng:

- Hội nghị Giơ-ne-vơ chắc còn lâu mới xong. Khả năng ngừng bắn có thể xảy ra. Hãy cố giữ Điện Biên Phủ một thời gian nữa. Ngài sẽ cho Cô-nhi một trong 3 tiểu đoàn dự trữ còn lại để cầm cự.

Vừa mới bàn kế ấy xong, Na-va lại nảy ra một “sáng kiến” nữa:

- Nên tổ chức cho Đờ-cát thả quân thảo chạy sang Lào trong khoảng hai, ba ngày với lý do: Chính phủ Pháp không muốn để cho quân đội viễn chinh phải đầu hàng. Và Na-va cũng ngại để quân đồn trú bị tiêu diệt.

Quy mô rút lui lần này có nhỏ hơn, bớt phần “vẽ vang” cho quân đội Pháp ở đây hơn. Song, yên trí – Na-va còn tàn nhẫn và láu cá quyết định bỏ lại toàn bộ thương binh và nhân viên y tế. Y cho rằng: Đối phương sẽ không sát hại tù binh là thương binh, nhân viên y tế. Số quân tàn tật ấy, sẽ được đối phương trao trả lại. Như vậy, quân đội Pháp sẽ không mất gì hết!

Cô-nhi và bộ sậu của y không ai tin kế hoạch ấy thành công, nhưng không ai tìm ra cách nào hơn. Cô-nhi còn lo cái đã tan rã từ Điện Biên Phủ sẽ kéo về làm tan hoang nốt hàng ngũ quân đội viễn chinh ở đồng bằng sau đó. Nhưng còn cách nào nữa?

Để thêm phần mĩ miều, kế hoạch thảo chạy này được mang tên “Chim biển” – sáng kiến thứ 3 của “Bại tướng” Na-va. Bọn ở Điện Biên Phủ sẽ chạy như sau:

“Quân đồn trú sẽ chia làm nhiều bộ phận rút bằng nhiều đường theo hướng nam, qua thung lũng Nậm Nưa đến Mường Nhạ, Nậm Hợp, Nậm Hu sau đó kéo về Mường Sơn và cánh đồng Chum.

Một lực lượng gồm bốn năm tiểu đoàn Bắc Phi và lính Lào sẽ tạo nên một hành lang an toàn tại thung lũng Nậm Hớp”.

Thế là gọn!

Tướng Cô-nhi chuyển mệnh lệnh đó cho Đờ-cát và dặn thêm: Nhớ phá hủy toàn bộ vũ khí và để lại hai ba ngày lương ăn cho thương binh. Rồi, phải hết sức bí mật. Còn cầm cự được thì cầm cự. Ngày giờ, do Đờ-cát quyết định lấy.

Đờ-cát nhận lệnh xong, ngồi chết đếng. Y chỉ còn lựa chọn một trong hai cách: Cái chết và cái nhục đầu hàng. Cái gì chứ chết thì y chưa muốn.

Ngày 4 tháng 5 năm 1954, Đờ-cát bảo Lăng-gle cho triệu tập các sĩ quan tới hầm chỉ huy. Trong lúc chờ đợi, ông thiếu tướng vội đi thăm thương binh. Mùi hôi thối của vết thương và giới bộ cùng cảnh nhếch nhác, tang thương nơi chứa binh sĩ què quặt, bệnh tật... khiến Đờ-cát choáng váng, kinh hãi, chuồn thẳng về hầm chỉ huy sau vài lời úy lạo sông.

Bây giờ, trên một diện tích ngày một thu hẹp, ông tướng mới và gần một vạn quân đang đứng trước một thảm họa.

Sau khi nghe xong kế hoạch rút lui, bọn sĩ quan ngổ ngáo nhất như Lăng-gle, Bi-gia cũng tối

mặt lại. Chúng thừa biết, rút lui bây giờ là đâm đầu vào chỗ chết.

Nhưng rồi kế hoạch ấy cũng phải bàn xong.

Tất cả sẽ chia làm 3 toán. Toán lính dù do Lăng-gle và Bi-gia chỉ huy. Toán lính lê dương và Bắc Phi do Lơ-mơ-ni-ê và Va-đô chỉ huy. Toán ở Hồng Cúm do La-lăng chỉ huy. Ba toán rút ra bằng ba hướng khác nhau mà sang Lào.

Tới lúc bàn xem toán nào đi theo hướng nào thì các ông chỉ huy, ông nào cũng thích đi về hướng Nam, vì hướng ấy có vẻ an toàn nhất.

Tử thần đang lượn lơ trên đầu, khiến các ngài chỉ huy đột nhiên hùng hổ lên, không ai chịu nhường ai, thậm chí ông thiếu tướng cũng bất lực, không tài nào còn đủ uy tín và khả năng giải quyết được nữa.

Cuối cùng, ngay trước mặt vị thiếu tướng, bậc chỉ huy cao của quân đội viễn chinh lừng lẫy trong “thế giới tự do” Pháp, đã diễn ra cuộc bốc thăm của các ngài chỉ huy, xem ai sẽ chạy ra bằng hướng nào.

Từ giờ phút ấy, ông thiếu tướng đã trở thành... “Yếu tướng”! Và lại, Đờ-cát còn có thể làm gì hơn được nữa?

Không cho chúng nó ra!

Giờ cáo chung của những cao điểm phòng ngự cuối cùng bọc quanh khu trung tâm Mường Thanh và hầm chỉ huy của Đờ-cát đã điểm.

Hiệu lệnh tiến công của bộ đội trên toàn mặt trận là tiếng nổ của khối bộc phá lớn ở điểm cao A1.

Các chiến sĩ ta đã “dũ” vào ruột đồi A1 một con đường hầm dài gần 50 mét. Chỉ bằng cái xẻng miệt mài suốt 16 ngày đêm và đưa vào đó một tấn thuốc nổ. Sáu đường dây giông từ trong nơi đặt bộc phá đã chuẩn bị xong. Một tình huống éo le được đặt ra: Nhỡ sau khi bấm điện và nự xòe, bộc phá không nổ thì sao? Hội nghị chỉ bộ Đảng lập tức được triệu tập ngay bên chiến hào. Hai đồng chí đảng viên tình nguyện mỗi người sẽ ôm 20 ki-lô-gam bộc phá, giật sẵn nự xòe lao vào đường ngầm hoàn thành nhiệm vụ.

Lệnh cho nổ bộc phá đúng vào lúc 20 giờ 30 phút ngày 6 tháng 5 năm 1954.

Trên đồi A1, một tia chớp lóe lên cùng với cột khói dày đặc, kèm theo một tiếng “ục” nặng nề! Các mũi tiến công đã trông thấy cột khói hiện ra trong ánh lửa đạn, liền nhất loạt nổ súng!

Khối thuốc nổ đã bốc tung một mảng công sự bên hầm ngầm, tiêu diệt một số quân địch và làm choáng váng những tên gần. Chúng chạy ào ra

ngoài công sự đứng vào lúc bộ binh ta xung phong lên. (Do địa bàn mất hiệu lực từ trường trong hầm ngầm, nên đường hầm bị chệch).

Bọn địch ở hầm ngầm và bên lô cốt số 17, khu B, khu C và trận địa súng cối của chúng cố sống cố chết chống cự để chờ viện binh từ Mường Thanh lên và chờ trời sáng.

Bên lô cốt số 17, có ụ đại liên lợi hại được giấu rất kỹ, bọn chúng chỉ nổ súng khi thấy quân ta nhô lên. Tiểu đội trưởng Phấn xin mang bộc phá lên, quyết bắt nó phải câm họng. Nếu cần, anh sẽ lao cả người lẫn bộc phá vào ụ súng. Phấn sẽ đánh theo cách đánh của Lý Văn Mưu ở Đông Khê. Đơn vị tổ chức hỏa lực yểm hộ cho Phấn. Anh đã tìm cách bò tới an toàn và diệt được ụ súng. Lô cốt 17 lập tức thành hỏa điểm của ta đón đánh bọn tiếp viện. Tới nửa đêm, quân ta diệt được khu B rồi đánh chiếm khu C. Đến 2 giờ rưỡi sáng ngày 7 tháng 5, trận địa súng cối bị diệt. Và, đúng 4 giờ rưỡi sáng cùng ngày, đồi A1 hoàn toàn thuộc về quân ta. Thế là sau 38 ngày đêm, lúc tiến công, khi phòng ngự giành giật với quân thù từng tấc đất; các cán bộ và chiến sĩ trung đoàn 174 đã vượt qua muôn vàn hy sinh, gian khổ, dầm mình trong mưa bom bão đạn, người này ngã, người khác xông lên, bền gan vững chí diệt thù. Trận tiêu diệt A1 là một trong những trận đánh ác liệt nhất, và thắng lợi vang dội nhất trong chiến dịch

Điện Biên Phủ. Chiếm được A1, coi như quân ta đã cắt được “cái cổ họng” của Điện Biên Phủ. Tên phó quan Pu-giê của Đờ-cát và gần 200 tên lính Pháp còn sống sót ở A1 đã giơ cao tay đầu hàng.

Cái kiềng ở cụm phòng ngự này (A1, C1, C2) thế là đã bị cắt mất 2 chân.

Còn lại C2. Tại đây, có 2 tên quan tư và hơn 600 lính của 6 đại đội thuộc tiểu đoàn dù lê dương số 2 và tiểu đoàn dù ngự số 5. Bọn địch ngoan cố dựa vào công sự và chi viện của Đờ-cát ở Mường Thanh. Song, sau khi chiếm A1, từ bên đó, quân ta bắn sang áp đảo địch phối hợp với các đơn vị đang chiến đấu ở C2, khiến cho 8 trung đội của địch tới phản kích phải bỏ chạy về Mường Thanh. Đến 9 giờ rưỡi sáng thì C2 bị xóa sổ. Hai tên quan tư bị tóm cổ.

Cũng thời gian ấy, cứ điểm 506 của địch ở gần đó cũng bị quân ta tiêu diệt nốt.

*

* *

:

Trong đêm ngày 6 tháng 5 năm 1954, năm chiếc máy bay Đa-cô-ta của địch chở một đại đội lính dù dự bị cuối cùng của Na-và tới tăng cường cho Mường Thanh cứ lượn lơ mãi tít trên cao, không sao nhận được tín hiệu đèn xanh để thả dù. Máy bay yêu cầu thôi bắn pháo sáng và bật đèn lên. Song, bọn

Lăng-gle và Bi-gia sợ chết – tắt pháo sáng là bịt mắt quân Pháp cho đối phương tràn vào. Máy bay phải chờ bọn lính quay về Hà Nội...

Sáng ngày 7 tháng 5, Cô-nhi gọi vô tuyến điện thanh cho Đờ-cát để “nắm tình hình”. Đờ-cát thưa rằng chỉ còn cách cho đại bộ phận chạy tháo về phía Nam. Cô-nhi đồng ý. Và, Đờ-cát sẽ phải ở lại với bọn lính bị thương và số còn lại. Cô-nhi đồng ý nốt.

Ấy là hồi 10 giờ sáng.

Đến trưa, Bi-gia cuống lên, nói với Đờ-cát:

- Nếu ngài ưng thuận, đêm nay tôi sẽ cùng binh lính rút chạy. Nhưng phải làm cho quân Việt lầm tưởng là chúng ta cố thủ ở đây. Như vậy, trong khi quân đồn trú chạy, tại đây các cỗ súng cứ phải tiếp tục bắn thật nhiều.

Đờ-cát ưng thuận:

- Được. Chính tôi sẽ ở lại. Tôi sẽ cho lệnh bắn suốt đêm!

Trận đánh của người cầm cờ “Quyết chiến – Quyết thắng”...

Trong trận đánh mở đầu cho chiến dịch tại cứ điểm Him Lam ngày 13 tháng 3 năm 1954, có một đồng chí đảng viên trẻ, tiểu đội trưởng tiểu đội mũi nhọn đã cầm lá cờ “Quyết chiến quyết thắng”

của Hồ Chủ tịch giao cho quân đội lên đồn giặc. Khi nổ súng, mặc cho hỏa lực địch bắn ra dữ dội, đồng chí đã dẫn đầu tiểu đội vượt qua lô cốt tiền duyên, chọc thẳng vào đánh chiếm Sở chỉ huy như một mũi dao nhọn cắm vào giữa tim gan địch, rồi nhảy lên lô cốt cắm cờ. Sau đó, đồng chí lại tiếp tục chỉ huy tiểu đội diệt bọn giặc còn lại trong hầm ngầm, bắt 25 tên, thu nhiều súng.

Đó là anh Trần Can.

Tối trận đánh điểm cao 507, Trần Can lại có mặt vào lúc nóng bỏng nhất. Trước lúc vào trận này, anh đã là trung đội trưởng.

Từ ngày đánh Him Lam đến hạ cứ điểm 507, Trần Can đã qua những ngày đào hầm, phòng ngự, đánh địch trên điểm cao C1. Lần nào gặp địch, anh cũng vẫn giữ cách đánh dũng mãnh, thông minh, kiên quyết và luôn luôn đuổi quân địch ra khỏi trận địa. Các chiến sĩ trẻ mới được bổ sung về đơn vị Can rất chóng mền phục anh. Mọi người thường kể cho nhau nghe về vết sẹo nhỏ trên má anh. Đó là dấu tích của tuổi ấu thơ, năm lên 7 phải đi chăn trâu cho địa chủ, bị ngã. Sau đó tên địa chủ đuổi và quết luôn cả tiền công. Chú bé Can ngày ấy, đã có lần nằm khóc trong lòng một anh vệ quốc quân khi anh hành quân qua làng về nổi còn bé chưa đi đánh giặc, vào bộ đội được. Can

còn người mẹ và cô em gái ở nhà. Mẹ vào Hội mẹ chiến sĩ, và em đã được đi học. Anh không bao giờ quên được những ngày cơ cực trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Những lần chỉ huy anh em trong tiểu đội, trung đội đánh địch, anh bình tĩnh chỉ bảo cách đánh và bảo vệ đồng chí khỏi thương vong. Các chiến sĩ mới nhờ đó trưởng thành rất nhanh. Anh em thân ái gọi anh là “bức tường đồng”. Lúc chiến đấu, có anh ở bên cạnh ai cũng yên tâm phấn chấn.

Điểm cao 507 là nơi hiểm yếu của địch. Để mất 507, có nghĩa là sẽ mất luôn cứ điểm 509. Mà, 508 thì ở gần ngay hẻm chỉ huy của Đơ-cát rồi! Vì vậy, chúng chống cự rất ác liệt. Vào trận, anh dẫn đầu tiểu đội dao nhọn xông lên áp đảo địch, chiếm mồm cột cờ. Địch bắn đại bác về và cho quân chiếm lại. Ta với địch giành nhau từng thước đất hết sức quyết liệt. Trần Can đã cùng đồng đội đánh bại bốn đợt phản kích của giặc. Địch lại mở đợt công kích thứ năm. Chúng ném lựu đạn tới tấp trước lúc xung phong. Trần Can nhặt ném trả lại và nhảy lên hào đánh giáp lá cà với địch. Cán bộ đại đội bị thương vong hết. Bản thân anh cũng đã bị thương. Lệnh truyền lên: “Trần Can phụ trách thay đại đội phó, tiếp tục chỉ huy đánh thẳng vào trung tâm”. Anh đã quyết tâm và anh dùng chỉ huy đại đội chiến đấu suốt đêm 6-5-1954.

Sáng hôm sau anh tập hợp thương binh nhẹ lại, động viên các chiến sĩ còn sức chiến đấu, củng cố lại trận địa và tìm cách đánh có hiệu quả nhất. Anh phát hiện ra đám dây thép bùng nhùng, tiểu đội bộc phá đã đánh tới quả thứ 3, vẫn chưa hết. Đồng chí tiểu đội trưởng bộc phá ôm quả thứ tư định lao lên. Trần Can giữ lại:

- Đánh sang đám hàng rào giàn mướp dễ hơn.

Hỏa lực của địch vẫn còn mạnh. Lại có tin đại đội trưởng và chính trị viên phải rời trận địa. Tiểu đoàn chỉ định Trần Can thay. Anh nhanh chóng bố trí lại hỏa lực, cho điều tiểu đội bộc phá lên đánh tiếp. Bất ngờ, từ trong một ngách hầm bí mật của địch còn giấu kín, một tốp giặc nhẩy ra phản kích quyết liệt. Trần Can giằng ngay lấy một quả bộc phá ném thẳng vào giữa lũ quỷ ác. Tiếng nổ ầm vang hất tung đám giặc trong cụm khói mù mịt, khét đấng. Trần Can hô anh em đánh thốc vào con đường tui địch vừa hiện ra, xông thẳng vào tung thâm. Một quả trọng pháo chọt văng tới. Trần Can gượng dậy gọi một chiến sĩ. Nhưng anh đã bị thương quá nặng. Anh chiến sĩ cúi xuống, kịp nghe anh nhấn lại:

- Tuất... và anh em ở lại chiến đấu...

Anh ngừng lại lấy hơi:

- “Đảng Lao động Việt Nam... muôn năm!”. Và,

tay anh vẫn còn giữ chặt khẩu tiểu liên ở tư thế xung phong!

Đến 15 giờ rưỡi, đại đội của anh đã chiếm xong điểm cao 507. Toàn đơn vị ào lên đánh quật sang cao điểm 508, vượt qua cầu sắt, xuyên thẳng vào khu trung tâm Mường Thanh tới hầm Đờ-cát...

Các đơn vị bạn cũng từ A1 đánh xuống A3, từ phía tây xuyên vào cứ điểm 316 cắm một mũi dùi vào sát Sở chỉ huy địch, từ phía tây bắc xuyên vào khu trung tâm...

**Trở trâu thay,
nổ đường về tướng “Đờ” vĩnh biệt...
lời thề cho xong!**

Tướng Cô (Cô-nhi) lại nói chuyện với tướng Đờ (Đờ-cát) trong hôm mồng 7 tháng 5 năm 1954 lịch sử ấy.

Cô-nhi hét tướng lên như muốn át tất cả các làn sóng nhiều:

- Ông không được đầu hàng nghe không! Không được kéo cờ trắng! Ông phải tự sát tại trận!...

Đờ-cát trả lời không biết vì đau khổ hay còn vì cái gì khác khi sau đấy hẳn ta đã làm khác đi lời thề sau đây:

- Xin lấy danh dự quân nhân mà hứa với ngài như thế. Đây là một người đã hy sinh suốt đời cho quân đội nước Pháp! Xin gửi lời chào vĩnh biệt!

Cô-nhi:

- Tốt lắm. Tôi tin vào lời hứa danh dự của ông. Tổ quốc sẽ coi thiếu tướng là một trong những bậc anh hùng thanh khiết nhất. Vĩnh biệt!

Và đây...

Từ các hướng khác nhau, bộ đội nhận được lệnh tổng công kích!

Khi thế của các chiến sĩ mạnh như vũ bão.

Các cánh quân ta tiến đến đâu là ở đó một rừng cờ trắng xuất hiện ở phía quân địch. Tất cả cứ như là quân sĩ của Đờ-cát đã làm theo đúng như nhận định của Bộ chỉ huy Mặt trận ngay khi ta sắp chiếm cứ điểm 407: “Thời cơ tổng công kích đã đến!”

Đúng 15 giờ ngày 7 tháng 5 năm 1954, toàn thể các đơn vị tại mặt trận Điện Biên Phủ nhận được mệnh lệnh sau đây:

“Địch đã đến lúc tan rã. Các đại đoàn không cần đợi trời tối, phải lập tức mở cuộc tổng công kích vào Mường Thanh. Đơn vị phía đông đánh thẳng vào khu trung tâm. Đơn vị phía tây giáp công sang, cùng tiến vào Sở chỉ huy của địch. Phải

đánh thật mạnh, bao vây thật chặt, không để cho Đờ-cát và bất cứ một tên địch nào chạy thoát”.

*

* *

Tại phía đông, trung đoàn Hòn Gai - trung đoàn của anh Trần Can - thừa thắng tiến thẳng về phía Mường Thanh.

Như một cơn gió lốc, trung đội trưởng Chu Bá Thệ cùng đơn vị anh vượt qua cầu Mường Thanh theo vết xe tăng địch tiến vào khu trung tâm. Bắt được một tên thiếu úy ngự quân, anh hỏi:

- Hầm của Đờ-cát đâu?

- Thưa anh ở chỗ kia...

Nghe xong báo cáo của Chu Bá Thệ, đại đội trưởng Tạ Quốc Luật lập tức cùng hai chiến sĩ Vinh và Nhỏ chạy lên. Cả ba người cùng bước vào “Đại bản doanh” của Bộ chỉ huy tập đoàn cứ điểm “bất khả xâm phạm” hay “con nhím thép”!

*

* *

Sau khi nói chuyện, thề thốt với Cô-nhi xong, Đờ-cát chuẩn bị “tự sát” như thế này:

Y thay quần áo sạch sẽ, chụp chiếc mũ chào mào màu tiết dê lên đầu hằm hoi và không quên

đính một cặp huân chương trước ngực. Y cho gọi Bộ tham mưu tới tề tựu xung quanh. (Cảnh “tự sát” thật là trang trọng!)

Ngoài kia, tiếng reo tấn công của đối phương đã tràn vào tận trong hầm chỉ huy của Đờ-cát. Y chờ đợi. Chờ đợi một cái gì mà y chưa sao hình dung nổi. Hai ngôi sao tướng lạnh ngắt và tro trên trên cầu vai áo y. Bộ mặt thần thờ, tái nhợt của y bỗng biến sắc. Có ba quân nhân Việt Nam bước vào. Hai người rất trẻ. Y chưa biết hoặc nghĩ mình là cố tướng nên vẫn không nhúc nhích. Lập tức một chiến sĩ trẻ chìa lưỡi lê sáng quắc vào ngực y. Đờ-cát giật mình trước tiếng hô mà y hiểu là “giơ tay lên!”. Ông “yếu tướng” tránh cái nhìn rực lửa căm thù của người chiến sĩ nhỏ bé ấy mà vội vàng giơ luôn hai tay lên, miệng đáp ứng câu tiếng Pháp có nghĩa là:

- Xin đừng bắn tôi...

Thì ra, ông thiếu tướng này cũng biết sợ chết mà thúc thời “vĩnh biệt” luôn cái lời thề nguy hiểm của ông ta trước cấp trên - kẻ đại diện cho giới quân nhân và thay mặt cho nước Pháp yêu cầu ông!

Đờ-cát càng yên trí thoát chết hơn khi y thấy vị sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam biết nói tiếng Pháp và tất nhiên đã hiểu cái câu y vừa nói lúc giơ tay hàng là gì...

Sau đó, Đờ-cát và toàn Bộ tham mưu của hấn ngoan ngoãn chui ra khỏi hầm, đi giữa hai nòng súng của hai chiến sĩ trẻ Việt Nam về Sở chỉ huy của Đại đoàn Bến Tre - Đơn vị đánh trận mở màn của chiến dịch Điện Biên Phủ và cũng là đơn vị tóm cổ toàn bộ cái Bộ tham mưu “con nhím” này.

Chiến thắng!

Thế là cái bẫy đã sập. Sập gọn.

Đến tối ngày 7-5-1954, tên đại tá La-lăng ở Hồng Cúm cùng với hai ngàn tên lính liều lĩnh đâm đầu chạy vào rừng định thoát sang Lào sau khi ngoan cố không chịu đầu hàng theo tiếng loa gọi hàng của quân đội Việt Nam.

Song, bóng đêm và rừng rậm cũng không thể che chở, cứu mang chúng.

Trung đoàn Nho Quan của ta đã lập tức truy kích. Các chiến sĩ dùng nứa, đốt đuốc lửa vào bóng tối như những con rồng lửa, đuổi bắt không sót một tên. Nhiều tên còn tìm đến nơi có ánh đuốc để nộp thân cho chắc sống. Gã đại tá La-lăng và toàn bộ cơ quan tham mưu của hấn cũng tề tựu đông đủ để tới địa điểm họp mặt với Đờ-cát và đồng bọn cho đủ bộ sậu!

- Quân địch đầu hàng rồi!

- Quân ta đại thắng rồi!

Bản tin đêm của Đài Tiếng nói Việt Nam đưa tin quân ta thắng ở Điện Biên Phủ, Đờ-cát đã đầu hàng!

Tin mừng đã đến với bạn bè, đồng chí của ta trên khắp năm châu!

Tin mừng đã đến với đồng chí Phạm Văn Đồng ở Hội nghị Giơ-ne-vơ sẽ họp vào ngày hôm sau 8-5-1954. Đồng chí Phó Thủ tướng đã nhận được món quà vô giá của những chiến sĩ làm công tác ngoại giao trên chiến trường Điện Biên Phủ anh hùng!

Kẻ thù của chúng ta ở Hội nghị Giơ-ne-vơ định dùng Điện Biên Phủ để mặc cả với chúng ta. Chúng bị chặn đứng, và đã bị phá sản một âm mưu nham hiểm.

Đồng chí Mô-lô-tốp, trưởng đoàn đại biểu của đất nước Lê-nin, thay mặt nhân dân Liên Xô nhiệt liệt chúc mừng và sung sướng khi nghe đồng chí Phạm Văn Đồng tuyên bố ngay hôm bước vào Hội nghị Giơ-ne-vơ:

- Tôi thay mặt Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho phép chính phủ Pháp chuyên chở thương binh ở Điện Biên Phủ!

*

* *

Đêm hôm 7-5-1954, Điện Biên Phủ đã thức.

Suốt 55 ngày đêm bão lửa đã dừng. Cuộc vui mừng chiến thắng - của các chiến sĩ và đồng bào kéo dài đến sáng. .

Pháo sáng, pháo hiệu xanh đỏ bắn lên trời thay pháo hoa đã nhuộm rực rỡ một miền rừng núi bất khuất, anh dũng, đẹp tươi. Ánh sáng của pháo hoa bay và ánh trăng non soi rõ lá cờ “Quyết chiến quyết thắng” của bộ đội ta kiêu hãnh bay trên nóc hầm của viên bại tướng Đờ-cát.

Ánh trăng và ánh sáng pháo hoa bay soi hớn hỏ và tươi vui, tràn đầy dáng thanh xuân kiên cường và đẹp đẽ của những chiến sĩ trẻ vừa làm tròn một trách nhiệm vẻ vang với Tổ quốc Việt Nam muôn quý ngàn yêu.

Tổ quốc ta đã chiến thắng!

Quân đội ta đã chiến thắng!

Nhân dân ta đã chiến thắng!

Và tuổi trẻ Việt Nam đã ghi thêm vào trang sử của thế hệ thanh niên mang tên Bác Hồ Chí Minh một trang rất vẻ vang...

Vinh quang này là nhờ có Đảng Cộng sản Việt Nam anh hùng và chủ nghĩa Mác - Lê-nin bất diệt!

PHẦN III

SÁNG MÃI TINH THẦN ĐIỆN BIÊN PHỦ TRẺ MÃI VỚI TUỔI TRẺ ĐIỆN BIÊN!

Hàng năm theo lịch thời gian, ngày cuối cùng của tháng Tư trước, đất nước ta kỷ niệm ngày Đại thắng mùa xuân của chiến dịch Hồ Chí Minh vĩ đại, thì đúng một tuần lễ sau, ngày thứ 7 của đầu tháng 5, cả nước ta lại tự hào ôn lại chiến thắng vẻ vang Điện Biên Phủ. Lịch sử Việt Nam có những cái mốc tiếp nối, kế thừa và nhắc nhở tự nhiên nhưng không phải ngẫu nhiên mà có. Chiến công nào cũng để lại ánh vinh quang.

Thời gian có trôi đi, qua từng thập kỷ, nhưng sức sống mãnh liệt của chiến thắng Điện Biên Phủ vẫn cứ rất gần và luôn luôn mới mẻ với chúng ta. Dấu vết chiến tranh trên cánh đồng Mường Thanh giờ nhiều nơi lúa và cây xanh đã che kín hoặc mọc lên những công trình mới. Nhưng nhiều năm sau - chắc chắn như thế, trong lòng đất Điện Biên vẫn chưa hết đâu, những mảnh vụn của các loại vũ khí. Và trong gia phả của mỗi gia đình, lịch sử của

các bản làng bị quân Pháp triệt hạ, giết chóc vẫn khắc sâu vào trí nhớ của các thế hệ tiếp theo. Em gái bé mồ côi cha mẹ ở Long Nha, Cò My ôm lấy anh bộ đội mà khóc trong buổi giặc tàn sát dã man ngày 10-4-1954, hôm nay đã trở thành người mẹ. Và, anh chiến sĩ trẻ đánh trận cuối cùng vào hầm Đờ-cát, nay tóc cũng đã hoa râm. Kể cả những viên tướng, viên tá và những người lính Pháp thoát chết nhờ lượng khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta, cũng còn nhiều kẻ còn sống, mỗi khi nhớ tới Điện Biên Phủ, chắc khó vui và không khỏi bàng hoàng.

Ngày ấy, Tổ quốc ta còn nghèo hơn bây giờ nhiều lắm. Nghèo đủ mọi thứ. Chỉ có một thứ giàu để lại đến tận hôm nay và mai sau thêm giàu có mãi lên, ấy là lòng yêu nước cùng chí căm thù giặc.

Chiến thắng Điện Biên Phủ làm đổ sụp cái mộng chiếm đoạt Đông Dương trở lại của tên đế quốc Pháp già cỗi và chứng minh hùng hồn cho sức trỗi dậy của một dân tộc vì độc lập tự do đã làm cuộc kháng chiến 9 năm từ gậy gộc, giáo mác trên con đường theo chủ nghĩa Lê-nin do Bác Hồ mang về.

Những thước phim tài liệu hôm nay cho chúng ta xem, giúp cho chúng ta thấy phần nào quang cảnh hùng vĩ bao la của Tây Bắc cùng những cố gắng phi thường của đồng bào và chiến sĩ ta chuẩn bị và chiến đấu để chiến thắng ở Điện Biên Phủ

như thế nào. Điều đó nhắc chúng ta nhớ: Chiến thắng nào cũng phải trả giá bằng những hy sinh vô giá. Chiến thắng Điện Biên là gia tài của các liệt sĩ, chiến sĩ để lại cho chúng ta.

Những bức ảnh tư liệu giúp các thế hệ sau thấy được cái cảnh rũ rượi, ngổn ngang, tơi bời của khu Mường Thành cùng bộ mặt thối thẹn của lũ quân tướng Pháp bị bại trận, bị tiêu diệt, điều đó cũng nhắc nhở: Còn những thứ tội ác khác, những kẻ thù khác nữa dã man hơn thế, chúng ta chưa thấy mặt hoặc nó không hiện ra bằng xương bằng thịt để mà chụp ảnh.

Đứng ngoài nhìn cảnh thực dân cũ Pháp bị đuổi ra khỏi Đông Dương như thế nào, đế quốc mới Mỹ đã lập mẹo nhẩy vào và Tổ quốc ta đã phải đi tiếp cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ngay từ năm 1954 - từ Hiệp định đình chiến 20-7 - năm ấy - đến tận 30 tháng 4 năm 1975.

Và, trong những năm dài gian khổ, vinh quang đó, Tổ quốc ta ngày càng thêm nhiều anh em, đồng chí bạn bè thân thiết, sống chết vui buồn có nhau như: Liên Xô, Lào, Cam-pu-chia, và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa cũng như các nước khác đang đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội...

Bài học lớn của Điện Biên Phủ là ý chí “Quyết chiến, quyết thắng” cho chân lý “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, là sự chỉ đạo chiến tranh giữ nước tài tình của Đảng ta, của Bác Hồ muôn vàn kính yêu.

Chiến thắng Điện Biên Phủ ghi nhận và chứng minh những cống hiến về tinh thần chiến đấu, về tài trí thông minh, về giác ngộ lý tưởng, về sức mạnh tổng hợp của tuổi trẻ Việt Nam. Dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng và làm theo lời dạy thiêng liêng, thương mến của Bác Hồ, tuổi trẻ Việt Nam từ ngày có Đảng đã mang sức “Phù Đồng thiên vương” trong người.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã tạo nên những gương anh hùng liệt sĩ đời đời Tổ quốc ghi công, đời đời nhân dân ghi nhớ như các đồng chí: Tô Vĩnh Diện, Phan Đình Giót, Trần Can, Bế Văn Đàn... đã gửi trọn tuổi thanh xuân và cuộc đời tươi đẹp cho cuộc kháng chiến chống Pháp nói chung, chiến thắng Điện Biên Phủ nói riêng. Những anh hùng trẻ tuổi khác ở Điện Biên hồi ấy, lại bước tiếp sang cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Tuổi thanh niên của các anh, các chị mà rất nhiều là những anh hùng vô danh đã sống những năm tháng sôi nổi, đẹp đẽ, quả cảm tuyệt vời.

Và, thực tế những người đoàn viên của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, những thanh niên tiên tiến Việt Nam đã từng thế hệ tiếp thế hệ ghi tiếp vào danh sách những người con anh hùng trẻ tuổi của Tổ quốc những tên người không bao giờ

hết. Từ Nguyễn Viết Xuân, Nguyễn Văn Trỗi, Lê Mã Lương, Nguyễn Thị Hồng Gấm, Kan Lịch, Pa-kơ-lơn... cho đến Lê Đình Chinh, Hoàng Thị Hồng Chiên, Nguyễn Bá Lại, Nguyễn Tài Hải,... hôm nay.

*

* *

Chiến thắng Điện Biên Phủ không dừng lại ở ngày 7 tháng 5 năm 1954 và lễ mừng công năm đó, năm sau và kỷ niệm mãi mãi về sau với ý nghĩa là KỶ NIỆM.

Chiến thắng Điện Biên Phủ vẫn tiếp tục mang thêm những chiến thắng mới trong mỗi chiến công lớn của Tổ quốc trên đường xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta.

Những tấn lúa mới, năng suất mới trên cánh đồng Mường Thanh và những thanh niên mới trưởng thành trên đất Điện Biên lịch sử, đó là chiến thắng mới của chiến thắng Điện Biên phủ.

Trong chiến thắng vĩ đại của mùa xuân 1975, có tinh thần, có kinh nghiệm và ý chí của tuổi trẻ Điện Biên Phủ.

Ngay cả kẻ thù của chúng ta cũng cứ còn phải khổ sở và lúng túng mãi, cứ thua mãi sau ngày 7-5-1954. Chúng luôn luôn nêu ra những lời cắt nghĩa mới: Nào chỉ thua ở Điện Biên chứ không thua ở Việt Nam. Nào đấy là tại Pháp “Thôi không đánh nhau nữa”. Nào Việt Minh cậy số đông về quân v.v... và v.v...

Đã thua mà không dám nhận là thua, thì còn thua nữa. Mấy tiếng “Điện Biên Phủ” đã trở thành câu cửa miệng cho giới đi đánh cướp nước người khi bị đối phương đánh đau. Trên thế giới, khi một tên đế quốc nào đó bị nhân dân các nước nổi dậy đánh cho những đòn đích đáng, thì chúng lại la lên: “Đây là một Điện Biên Phủ nữa!”. Điện Biên Phủ có ở châu Mỹ la-tinh - ở Châu Phi - ở Trung Đông - ở tất cả nơi nào có đội quân giải phóng vùng lên giành lại độc lập - tự do cho Tổ quốc mình.

Sẽ không bao giờ chúng ta học hết được những bài học về gương chiến đấu, về đạo đức, về trí thông minh sáng tạo, về sự hy sinh cao cả... của các chiến sĩ Điện Biên, chiến thắng Điện Biên.

Tinh thần ấy cứ sáng mãi.

Sức sống của tuổi trẻ trong chiến công Điện Biên Phủ “lừng lẫy Điện Biên, chấn động địa cầu” vẫn mãi mãi phơi phới, trang nghiêm; dũng mãnh trước kẻ thù, thiết tha với đồng đội; gặp khó thì vượt lên; gặp việc thì biết cách làm; đứng trước yêu cầu hy sinh của Tổ quốc thì không đắn đo biết sự hèn nhát, dối trá, lừa biếng là nhục nhã thì không bao giờ làm; cái gì không biết thì học ngay, học nhanh, học thật tốt; việc lớn thì xung phong, việc nhỏ không từ chối... tác phong, nếp sống ấy là lối sống trẻ và không làm cho tâm hồn con người ta cằn cỗi đi...

Điện Biên Phủ đã và đang sống mãi, trẻ mãi...

PHỤ LỤC

THANH NIÊN XUNG PHONG PHỤC VỤ CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ

Thực hiện khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến”, “Tất cả để chiến thắng”, nhân dân và thanh niên ta đã nô nức lên đường phục vụ chiến dịch ở Điện Biên Phủ.

Nhân dân các tỉnh đã đưa tiễn con em đi bộ đội, đi TNXP và đi dân công. Thuế nông nghiệp đều đóng vượt mức. Các vùng địch hậu cũng quyên góp tiền của và cử con em ra trận. Hàng chục vạn dân công lên đường tải gạo và thực phẩm ra tiền tuyến. Từng đoàn xe ô-tô anh dũng vượt qua bom đạn lên Tây Bắc. Xe đạp thồ có tới hàng vạn chiếc cũng lên đường, có những chiếc lập kỷ lục thồ trên 3 tạ. Đồng bào dân tộc vùng cao đưa ngựa thồ xuống núi, ra đường cái, đem lương thực, thực phẩm đến các điểm quy định. Dọc đường, nam nữ

dân công nườm nượp lên Tây Bắc. Họ gánh, họ gùi, họ vui cười ca hát. Chưa bao giờ người dân Việt Nam, nhất là thanh niên lại ra trận đông đảo đến như vậy. Khắp mọi nẻo đường cả trên bộ, trên sông, đâu đâu cũng thấy người. Họ làm việc, họ vượt mọi gian nguy với tinh thần tự giác cách mạng rất cao. Hàng hoá được tập kết ở từng chặng, từng kho. Kho tổng hợp lớn nhất là T.100. Rồi từ T.100 bằng nhiều ngã đường hàng hoá được lực lượng TNXP đưa đến đích cuối cùng. Đó là mặt trận Điện Biên Phủ.

T.100 nằm trong vùng rừng núi trùng điệp, cổ thụ bạt ngàn. Đây là vùng giáp ranh giữa 2 huyện Mộc Châu và Yên Châu. Đó là một vùng rộng lớn, có thể lập nhiều loại kho khác nhau để cung cấp cho mặt trận. Các kho đều cách xa nhau, ít nhất vài ki-lô-mét, có đường ô-tô ra vào, có hệ thống canh gác chặt chẽ, nguy trang nghiêm ngặt, thay đổi hàng ngày, có khi hàng buổi. Những hàng đặc biệt như súng đạn, thuốc nổ được để ở những nơi tuyệt đối an toàn. Không kể hàng đã cung cấp cho mặt trận hoặc còn trên đường đi. T.100 thường xuyên có dự trữ chừng vài chục ngàn tấn lương thực, thực phẩm, hàng ngàn tấn thịt, muối và các hàng bách hoá khác, số trâu bò cũng lên tới hàng ngàn con.

Bộ máy hậu cần cho chiến dịch Điện Biên Phủ, T.100 được tổ chức với quy mô lớn, khoa học, tinh vi. Anh Quang Sơn là người được giao nhiệm vụ phụ trách đảm bảo giao thông, anh cho biết có rất nhiều ban như: Đảm bảo giao thông, vận tải, thông tin, liên lạc phụ trách bảo vệ, dân công... Mỗi loại kho đều có ban phụ trách riêng, công việc của các ban hàng ngày, hàng giờ phải báo cáo về Hội đồng cung cấp. Để chỉ huy và liên lạc với Trung ương, mặt trận, ngành Bưu điện đã lắp đặt trên 200 ki-lô-mét đường dây, hàng chục tổng đài khác nhau. Hàng ngày truyền đi hàng trăm bức điện, đảm bảo hàng trăm cuộc đàm thoại.

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, theo lời kêu gọi của Bác Hồ, các địa phương đã huy động hơn 220.000 dân công hoả tuyến, 30.000 xe đạp thồ, hàng nghìn thuyền. Một tỉnh như Thanh Hoá đã đóng góp trên 10.000 tấn gạo, gần 2.000 con trâu bò, riêng khu Việt Bắc đã huy động trên 5.000 tấn gạo. Vùng Tây Bắc mới được giải phóng, còn rất nghèo, nhưng cũng đóng góp trên 7.000 tấn lương thực.

Trong tổng số 220.000 dân công thì riêng tỉnh Thanh Hoá đã đóng góp trên 180.000 người, Việt Bắc 30.000 người, khu III trên 6.000 người, khu Tây Bắc 31.000 người, khu IV với gần 12.000 người, vv...

Riêng TNXP phục vụ thường xuyên từ đầu đến cuối chiến dịch ở Điện Biên Phủ là gần 18.200 người. Trong đó trực tiếp bổ sung cho quân đội tại chiến trường là hơn 8.000 đội viên. TNXP vừa trực tiếp làm công tác vận chuyển, vừa làm công tác bảo đảm giao thông.

Thực dân Pháp và can thiệp Mỹ đã nhận định sai lầm rằng ta không thể làm nổi việc cung cấp, tiếp tế cho một binh lực lớn. Chiến trường cách xa hậu phương sáu, bảy trăm ki-lô-mét, nếu chúng cho không quân đánh phá thì Việt Minh nhất định thua. Thế nhưng chính chúng đã bị thua ở điểm này.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nhận xét: “Việc đảm bảo cung cấp lương thực, đạn dược cho Điện Biên Phủ là một nhân tố vô cùng quan trọng, quan trọng không kém các vấn đề chiến thuật từng ngày, từng giờ... không kém tình hình chiến đấu. Vì vậy kẻ địch không thể tưởng tượng được chúng ta có thể giải quyết được những vấn đề khó khăn ấy. Bọn đế quốc và phản động đã không đánh giá được sức mạnh vĩ đại của một dân tộc, sức mạnh của nhân dân”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Theo *Thanh niên xung phong ngày ấy* của tác giả Trần Dân, chỉ huy lực lượng TNXP phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử. NXBTN, HN, 1997, từ trang 33 đến trang 80.

Sau này, vào dịp kỷ niệm 40 năm TNXP phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ, đồng chí Nguyễn Văn Trân đã phát biểu: “Thời gian này với cương vị là Chủ tịch Hội đồng Cung cấp mặt trận tôi đã thấy việc vận chuyển từ hậu phương ra tiền phương biết bao hy sinh. Phải nói rằng TNXP là lực lượng nòng cốt không những trong vận tải, mà còn đảm bảo giao thông trên bộ, trên thủy. Ở các điểm nóng của chiến dịch đều có mặt TNXP và dân công”⁽¹⁾.

Trên các trọng điểm giao thông ác liệt

Đầu tháng 1 năm 1954, các Đội TNXP 34 và 40 thuộc Đoàn TNXP Trung ương được bổ sung thêm cán bộ, tăng thêm quân số. Số đội viên mới được tuyển phần lớn từ các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh với những tiêu chuẩn theo Chỉ thị của Bác Hồ. Sau đó Đoàn TNXP Trung ương lại lập thêm Đội 42 lo làm nhiệm vụ tuyển quân ở các tỉnh Liên khu IV, nhận làm một đoạn quốc lộ 15 và sau đó cũng tiến lên Tây Bắc.

Hai Đội 34 và 40 thực tế lúc ấy bao gồm gần 8.000 đội viên phiên chế trong 20 đại đội cho mỗi

⁽¹⁾ Sđd, tr 80.

Đội. Theo yêu cầu bổ sung quân số cho bộ đội chủ lực đến đâu thì được tuyển ngay đội viên mới đến đó. Đồng chí Trần Dân trước là Đội trưởng Đội 34, sau đó thiếu cán bộ chỉ huy nên được chỉ định đồng thời là Đội trưởng Đội 40. Nhiệm vụ của Đội 34, 40 chủ yếu là làm cầu đường, nay được giao thêm nhiệm vụ phá thác. Các thác lớn trên sông Đà, sông Nậm Na, sông Mã đã được phá để vận tải bằng thuyền, cả thuyền nan và thuyền gỗ.

Ngày 13-3-1954, quân ta nổ súng tấn công vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Cả ta và địch đều tập trung lực lượng, tập trung mọi cố gắng để giành thắng lợi trong cuộc đọ sức quyết liệt này.

Hồ Chủ tịch, Trung ương Đảng và Chính phủ nêu quyết tâm: “Toàn Đảng, toàn dân tập trung sức lực chi viện cho tiền tuyến nhất định đảm bảo cho chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng”⁽¹⁾. Bác Hồ chỉ rõ: “Âm mưu của địch là tích cực đánh phá đường vận tải của ta. Mong gây cho ta những khó khăn về cung cấp, nhất là trong mùa mưa sắp tới. Vì vậy nhiệm vụ của anh chị em là rất nặng nề và quan trọng. Nó đòi hỏi một tinh thần hy sinh dũng cảm, một tinh thần bền bỉ, dẻo dai cũng như tinh thần xung phong giết giặc của anh em chiến sĩ ở mặt trận.

⁽¹⁾ Sđd, tr 85 - 86.

Mong anh chị em ra sức thi đua đảm bảo đường sá thông suốt, đảm bảo cho bộ đội có đủ cơm ăn và đủ vũ khí đạn dược để giết giặc, góp phần vào chiến dịch lịch sử này⁽¹⁾.

Đáp lời kêu gọi của Trung ương và của Bác Hồ, các lực lượng công binh, TNXP chủ lực cầu đường, và dân công đã sửa chữa, mở rộng hàng ngàn km đường. Các thác lớn trên sông Đà, sông Nậm Na, sông Mã đã được phá để vận tải bằng thuyền, ô tô, xe đạp thồ, ngựa thồ, thuyền gổ, thuyền nan từ các miền đều tập trung về một hướng Điện Biên Phủ.

Địch cho máy bay đánh phá khắp mọi nơi cả trên bộ và trên sông. Lúc đầu chúng đánh phá từ xa, cả đường 1B, đường 13, quốc lộ 15 đoạn Thanh Hoá nhưng về sau máy bay và bom đạn có hạn, chúng phải dồn đánh phá nơi gần mặt trận. Chúng tập trung đánh phá đường 41, từ chợ Bờ lên ki-lô-mét số 10 do các đội chủ lực cầu đường phụ trách. Đặc biệt từ ngã ba Cò Nòi đến Tuần Giáo và từ Tuần Giáo vào Điện Biên. Vùng gần mặt trận địch đánh mỗi ngày một ác liệt, nhất là từ khi ta mở đợt tiến công vào mặt trận Điện Biên Phủ.

Tuyến đảm bảo giao thông của TNXP có chiều

⁽¹⁾ Sđd, tr 85 - 86.

dài gần 200 ki-lô-mét. Vì gần mặt trận nên nơi nào cũng bị bom. Trừ 2 đại đội phục vụ hoả tuyến, đại đội 302 phục vụ Hội đồng Cung cấp mặt trận và đại đội 291 ở Thượng Lào, còn 36 đại đội TNXP đóng rải rác trên các tuyến đường giáp mặt trận. Nhưng tập trung đông nhất là ở ngã ba Cò Nòi, các đèo Chiềng Đông, Chiềng Pắc, Sơn La và Pha Đin. Có 2 cầu hạng trung là Tà Vài và Yên Châu cũng phải chốt 2 đại đội mạnh nhất.

Càng thất bại trên chiến trường chính, địch càng đánh phá giao thông hết sức dữ dội. Đầu tiên chúng dùng các loại bom 50 ki-lô-gam và 100 ki-lô-gam đều bị ta phá và hất xuống suối sâu. Chúng dùng đến bom 1.000 ki-lô-gam, có cả bom nổ chậm. Đội phá bom của TNXP được công binh hướng dẫn, cũng tìm cách phá được các loại bom ấy. Đội đã được bổ sung lên một trung đội. Cao Xuân Thọ, Trần Cam là những chiến sĩ có nhiều thành tích trong việc xây dựng đội phá bom. Việc quan sát bom, lập sơ đồ vùng bị ném bom, đếm số lượng bom địch ném xuống, ghi chép quả nào đã nổ, quả nào chưa nổ, phải có trách nhiệm rất cao. Lúc này ta không có chủ trương dùng súng bộ binh để bắn máy bay cho nên chúng bay rất thấp, quần đảo như đến chỗ không có người. Các trạm quan sát phải làm thấp, kín đáo, có hầm trú ẩn, nếu bị lộ là phải tìm chỗ khác ngay. Vì địch có thể dùng lựu

đạn, dùng trung liên từ máy bay bắn xuống để tiêu diệt. Máy bay “bà già” bay rất thấp và rất lâu, đến chỗ nào nghi có mục tiêu là lập tức điện cho các loại B24, B26, B29 đến ném bom ngay.

Các tổ phá bom không có dụng cụ gì đặc biệt mà chỉ là thuôn tự làm, kìm, búa và những dụng cụ để phá đá nổ mìn. Quan sát bom cũng chỉ bằng mắt thường cho nên phải có lòng dũng cảm, trí thông minh và tinh thần trách nhiệm cao đối với đồng đội. Thường mỗi trọng điểm phải có vài ba trạm quan sát địch ném bom. Mỗi trạm đều phải ghi chép, vẽ sơ đồ. Sau đợt ném bom họ đối chiếu với nhau xem ghi chép có sót không, sau đó chặt cây cắm vào những nơi nguy hiểm và những quả chưa nổ để có kế hoạch phá. Những quả chưa nổ nằm cạnh đường thì lăn xuống suối sâu, chỉ phá những quả nằm trên mép và mặt đường. Phải biết loại bom gì và phân công người đục, thuôn và tháo ngòi nổ. Công việc phá bom làm xong họ kiểm tra lại lần cuối rồi mới báo cho đơn vị ra sửa đường. Giặc lại dùng bom napan. Ở vùng Tây Bắc có nhiều đồi gianh và các loại cây sim, mua, bom napan ném xuống đâu là cả một vùng rộng lớn bị cháy trở trụi. Nguy hiểm nhất là chúng vừa ném bom napan vừa ném bom nổ chậm. Công việc quan sát và phá bom lúc này trở nên phức tạp và vô cùng khó khăn. Từ tháng 4-1954,

chiến dịch Điện Biên Phủ dần dần trở nên quyết liệt. Thực dân Pháp đã dùng đến loại bom nguy hiểm nhất là ~~bom bướm bướm~~. Một quả bom mẹ to bằng chiếc thuyền thúng ném xuống. Bom mẹ nổ tung, văng ra hàng trăm quả bom bướm bướm. Loại bom này có cánh, sơn nhiều màu sắc khác nhau. Phần lớn là màu xanh nhạt, màu nâu đất, đựng đến là cánh xoè ra, bom nổ, phá tung ra hàng trăm mảnh, gây thương vong rất lớn. Ở các trọng điểm, những ngày đầu, anh chị em bị hy sinh, bị thương khá nhiều. Có đơn vị như đại đội 300 tới 20 người bị hy sinh. Cán bộ Đội phải xuống động viên anh em, họp chi bộ, chi đoàn phân tích âm mưu của địch và bàn biện pháp phòng tránh bom, đảm bảo giao thông. Đội phá bom đã chọn những đồng chí có kinh nghiệm nhất nghiên cứu cách phá bom bướm bướm. Anh em nhặt mấy quả bom chưa nổ, đem ra rừng nghiên cứu suốt ngày đêm. Cuối cùng họ cũng tháo được ngòi nổ và nghiên cứu cách cấu tạo của nó. Anh Cao Xuân Thọ kể lại: Nó có lò xo rất nhạy, khi đựng đến bom, lò xo co giãn, cánh bướm xoè ra, kích ngòi nổ. Khi nổ, vỏ bom bằng gang, rất giòn, bị thuốc phá, hàng trăm mảnh bom bắn tung gây sát thương. Hàng trăm quả bom như vậy, làm sao vô hiệu được nó? Trước tình hình đó, anh Cao Xuân Thọ và Trần Cam

bàn với anh em đào sẵn những hố sâu, cử người cầm sào dài, đứng trong hố an toàn để gạt bom bươm bươm xuống các hố sâu cho nó nổ. Quả nhiên, sào dài gạt bom đã kích thích lò xo, làm cho bom nổ hàng loạt, các anh đã chiến thắng. Đường nhanh chóng được giải phóng. Từ đó việc quan sát bom bươm bươm phải vẽ sơ đồ và đánh dấu kỹ càng. Đội phá bom làm trước sau đó đến các trung đội, tiểu đội đều học tập làm theo.

Cao Xuân Thọ và Trần Cam được bầu là Chiến sĩ thi đua của Đoàn và toàn quốc. Cao Xuân Thọ còn có thành tích hướng dẫn đơn vị và dân công đào bếp Hoàng Cầm để nấu được cơm giữa ban ngày phục vụ anh chị em mà không bị máy bay địch phát hiện.

Khi giặc Pháp ở Điện Biên Phủ ngày càng lâm nguy thì chúng coi việc đánh phá các tuyến đường vận chuyển vũ khí, lương thực của quân ta là giải pháp để cứu vãn tình thế. Lực lượng không quân của giặc Pháp trên toàn Đông Dương hầu như dồn về Tây Bắc liên tục hoạt động ngày đêm mà những trọng điểm như cầu Tà Vài, ngã ba Cò Nòi, đèo Pha Đin... được coi như là những toạ độ lửa. Ở đó TNXP vừa chiến đấu quyết liệt với bom đạn địch vừa vật lộn với mưa nguồn lũ dữ. Song với ý chí:

*“Cầm thù bốc lên
Một lòng Đội ta tiến lên
Tin tưởng nơi Bác Hồ
Quyết xứng danh là Đội TNXP”.*

Đó là những câu trong bài Đội ca TNXP do nhạc sĩ Lưu Hữu Phước sáng tác, rất quen thuộc với cán bộ, đội viên. Ông từng có mặt với TNXP ở chiến dịch Biên giới và nhiều chiến dịch khác, đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử.

Tham gia phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ, Đội 34 được nhận 2 nhiệm vụ chính:

1- Bảo đảm giao thông suốt trên con đường dài hơn 200 ki-lô-mét từ Suối Rút (Hoà Bình) đến cây số 31 Tuần Giáo đi Điện Biên.

2- Bốc vác vận chuyển phục vụ các trạm vận chuyển từ Suối Rút đến cây số 80 Điện Biên Phủ.

Hai nhiệm vụ công tác trên, Đội 34 phải rải quân phục vụ trên một tuyến dài 350 ki-lô-mét, bề rộng từ bờ sông Mã giáp Lào đến bờ sông Đà xa 100 ki-lô-mét. Đây là tuyến hoạt động của Đội 34, còn riêng các đại đội cũng phân tán lẻ tẻ từng bộ phận nhỏ cách nhau xa từ 25 ki-lô-mét đến hơn 100 ki-lô-mét, phân tán nhiều nhất là đại đội 295 đã phân tán lẻ tẻ từ 1, 2 người cho đến tổ tam giao phục

vụ cho 4 trạm vận chuyển T.42, T.105, T.100, T.40 xa 152 ki-lô-mét, từ cây số 1 Suối Rút đến cây số 152 Cò Nòi. Đại đội 301 phân tán cách nhau 100 ki-lô-mét phục vụ cho 2 công trường 411 và công trường 4 từ bờ sông Mã giáp Lào đến bờ sông Đà.

Tính chất công tác rất khẩn trương, linh hoạt nhưng không chủ động, các đơn vị không ở một chỗ nhất định, luôn luôn di động nhất là các đơn vị phục vụ ở các trạm vận chuyển, ở nơi này một thời gian lại điều đến nơi khác, có khi 15 ngày đã di động đến 2,3 nơi, công tác phức tạp, có nhiều việc khác nhau, tính trong toàn Đội có 70 việc như cân đong cấp phát, bảo vệ kho lán, bảo vệ khói lửa, giữ trật tự an ninh, nguy trang đường ô-tô, gác kho, coi kho, bốc vác, kéo ô-tô, cáng thương binh, làm lán, phát đường, làm đường, làm công an, kiểm soát, bưu điện, liên lạc, phá bom, phòng không, đào hầm chôn xăng, bốc xăng, vận chuyển xăng, đào công sự, bếp Hoàng Cầm, kéo và vận chuyển súng, giúp pháo binh, thu dọn chiến lợi phẩm, làm cầu, đập đá, vận chuyển đá, xếp kê, chặt gỗ, vận chuyển gỗ, đan sọt, đan ky, chống lầy, vá ổ gà, đan phen, phát cỏ, đóng cọc, đo đường, nghiên cứu đường, làm vồ, lấy thuốc, chuyển tôn, vận chuyển sắt, cấp dưỡng, văn phòng, giải vệt bánh xe, hạ độ dốc, hạ mặt đường, đắp mương, phá đá, đan cán

cuốc, phủ xe ô-tô, chăn nuôi lợn, gác Barie, điều hoà xe, hướng dẫn dân công...

Đội 34 đã nêu cao tinh thần phục vụ chiến dịch, góp phần vào chiến thắng cùng bộ đội và nhân dân ở Điện Biên Phủ. Với nhiệm vụ và tính chất công tác rất đặc trưng, Đội đã thể hiện rõ vai trò xung phong, không lùi bước trước khó khăn, bom đạn.

Đại đội 293 phụ trách một nửa đèo Pha Đin, địch thường xuyên bỏ bom phá hoại, anh chị em đã quyết tâm vượt khó khăn, phát huy sáng kiến, cải tiến tăng năng suất đã bảo đảm quãng đường suốt chiến dịch không bị tắc đêm nào. Có hôm trời mưa đường sạt, anh chị em lo lắng, đã đem cơm nắm, mặc áo ni lông ra đường thường trực và chống lầy, chống bom suốt đêm đến sáng, anh chị em động viên tương trợ nhau trong công tác, nhất là trong 15 ngày chống bom phá, chống lầy phải làm liên tục không nghỉ mà trời lại mưa, đường sạt, địch lại thả bom phải làm tới 5 giờ sáng mới xong. Khi thương binh chuyển đến, anh chị em lại xung phong cáng thương binh về doanh trại, nhường lán cho anh em thương binh nằm, còn anh chị em rải ni lông ra đất ngủ. Cũng có hôm vừa chống lầy ngoài mặt đường về, đang ăn cơm, địch đến phá hỏng đường, anh chị em lại bỏ luôn bữa cơm và vác cuốc xẻng ra mặt đường làm

nhiệm vụ. Năng suất chung của đơn vị trong thời gian phục vụ chiến dịch đã tăng được 2.336 công, tính trung bình tăng 40%, việc chuyển đá tăng 40%, bốc vác tiêu chuẩn 15 phút 4 người 1 xe, anh chị em chỉ làm hết 5 phút. Đại đội được Hội đồng Cung cấp mặt trận và công trường 41 tặng bằng khen và được bầu là đơn vị khá nhất trong phong trào thi đua toàn Đội 34.

Tinh thần gác bom dũng cảm của tổ gác bom đại đội 294 ở đèo Pha Đin cũng xứng đáng được biểu dương. Tổ này chưa được học tập cách phá bom mà chỉ được hướng dẫn quan sát bom. Trong khi địch thả bom, anh chị em đã đứng quan sát, khi địch thả xong, anh chị em từ trên núi lao xuống tìm bom nổ chậm để phá, trong tổ này có đồng chí Tuệ là cá nhân xuất sắc số 1 của Đội. Có những ngày gạo chưa về kịp, anh chị em phải ăn cháo nhưng năng suất vẫn tăng. Việc đập đá tăng 113 m³, rải đá tăng 105 m³, chuyển đá tăng 102 m³, đào mương tăng 46 m³, đào đất tăng 637 m³, bắt ta luy tăng 203 m³, vét bùn và ổ ga tăng 532 m³... Đội được thưởng 25 vạn đồng ngân hàng.

Đại đội 295 là đơn vị điển hình của toàn Đội 34 được Hội đồng Cung cấp mặt trận Trung ương tặng bằng khen, được nhận lá cờ thanh niên Cứu quốc của Đoàn TNXP. Ngay sau chiến dịch toàn Đội 34 đã

nhận được gần 200 bằng khen của các cơ quan như Hội đồng Cung cấp mặt trận Trung ương, các trạm vận chuyển công trường, Ban chỉ huy Đoàn, Ban chỉ huy Đội, Bộ Tổng tư lệnh Cục Vận tải, UBHCKC tỉnh Sơn La, Ban bảo vệ giao thông khu Tây Bắc, Ban vận tải tiền phương và công an tiền phương.

Đội 40 nhận nhiệm vụ bảo đảm giao thông tuyệt đối trên quãng đường dài 800 ki-lô-mét gồm 10 điểm xung yếu như đèo Chen, đèo Sơn La, ngã ba Cò Nòi vv... ở đây địch thường xuyên oanh tạc, thả bom liên tục, bom rải dài 500 mét đến 1.500 mét, mật độ bom có lúc đến cả 100 quả.

Với tinh thần làm việc hết sức mình, vô cùng dũng cảm sáng tạo, các đơn vị trong toàn Đội 40 đã bảo đảm giao thông tuyệt đối phục vụ chiến dịch.

Đại đội 406 đã nối liền giao thông trước hạn định từ 30 phút đến một giờ. Có lần địch thả 50 quả bom phá hỏng 1.000 mét đường nhưng anh chị em đại đội 406 đã bất chấp nguy hiểm, mặc dù còn bom nổ chậm vẫn tiếp tục nổ, đã kịp thời sửa chữa quãng đường bị phá nên xe chở hàng ra phía trước không bị tắc.

Đại đội 401 phụ trách quãng đường 1.500 mét ở ngã ba Cò Nòi. Đây là quãng đường xung yếu, quan trọng nhất trong toàn tuyến ra mặt trận nên

không ngày nào địch không ném bom phá đường. Chiến đấu với bom đạn địch, lao động cật lực để đường không bị tắc, nhiều đồng chí đã hy sinh anh dũng nhưng đại đội 401 đã cùng dân công luôn bảo đảm giao thông tuyệt đối trên tuyến đường.

Đại đội 405, phụ trách quăng đường ở đèo Chen. Đại đội đã cùng dân công hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm được giao thông tuyệt đối ở quăng đường này. Tổ phá bom nổ chậm của đại đội rất dũng cảm, tích cực, còn đi xuống các đơn vị không thuộc phạm vi của mình để phá bom, góp phần bảo đảm giao thông.

Anh em làm công tác giao thông liên lạc của đại đội 405 đã tích cực vượt đèo Chen rất cao, hoàn thành nhiệm vụ trước 2 ngày.

Những ngày mưa lũ, đường ngập bùn, dốc hơn, các đại đội 406, 405, 401, 407, 404 phải thường trực ngày đêm trên mặt đường để cho các đoàn xe chạy được an toàn lên phía trước.

Đảm bảo giao thông ở cầu Tà Vài

Cầu Tà Vài dài khoảng 60 mét, cách đó không xa lại có cầu Yên Châu nằm trên cùng một dòng suối lớn. Về mùa cạn thì nơi nào cũng lội qua được

nhưng mùa mưa nước rất hung dữ, không thể qua lại được. Đây là một nhánh nhỏ của sông Đà. Cầu Sắt cũ đã bị sập phải làm đường ngầm đan rọ bằng gang hoặc bằng gỗ nhỏ làm khung, trong chất đầy đá. Ở vùng này không có núi đá nên phải nhặt đá đầu tư ở các lòng suối. Ven đường cũng có một số nơi có đá gan gà. Cứ xếp chồng rọ đá nọ lên rọ đá kia, đến độ cao cần thiết để xe qua lại dễ dàng. Nước dềnh lên, tràn qua đường ngầm, mỗi lần qua lại, bánh xe kéo theo nước làm đầu cầu và nền đường bị lầy lội xe bị “Patinê”. Lúc này là cơ hội cho máy bay đến đánh phá nên phải tìm mọi cách chống lầy. Nơi này địch phá ác liệt nên phải làm cả 3 con đường tránh (có cả cầu phao cho ô-tô chạy qua) có khi địch phá hỏng cả 3 con đường hoặc mỗi khi mưa to, nước lũ về là đường lại ngập nước mà nước chảy rất mạnh, ô-tô qua lại bằng cầu phao có khi bị lũ cuốn trôi cả cầu, anh chị em phải phối hợp cùng dân công làm suốt đêm ngày để bảo đảm giao thông vận chuyển cho chiến dịch.

Bảo đảm giao thông tuyệt đối phục vụ chiến dịch với hai nhiệm vụ nặng nề là phá bom địch và chống lầy, chống chọi với mưa nguồn nước lũ là những chiến công của lực lượng TNXP, tiêu biểu là hai đại đội 407 và 406 thuộc Đội 40 và đại đội 292 của Đội 34.

Đại đội 407 được thành lập tháng 1-1954 ở Đoàn TNXP thuộc Đội 40. Đại đội 407 do Liên phân đội Hăng-ri Mác-tanh cùng 3 Liên phân đội khác của Đội TNXP Trung ương chuyển sang. Ban đầu đồng chí Nguyễn Khôi là đại đội trưởng, sau đồng chí Khôi được rút lên Đội nên đồng chí Dư thay. Phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ, đại đội 407 phải bảo đảm giao thông tuyệt đối trên quãng đường dài 45 ki-lô-mét, trong đó có 14 đài gác bom và 1 đèo dài 8 ki-lô-mét.

Đơn vị phải phân tán làm 3 bộ phận cách nhau hơn 10 ki-lô-mét và phụ trách trên 400 dân công tỉnh Sơn La để cùng làm nhiệm vụ bảo đảm giao thông tuyệt đối.

Ròng rã 4 tháng địch thả bom bắn phá hàng ngày, có 3 trận lớn địch thả 120 quả bom phá và 44 quả bom nổ chậm, đơn vị đã khắc phục mọi khó khăn gian khổ để làm nhiệm vụ, có khi phải làm suốt cả đêm ngày, có bộ phận tranh thủ vừa gác bom vừa đan phen, cót, kết quả được 250 cái và 5.000 cây rong đan chuyển qua suối tăng năng suất 400 %. Qua các kỳ đầu bảo đảm giao thông tuyệt đối trước hạn định của công trường, kết quả xe chạy thường xuyên. Công trường đã cấp bằng khen cho toàn đơn vị và thưởng 15 ki-lô-gam đường.

Hướng dẫn dân công tăng năng suất 50 % và lôi cuốn anh chị em dân công, giúp họ thô hàng 100 quả khoan bom và giấu được trên 200 phuy xăng trước hạn định một ngày, cứu được 10 ô-tô bị sa lầy ở đường thoát khỏi máy bay.

Một kỷ niệm không bao giờ quên của C 407 là chuyện cọp vô người trong đơn vị. Tuy đã rào dậu rất cẩn thận, có chòi canh gác nhưng vào một đêm trăng sông, cọp đã vọt qua hàng rào nhảy vào, ôm cả chắn màn và người rồi vọt ra ngoài. Đồng chí canh gác sợ mất hồn, không kêu được tiếng nào. Chỉ huy hỏi cứ ú ớ ra hiệu, và chỉ tay phía cọp đi ra. Trước tình hình đó, đại đội trưởng hô to: "Đảng viên, đoàn viên đâu, dậy đi cứu đồng đội". Lúc đó toàn đơn vị vùng dậy, hàng ngũ tề chỉnh, súng đạn lên nòng. Mỗi trung đội đi một hướng, có cán bộ đại đội phụ trách. Tìm mãi không thấy dấu vết gì, đi một cây số mới phát hiện một miếng màn rách vướng trên cành cây. Toàn đại đội nhả nhiều loạt đạn. Một lát sau anh em lên bãi cỏ mới thấy xác người. Cọp đã ăn mất một bên đùi. Thấy động nó đã vọt ra. Anh em nhìn kỹ mới biết người bị hại là anh Nguyễn Văn Dịp. Dịp là một chiến sĩ thi đua dũng cảm. Anh em đưa thi hài đồng chí về nhà, khâm liệm, tổ chức truy điệu và mai táng gần xong thì trời hửng sáng. Giữa lúc đó, 4 máy bay đến ném bom vào cầu, chúng lượn nhiều vòng,

ném một loạt trên chục quả bom. Trinh sát đánh dấu và báo cáo có 4 quả chưa nổ, nằm bên mép đường. Đơn vị phân công đội phá bom vào trận. Các B chuẩn bị đảm bảo giao thông còn một tiểu đội có trung liên được phân công gác mộ đồng chí Dịp, đề phòng cọp trở lại tìm mồi.

Trong trận đó cả đại đội 407 đã biến đau thương thành sức mạnh. Chỉ trong hai tiếng đồng hồ phá xong 4 quả bom chưa nổ và hai tiếng sau cầu đường lại thông.

C 407 thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm và phát huy các sáng kiến nên được toàn công trường III nêu gương dẫn đầu phong trào thi đua trên công trường. Về Đoàn là 1 đơn vị khá nhất, 407 được giữ cờ Thi đua khá nhất của Bác ở Đội, được Nha Giao thông cấp bằng khen và giữ lá cờ luân chuyển của Nha. Kết quả 1 năm C 407 đã được khen 7 lần toàn đơn vị tăng hơn 7.700 công, được thưởng hơn 100 vạn đồng ngân hàng, được giữ 2 cờ Thi đua khá nhất của Bác và Nha Giao thông. Về cá nhân được 165 giấy khen các cấp, 3A và 2B được công trường cấp giấy khen và thưởng 6 ki-lô-gam gạo, đào tạo được 24 cán bộ A, 11 cán bộ B và 1 cán bộ C, đã bầu được 33 cá nhân xuất sắc, trong đó đã chọn được 5 Chiến sĩ thi đua có thành tích năm 1954.

Đại đội 406 được thành lập từ đầu năm 1954, tập hợp toàn thể anh chị em và cán bộ thuộc các Liên phân đội Tô Hiệu, Trần Hưng Đạo, Huỳnh Thúc Kháng và Liên phân đội 1, là những đơn vị thuộc Đội TNXP công tác Trung ương cũ. Các anh chị em thuộc các đơn vị trên đa số nhập Đội tháng 8-1951, hầu hết đều qua đợt chỉnh huấn chính trị năm 1953. Các đơn vị đã có nhiều thành tích trong các chiến dịch Thượng Lào, Tây Bắc và phục vụ đường 41. Có đơn vị đã được Bộ Tổng tư lệnh tặng thưởng Huân chương, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Cung cấp và các cơ quan sử dụng, Ban chỉ huy Đội cấp bằng khen, đặc biệt Liên phân đội Tô Hiệu là một đơn vị điển hình của toàn Đội TNXP công tác Trung ương được tặng thưởng lá cờ Thi đua khá nhất của Hồ Chủ tịch và lá cờ Thi đua sửa đường của Ban Vận tải tiền phương.

Đại đội 406 do đồng chí Nguyễn Minh Ca làm đại đội trưởng.

Đơn vị được lệnh vào phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ, đảm nhiệm 2 đèo trọng điểm địch đã phá hoại trên con đường dài 29 ki-lô-mét nên đơn vị phải phân tán lực lượng làm đôi. Anh chị em vừa công tác, vừa học tập ý nghĩa, mục đích chiến dịch, các bức thư của Hồ Chủ tịch, Trung ương Đảng và Đại tướng Tổng tư lệnh. Toàn đơn vị hạ quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm giao thông tuyệt đối.

Địch bắt đầu phá hoại ngày càng dữ dội, qui mô hơn. Có ngày chúng thả trên 50 quả bom nhưng đêm nào giao thông cũng thông trước 12 giờ đêm, không những chống với bom của địch phá hoại mà còn chống với thiên nhiên, suốt 5 đêm liên chống lầy, bùn ngập tới gần đầu gối, có anh chị em nói: “Đem mạ ra đây để cấy được”. Anh chị em đã khắc phục và phát huy sáng kiến làm trang kéo bùn nên đêm nào giao thông cũng thông suốt, cũng có xe bị trơn bánh, vượt trượt ra ven đường nhưng lại có đồng chí len mình vào dưới gầm xe để vét bùn, kích xe lên. Có những đêm vì bị sức bom phá mà trời thì mưa nên có những quãng đèo đất sụt xuống hơn 100 m³ lấp hết mặt đường, những cây cao trên đèo đổ xuống làm một số đồng chí bị hi sinh nhưng anh em vẫn lao động quên mình để thông đường, thông xe.

Công tác chống bom của địch, anh em vừa học, vừa làm nên đã có kinh nghiệm. Ban chỉ huy Đội và công trường quyết định cử một số anh em đến các đơn vị thanh niên không thuộc phạm vi mình phụ trách để chống phá bom hoặc xây kè, chữa cầu giúp đơn vị bạn.

Đơn vị vinh dự được Bộ Tổng tư lệnh trao tặng Huân chương Chiến công hạng Ba, được Bộ Giao thông Công chính, Tổng cục Cung cấp trao bằng khen, Hội đồng Cung cấp mặt trận Trung ương

quyết định khen thưởng và tặng thưởng thù lao tăng năng suất 112.300 đồng ngân hàng. Về cá nhân có 34 đồng chí được cấp trên khen thưởng.

Một vinh dự lớn trong Hội nghị sơ kết thi đua 19-5 của Đoàn, đơn vị đã được Hội nghị và Ban chỉ huy Đoàn quyết định trao lá cờ Thi đua khá nhất của Hồ Chủ tịch.

Đại đội 407 và 406 đã nghiên cứu kỹ công việc, vì đá ít, nên TNXP phải đan rọ để làm ngàm, chặt tre, gỗ làm rong đánh chống lầy có hiệu quả. "Rong đánh" là loại mặt đường bằng tre, hoặc gỗ, để cả cây, ghép sát vào nhau, hai bên đóng cọc giữ chặt các cây tre, gỗ để xe ô-tô qua lại đảm bảo không trơn lầy. Dịch ném bom hỏng cây nào, đoạn nào thay đoạn ấy. Lúc đó không có đinh (loại đinh rên) để đóng xuống đất cho nên phải dùng cọc dúi thành hàng dọc, kẹp chặt các cây tre, gỗ làm mặt đường. Thắng lợi của họ là dự trữ thật nhiều đá, thật nhiều tre gỗ. Nên sau mỗi lần dịch ném bom chỉ ba đến năm tiếng là đường thông. Các chiến sĩ phá bom như Cao Xuân Thọ, Trần Cam đều nổi lên từ đại đội 407. Sau đó, đội rút các anh Cao Xuân Thọ, Trần Cam và một số chiến sĩ để lập đội phá bom lưu động. Hai cầu Yên Châu, Tà Vài bị dịch ném bom liên tục, tổ phá bom của đơn vị đã quan sát để phá hàng trăm quả và hất xuống suối hàng trăm quả khác.

Đại đội 407 đã được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì và Đại đội 406 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba.

Đảm bảo giao thông ở ngã ba Cò Nòi

Ngã ba Cò-Nòi là điểm gặp nhau của đường 13 và đường 41. Đây là đoạn đường xung yếu nhất trong tuyến đường của chiến dịch. Địch biết rõ sự chi viện của hậu phương ta và của các nước anh em cho Điện Biên Phủ đều phải qua Việt Bắc, đến Cò Nòi rồi mới tới Điện Biên. Chúng chặn ngả này từ phà Âu Lâu (Yên Bái), đèo Lũng Lô, đèo Chẹn, bến phà Tạ Khoa rồi đến điểm nút là Cò Nòi. Ở tuyến 13 từ Thanh Hoá ra, hay quốc lộ 41 từ Hoà Bình lên đều phải qua đây để lên hoả tuyến. Bám trụ ở ngã ba này là các đại đội 300; 303; 301; 403 do các anh Nguyễn Khắc Chénh, Dương Phước Tú, Nguyễn Văn Kim chỉ huy.

Từ ngày 13-3-1954, đợt tiến công thứ nhất vào Điện Biên Phủ bắt đầu. Địch không đánh rải rác khắp nơi như trước. Chúng tập trung máy bay, bom đạn đánh đường tiếp tế của ta từ Cò Nòi trở lên. Lúc đầu là các loại bom phá, bom nổ chậm, bom napan. Chúng đánh trên mặt đường, đánh cả vào nơi đóng

quân. Vị trí đóng quân cũng phải thay đổi luôn, phải nguy trang kỹ, phải phân tán từng trung đội. Đường bị băm nát, có chỗ bị trơn lầy do xe chạy qua suối đưa nước lên đường. Anh em đã phải bỏ đá, dự trữ cây làm “rong đánh” chống lầy. Đó là các loại vật tư chiến lược để đảm bảo giao thông.

Ngã ba này là một thung lũng hẹp và sâu, ngày cũng như đêm địch đánh phá ác liệt, có ngày chúng thả tới 300 quả bom đủ loại, đây thật sự là một túi đựng bom. Bất chấp nguy hiểm, TNXP thường xuyên trụ vững để làm đường, sửa đường, bảo đảm thông đường, thông xe. Đội phá bom được chốt ở đây trong một thời gian dài. Các anh đã đào tạo cho các đại đội đều có tổ quan sát bom và phá bom. Ba mặt đồi núi đều có vọng gác đếm bom. Họ đặt trạm gác ở những nơi kín đáo, có hầm hố để phòng tránh. Nhưng cũng phải thay đổi vị trí luôn, đề phòng địch phát hiện. Mỗi tổ chỉ 2 người, vừa quan sát vị trí ném bom xuống vừa đếm để nắm số lượng bom đã nổ, chưa nổ, còn một người ghi chép, vạch sơ đồ. Sau mỗi trận họ lại đối chiếu thật khớp nhau, rồi vạch ra kế hoạch cho tổ phá bom, bom phá, bom chưa nổ còn dễ phân biệt, riêng bom napan thì phải phân vùng. Công việc phá bom đã dần dần đi vào nền nếp.

Tiêu biểu cho tấm gương gan dạ, dũng cảm của

anh em TNXP trong các tổ phá bom nổ chậm của Đội 34 và Đội 40 là đồng chí Nguyễn Tiến Thụ.

Đồng chí Thụ quê ở xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Đồng chí đã tham gia Đội TNXP công tác phục vụ chiến dịch Thượng Lào, là tổ trưởng tổ quan sát phá bom của Liên phân đội Tô Hiệu. Đồng chí là Chiến sĩ thi đua của Đội TNXP công tác Trung ương mùa thi đua 1952. Khi đó, đồng chí Thụ mới 20 tuổi nhưng đã là tổ trưởng một tổ phá bom nổ chậm thuộc đại đội 404 (Đội 36). Dịch thả nhiều bom bướm bướm (nổ chậm) nhưng anh em TNXP chưa ai biết cách tháo ngòi nổ. Thụ đã dũng cảm xung phong tháo thử một quả để rút kinh nghiệm. Anh nấp dưới một hố cá nhân, giơ hai tay lên để tháo bom với suy nghĩ: Nếu bom nổ thì cũng chỉ mất hai bàn tay, người còn sống còn làm việc được.

Thật bất ngờ, đồng chí đã tháo thành công quả bom nổ chậm đầu tiên mà không xảy ra thương vong. Từ đó cả đơn vị học tập anh đã phá được hàng trăm quả bom mà vẫn an toàn. Trong lúc làm nhiệm vụ, anh Thụ bị 4 lần bom nổ gần vùi lấp, ngất đi nhưng khi tỉnh lại đồng chí vẫn bình tĩnh tiếp tục công việc. Anh còn có nhiều sáng kiến tăng năng suất trong công tác làm đường. Sáng kiến của anh về đánh máng rãnh cho đất tự chảy đỡ phải chuyển gánh tăng năng suất 150 %.

Sau chiến dịch Điện Biên Phủ, đồng chí Nguyễn Tiến Thụ được bầu là Chiến sĩ thi đua của Đoàn TNXP, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì và được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và Bưu điện cấp bằng khen.

Địch xảo quyết thay đổi nhiều cách đánh nguy hiểm hơn. Chúng ném cùng lúc bom nổ, bom nổ chậm, bom napan và bom bướm bướm. Các đơn vị đi qua ngã ba Cò Nòi và 4 đại đội TNXP đảm bảo giao thông đã hy sinh đến hàng trăm người nhưng đường luôn thông suốt.

Đảm bảo giao thông ở đèo Pha Đin

Đèo Pha Đin dài 28 ki-lô-mét, cao 1.600 mét, nếu kể từ chân dốc phía Thuận Châu đến chân dốc phía Tuần Giáo thì vừa đúng 32 km, nó chỉ thua đèo “Pha Đén”, hoặc gọi là “Lê A” ở quốc lộ 3 phía trên Bắc Kạn dài 42 ki-lô-mét.

Đèo Pha Đin là một trong những trọng điểm đánh phá của địch. Bởi đó là con đường huyết mạch để lên Điện Biên Phủ. Đèo Pha Đin rất gần mặt trận, ở đây địch ném bom ác liệt nhất là hai bên dốc, ở các đoạn ngoặt chữ “chữ”. Nếu đánh điểm trên, đất đá trôi xuống phá hủy các đoạn đường phía dưới. Địch đánh một, được hai, ba, còn

ta thì phải sửa chữa vô cùng khó khăn. Vì mặt đường hẹp, độ dốc lớn. Từ đầu tháng 4-1954 địch bị thua đau ở mặt trận, nên chúng đánh phá tập trung ác liệt vào những tuyến tiếp tế gần nhất. Thật ra chúng cũng không còn đủ sức để đánh phá ở diện rộng và dài như trước nữa, ở đèo Pha Đin các lực lượng TNXP phải bố trí đến 9 đại đội. Đầu dốc phía Thuận Châu là các đại đội 292, 293, 294, 295 thuộc Đội 34 do các đồng chí Chương Danh, Thanh và Quới chỉ huy. Đây cũng là các đại đội mạnh. Phần lớn là anh em TNXP người Nghệ Tĩnh. Phía Tuần Giáo là các đại đội 403, 405, 408, 409 thuộc Đội 40 mà phần lớn là anh em TNXP Thanh Hoá do các anh Hỷ, Hồng, Vĩnh, Tâm chỉ huy. Các anh Hồng, Vĩnh đều là cán bộ TNXP công tác Trung ương điều động sang Đoàn TNXP nên có nhiều kinh nghiệm. Còn ở trên đỉnh đèo là đại đội 264 do anh Nguyễn Văn Quang chỉ huy.

Các đại đội đều được phân công phụ trách từng đoạn đường. Họ đều phải ở xa trọng điểm, đi làm xa đến 4 - 5 ki-lô-mét. Anh em phải chia ca kíp, làm cả ngày, cả đêm với hai công việc quan trọng nhất là phá bom và sửa đắp đường cho xe đi. Đội phá bom của Đội đã giúp các đại đội gây dựng các tổ phá bom. Lợi dụng độ dốc của đèo, họ đã dùng xà beng bẩy cho bom lăn xuống vực và chỉ còn phải phá những quả nằm

lại trên đường. Các đại đội đều phối hợp với nhau lập tổ quan sát. Hết trận đánh, họ phân công đào và phá bom. Đơn vị nào cũng có nhiều đồng đá, đồng gỗ để làm vật tư đảm bảo giao thông. Những ngày có sương mù xe vẫn có thể chạy cả ngày.

Đèo Pha Đin tuy dài và bị địch đánh phá ác liệt nhưng 9 đại đội TNXP đã anh dũng vượt qua bom đạn, lao động hết mình, đảm bảo cho xe ta ra trận, với quyết tâm: “TNXP còn thì mạch máu giao thông luôn được giữ vững”. Tiêu biểu cho tinh thần này là Chiến sĩ thi đua số 1 của Đoàn TNXP Trịnh Văn Huyền.

Khoảng giữa tháng 4-1954, một đoàn xe 10 chiếc chở hàng ra trận. Địch phát hiện được nên chúng cho nhiều tốp máy bay đến bắn phá. Một xe bắt đầu bốc khói. Thấy vậy Trịnh Văn Huyền đã dũng cảm nhảy lên xe dập lửa. Anh hô hào anh em đến cứu xe, người dùng xẻng, dùng bao tải dập không cho lửa cháy. Còn họ bốc hàng trên xe xuống đường, cả đại đội 293 làm theo. Còn 9 xe khác, các đại đội 292, 293, 294, 295 đều xông vào bốc và vận chuyển hàng. Cán bộ, đảng viên, đoàn viên và thanh niên khi đó đều cùng một hành động “cứu hàng và cứu xe”. Hành động đó đã cứu được cả đoàn xe chở hàng. Trịnh Văn

Huyền nổi lên như một tấm gương sáng trên đèo Pha Đin. Quê anh ở Đức Thọ, Hà Tĩnh, nhà nghèo phải đi ở, nghe tin tuyển TNXP, anh tình nguyện tham gia. Ở đơn vị, anh là người lao động giỏi, năng suất bao giờ cũng cao hơn anh em, anh được anh em bầu là cán bộ A, sau lên cán bộ B. Hỏi anh lúc đó nghĩ thế nào mà dám trèo lên xe đạp lửa, bốc đạn và hô hào mọi người cùng làm, Huyền trả lời rất tự tin: “Tôi nghe chỉ huy nói một viên đạn đại bác bằng gia tài của một gia đình trung nông, đạn ấy ta chưa làm được. Có đạn mới thắng được giặc. Để mất viên đạn nào là có tội với Tổ quốc, với nhân dân nên tôi phải xông vào cứu mà không nghĩ gì đến bị thương hay bị chết”. Trong nhiệm vụ phá bom nổ chậm, anh rất dũng cảm và biết tổ chức công việc một cách hợp lý nên đơn vị anh đã tăng năng suất 200 %, riêng anh tăng 270 %. Trịnh Văn Huyền được bầu là Chiến sĩ thi đua số 1 của Đoàn TNXP. Với những thành tích xuất sắc phục vụ kháng chiến, sau chiến dịch Điện Biên Phủ, Trịnh Văn Huyền được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì và được Bác Hồ tặng thưởng chiếc áo lụa. Anh được cử tham gia đoàn đại biểu thanh niên và sinh viên nước ta đi dự Đại hội liên hoan Thanh niên và Sinh viên Thế giới lần thứ 5 họp tại thủ đô Vác-sa-va (Ba Lan).

Đêm 6 tháng 5, toàn bộ pháo binh và tên lửa của ta dồn dập bắn vào Sở chỉ huy của địch ở Điện Biên Phủ. Vào lúc 14 giờ ngày 7 tháng 5 các cánh quân của ta tiến vào khu Trung tâm. Đến 17 giờ 30 cùng ngày, tướng Đờ-cát-tơ-ri và toàn bộ Bộ Tham mưu tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị bắt sống. Hơn 16.000 quân địch bị diệt và xin hàng.

Chiến dịch Điện Biên Phủ đã toàn thắng.

Phối hợp với Điện Biên Phủ, ở Liên khu V và Nam Bộ, cuộc tiến công quân sự của bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương kết hợp với phong trào đấu tranh vùng sau lưng địch và trong các đô thị của nhân dân ta cũng thu được nhiều thắng lợi to lớn.

Trên đất nước ta và trên các chiến trường ở Đông Dương dấy lên cao trào tiến công quân thù mạnh mẽ, rộng khắp.

Ngày 8 tháng 5, Bác Hồ kính yêu gửi thư khen ngợi bộ đội, dân công, thanh niên xung phong và đồng bào Tây Bắc. Toàn văn bức thư như sau:

“Quân ta đã giải phóng Điện Biên Phủ, Chính phủ thân ái gửi lời khen ngợi cán bộ, chiến sĩ, dân công, thanh niên xung phong và đồng bào địa phương đã làm tròn nhiệm vụ một cách vẻ vang.

Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bước đầu. Chúng

ta không nên vì thắng lợi mà kiêu, không nên chủ quan khinh địch. Chúng ta kiên quyết kháng chiến để giành lại độc lập, thống nhất, dân chủ, hoà bình. Bất kỳ đấu tranh về quân sự hay ngoại giao cũng đều phải đấu tranh trường kỳ gian khổ mới đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Bác và Chính phủ sẽ khen những cán bộ, chiến sĩ, dân công, thanh niên xung phong và đồng bào địa phương có công trạng đặc biệt⁽¹⁾".

Từ khi bắt đầu công việc chuẩn bị cho đến lúc kết thúc thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử, lực lượng Thanh niên xung phong đã xứng đáng với niềm tin của Bác Hồ, của Đảng và Chính phủ. Ngoài 8.000 cán bộ, đội viên trực tiếp bổ sung cho quân đội trở thành những cán bộ chiến sĩ anh dũng kiên cường, lực lượng Thanh niên xung phong còn cung cấp cho ngành vận tải, ngành quân y, ngành giao thông công chính, ngành ngoại giao, Hội đồng Cung cấp mặt trận vv... tổng cộng gồm 6.000 đồng chí cán bộ, đội viên.

Trong thực tiễn lao động và phục vụ chiến đấu, Thanh niên xung phong đã được học tập, rèn luyện, trưởng thành nhanh chóng, kịp thời phục vụ cho nhu cầu của cuộc kháng chiến. Thực tiễn

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh toàn tập, tập 7, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.272.

đã trở thành trường học lớn của thanh niên như Bác Hồ đã dạy. Riêng trong quá trình chuẩn bị và phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ, lực lượng Thanh niên xung phong đã được Nhà nước tặng thưởng:

- 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất cho toàn Đoàn TNXP.

- 60 Huân chương các loại cho tập thể và cá nhân xuất sắc.

- Hàng nghìn cán bộ, đội viên TNXP được tặng bằng khen, giấy khen của các ngành, các cấp.

MỤC LỤC

Trang

Lời giới thiệu	5
----------------------	---

Phần I

MÙNG THANH • ĐIỆN BIÊN PHỦ ĐẾN CHIẾN DỊCH LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ

1. Hoa ban trắng rừng	9
Mưu đồ của giặc và cuộc nhảy dù bất ngờ	22
Trận đánh không cân sức và lễ cầu hồn giữa thung lũng xanh	31
2. Việt Bắc - Mùa Thu 1953	35
Ở đâu đau đớn giống nòi	
Nhìn về Việt Bắc mà nuôi chí bền... ..	35
Phà ngược nước.	38
Chiếc gậy Bác cho	45
3. Na-va ước vọng!	50
Cái bẫy thép - Chiếc máy nghiền,	
con nhím khổng lồ hay là một pháo đài bất khả xâm phạm. ...	50
Nơi núi rừng có nhiều khách đến.....	55
4. Trước giờ nổ súng.....	61
Chuyện ở một phân đội quân báo.....	61
Những chuyện như “thần thoại”	65
Kéo pháo vào - kéo pháo ra.....	71
Cùng đi chiến dịch.....	84

Phần II
CHIẾN DỊCH ĐIỆN BÊN PHỦ

1 - "Bác bảo thắng là thắng!"	91
Tướng Na-va mở khúc "Lạc...quan"	91
Giờ ra trận đã đến	94
2 - Đợt tấn công thứ nhất	98
Giờ lập công đã đến.	98
Nhổ cụm Him Lam	103
Đờ-cát tính nhảm!	113
Mở cửa vào Mường Thanh:	
- Hạ Đồi Độc Lập.	
- Quét Quang Bản Kéo.....	117
3 - Vây lại, cắt chúng nó ra mà đánh	127
Đức và Phương.....	130
Na-va cáu, Cô-nhi chuẩn.....	138
4 - Đợt tấn công thứ hai	144
Chim ưng! Chim ưng!.....	145
Đúng là Mũi đây.	148
Báo cáo, vâng!	150
Nghỉ thế này sốt ruột lắm ạ!.....	152
Cơ đây các đồng chí ơi!	156
Từ thế trận giằng co ở đồi A1 đến "Kế hoạch điều hâu" của địch.	161
5 - Siết chặt vòng vây	165
Xẻo cái dạ dày của nó đi!	165

Vừa tĩa vừa lẩn, vừa đánh vừa giữ.....	170
Một chọi mười.....	176
Con nhím ngắc ngoải.....	178
6- Đợt tấn công thứ ba	184
Những chiến sĩ lần đầu ra trận.....	184
Mỹ thời cụp cánh “Điều hâu” - Na-va tính kế chạy đâu bây giờ?.....	190
Tiến lên! Các đồng chí ơi!,.....	193
Hoan hô các đồng chí!	196
Sáng kiến thứ ba của “Bại tướng” Na-va và cuộc bắt thăm khốn khổ của “Yếu tướng” Đờ-cát.....	199
Không cho chúng nó ra.	203
Trận đánh của người cầm cờ “quyết chiến quyết thắng”	206
Trở trêu thay, nẻo đường về tướng "Đờ" vĩnh biệt... lời thề cho xong.....	210
Chiến thắng!.....	214

Phần III

SỐNG MÃI TINH THÂN ĐIỆN BIÊN PHỦ,
TRẺ MÃI VỚI TUỔI TRẺ ĐIỆN BIÊN PHỦ

Phụ lục:	
Thanh niên xung phong phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ	223

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

62 Bà Triệu - Hà Nội - ĐT: (84.04). 8229413. 9.439364

Fax: 04.9436024. E-mail: nxbthanhvien@yahoo.com

Chi nhánh: 270 Nguyễn Đình Chiểu - Quận III - TP Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 9305243

ĐIỆN BIÊN PHỦ TUỔI TRẺ LẬP CÔNG

NHIỀU TÁC GIẢ

Chịu trách nhiệm xuất bản: MAI THỜI CHÍNH

Chịu trách nhiệm bản thảo: PHẠM ĐỨC

Biên tập: ĐẶNG QUANG VINH

Bìa: THỦY LIÊN

Kỹ thuật vi tính: NGUYỆT LÊ

Sửa bản in thử: PHAN THẮNG

In 1.000c, khổ 13x19cm, tại Công ty in Tổng hợp Hà Nội.

Giấy phép xuất bản số: 41/1539/CXB-QLXB

In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2004.

